

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRẦN MINH TẠO

**THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT HOẠT ĐỘNG
ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ TẠI TỈNH BẠC LIÊU**

Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Mã số : 62.38.01.02

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. PHẠM VĂN TỈNH

HÀ NỘI, 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các dẫn liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận án

TRẦN MINH TẠO

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLTTHS	: Bộ luật tố tụng hình sự
CQĐT	: Cơ quan điều tra
KSV	: Kiểm sát viên
VKS	: Viện kiểm sát
VKSND	: Viện kiểm sát Nhân dân

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU	12
1.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài.....	12
1.2. Tình hình nghiên cứu ở trong nước	17
1.3. Đánh giá chung tình hình nghiên cứu và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu	24
CHƯƠNG 2. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ VÀ KIỂM SÁT HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ	29
2.1. Những vấn đề lý luận về thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra trong điều tra các vụ án hình sự.....	29
2.2. Quy định pháp luật về thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự.....	72
CHƯƠNG 3. THỰC TIỄN THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ VÀ KIỂM SÁT HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ TẠI TỈNH BẠC LIÊU	99
3.1. Thực tiễn tổ chức bộ máy thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự tại Tỉnh Bạc Liêu	99
3.2. Thực tiễn thực hành quyền công tố trong điều tra vụ án hình sự tại Tỉnh Bạc Liêu	104
3.3. Thực tiễn kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự tại Tỉnh Bạc Liêu.....	110
3.4. Những hạn chế về thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự.....	114
CHƯƠNG 4. GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ VÀ KIỂM SÁT HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ	129
4.1. Hoàn thiện pháp luật về thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự.....	129
4.2. Tăng cường thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự.....	134
4.3. Tăng cường tổ chức và nguồn lực thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự	145
KẾT LUẬN	161
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	159
PHỤ LỤC	171

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp là chức năng hiến định, gắn liền với bản chất giai cấp sa□u sắc và là mộ□t bộ□ phạ□n kho□ng thể tách rời với quyền lực nhà nu□ớc, đư□ợc nhà nu□ớc sử dụng nhằm truy cứu trách nhiệ□m hình sự đối với ngu□ời phạm tọ□i. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa mộ□t be□n là nhà nu□ớc (be□n có quyền lực và đứng ra buộ□c tọ□i) và ngu□ời phạm tọ□i (là ngu□ời bị truy cứu trách nhiệ□m hình sự) cũng chính là một nội dung quan trọng của Công cuộc cải cách tư pháp, xa□y dựng nhà nu□ớc pháp quyền xã hộ□i chủ nghĩa của nha□n da□n, do nha□n da□n, vì nha□n da□n ở Việt Nam hiện nay.

Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ□ Chính trị về mộ□t số nhiệ□m vụ trọng ta□m của co□ng tác tu□ pháp trong thời gian tới đã xác định mộ□t số nhiệ□m vụ trọng ta□m của co□ng tác tu□ pháp lie□n quan đến trách nhiệ□m của VKS trong thời gian tới: “Việ□n kiểm sát các cấp thực hiệ□n tốt chức na□ng thực hành quyền co□ng tố và kiểm sát việ□c tua□n theo pháp lượ□t trong hoạt độ□ng tu□ pháp. Hoạt độ□ng co□ng tố phải đư□ợc thực hiệ□n ngay từ khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình tố tụng nhằm đảm bảo kho□ng bỏ lọt tọ□i phạm và ngu□ời phạm tọ□i, kho□ng làm oan ngu□ời vo□ tọ□i...”. Bên cạnh đó, Nghị quyết số 48-NQ/TW “Về Chiến lượ□c xa□y dựng và hoàn thiệ□n hệ□ thống pháp lượ□t” Việ□t Nam đến na□m 2010, định hu□ớng đến na□m 2020, cũng nhấn mạnh: “Hoàn thiệ□n pháp lượ□t về tổ chức và hoạt độ□ng của Việ□n kiểm sát theo hu□ớng bảo đảm thực hiệ□n tốt chức na□ng co□ng tố, kiểm sát hoạt độ□ng tu□ pháp”. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung u□o□ng Khóa 10 tại Đại hộ□i Đảng toàn quốc lần thứ XI ne□u rõ: “...bảo

đảm tốt hoàn các điều kiện để Việc kiểm sát nhà dân thực hiện hiệu quả chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp; tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra”.

Với vai trò và tầm quan trọng đó, ngành Kiểm sát cả nước nói chung, VKSND Bạc Liêu nói chung đã có nhiều nỗ lực, cố gắng, hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn, góp phần quan trọng vào công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Bạc Liêu là nơi hội tụ của nhiều dòng văn hoá, đặc biệt là sự giao thoa giữa 3 dòng văn hoá của người Kinh, người Khmer và người Hoa, có xuất phát điểm không cao so với các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Tại đây, các cơ quan tư pháp đã đấu tranh kiên quyết với các loại tội phạm xảy ra tại địa phương. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu với chức năng, nhiệm vụ của mình, nhất là trong thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự, đã cùng các cơ quan tố tụng tại địa phương thực hiện có hiệu quả cuộc đấu tranh chống các loại tội phạm, từ đó hạn chế oan, sai, cũng như việc bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự được chuẩn xác hơn, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau nên việc thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra tội phạm do VKSND tỉnh Bạc Liêu thực hiện còn có những yếu kém như: việc khởi tố không chính xác dẫn đến phải đình chỉ điều tra vì không tội; vụ án bị trả qua lại nhiều lần giữa các cơ quan tiến hành tố tụng khiến việc điều tra bị kéo dài; vướng mắc trong áp dụng pháp luật làm cho cuộc điều tra không kịp thời, thậm chí có vụ làm oan sai, vi phạm nghiêm trọng đến quyền tự do, dân chủ

của công dân, ảnh hưởng xấu đến nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm và giảm lòng tin của nhân dân đối với các cơ quan pháp luật tại địa phương.

Thực tế trên đây phải được thay đổi và phải được nghiên cứu trên nhiều phương diện khác nhau. Trên phương diện khoa học pháp lý, việc nghiên cứu cũng cần phải được thực hiện theo các chuyên ngành khác nhau, trong đó, việc nghiên cứu theo chuyên ngành *Luật Hiến pháp* và *Luật Hành chính* cho đến nay còn ít được thực hiện, mặc dù trong phạm vi của chuyên ngành này, việc đổi mới tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân, luôn là một yếu tố có tác động mạnh mẽ đến hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm và được Đảng ta đặc biệt chú ý trong suốt quá trình cải cách tư pháp ở nước ta thời gian qua.

Hai chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân Việt Nam từ lịch sử hình thành (năm 1954-1960) đến nay luôn được đặt trong xu thế vận động và phát triển. Đặc biệt là xu hướng đổi mới và hoàn thiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp thể hiện trong Nghị quyết số 08 (năm 2002) đến Nghị quyết số 48, Nghị quyết 49 (năm 2005), Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Khóa 10, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI (năm 2011), đến Hiến pháp mới 2013 và nhiều Luật về tổ chức đã được ban hành thời gian qua. Đây chính là kết quả của quá trình Đổi mới đất nước, cũng như của cải cách tư pháp. Theo đó, quan điểm về Viện kiểm sát nhân dân với chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp vẫn được tiếp tục duy trì và phát triển.

Hai chức năng này được Viện kiểm sát thực hiện trong suốt cả quá trình tố tụng, từ khởi tố, điều tra, truy tố đến xét xử vụ án. Trong các giai đoạn và các hoạt động tố tụng đó, thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện

chức năng buộc tội đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, là cơ sở để truy tố bị can trước Tòa án.

Như vậy, việc tiếp tục nghiên cứu chế định Viện kiểm sát nhân dân luôn luôn được đặt ra và cách thực hiện hứa hẹn hiệu quả cao là cách nghiên cứu từ thực tế tại một đơn vị hành chính- lãnh thổ nhất định. Ở đây, Bạc Liêu, một tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long đã được lựa chọn.

Mặt khác, chức năng *thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp* vốn phải được thực hiện theo thủ tục và quá trình luật định, với các giai đoạn khác nhau, trong đó, giai đoạn điều tra, luôn luôn chứa đựng nhiều mối quan hệ về quyền lực tư pháp hình sự vốn đã phức tạp lại mang đậm dấu ấn đặc thù Việt nam, rất cần phải được nghiên cứu chuyên sâu, tìm sự phù hợp giữa đòi hỏi của thực tiễn đời sống với pháp luật. Và thực tế ở tỉnh Bạc Liêu những năm qua cũng cho thấy, việc thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự do Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tiến hành rất cần được tổng kết và khái quát, đáp ứng yêu cầu “*bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất*” được ghi nhận tại Điều 2 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014.

Với cách nhìn nhận như vậy, đề tài “***Thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự tại tỉnh Bạc Liêu***” đã được lựa chọn để nghiên cứu.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Thông qua việc nghiên cứu thực tế về tổ chức và hoạt động “*Thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự tại tỉnh*

Bạc Liêu”, đề tài hướng tới việc tìm kiếm những luận cứ khoa học cho việc hoàn thiện lý luận, đảm bảo chức năng của Viện kiểm sát nhân dân được thực hiện đúng đắn.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt mục đích đã nêu, đề tài này phải thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu sau:

- Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân trong giai đoạn điều tra hình sự;

- Nghiên cứu pháp luật về thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân trong giai đoạn điều tra hình sự theo từng giai đoạn phát triển của đất nước ta với các bản Hiến pháp thích ứng và các luật kèm theo, có đề cập chi tiết đối với pháp luật hiện hành;

- Mô tả và đánh giá thực trạng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra của Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bạc Liêu thời gian qua (10 năm, 2006 đến 2015);

- Giải pháp bảo đảm thực hiện đúng quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra của VKSND trong giai đoạn hiện nay.

3. Đối tượng và Phạm vi nghiên cứu của luận văn

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Trong khuôn khổ chuyên ngành Luật Hiến pháp, luận án có đối tượng nghiên cứu là cơ sở lý luận về thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự với tính cách là một bộ phận của chế định Luật Hiến pháp “*Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp*” với đòi hỏi của thực tế giải quyết vụ án hình sự thông qua thực tiễn ở tỉnh Bạc Liêu. Điều này muốn nói rằng, đề tài sẽ tập trung nghiên cứu

các cơ sở lý luận chung về thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự với tư cách là quyền lực nhà nước, đi sâu nghiên cứu về mối quan hệ của thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự đã xảy ra ở địa phương thời gian qua trên cơ sở của pháp luật thực định, chủ yếu là Hiến pháp, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Bộ luật Tố tụng hình sự.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung, đề tài “*Thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự tại Tỉnh Bạc Liêu*” được nghiên cứu trong phạm vi của khoa học Luật Hiến pháp thuộc chuyên ngành Luật Hiến pháp và Luật hành chính.

Về giai đoạn tố tụng hình sự, đề tài tập trung nghiên cứu ở giai đoạn điều tra vụ án hình sự và có mở rộng nghiên cứu so sánh thêm “hoạt động điều tra” trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự. Bởi vì, hoạt động điều tra thể hiện đậm nét và đầy đủ nhất trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự (bắt đầu ngay sau khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can và kết thúc khi cơ quan điều tra ra bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc đình chỉ vụ án). Tuy nhiên, tác giả cũng ý thức được thực tế “hoạt động điều tra” không chỉ có trong “giai đoạn điều tra” mà còn có cả trong “giai đoạn khởi tố” (trước khi có quyết định khởi tố vụ án). Điều đó có nghĩa là hoạt động điều tra trong nhận thức của chuyên ngành luật hiến pháp và luật hành chính có giới hạn rộng hơn “hoạt động ở giai đoạn điều tra” của tố tụng hình sự.

Giới hạn nghiên cứu của đề tài về thực hành quyền công tố ở phạm vi hoạt động điều tra các vụ án hình sự (tức không nghiên cứu thực hành quyền công tố trong giai đoạn trước nó (gồm hoạt động giải quyết tin báo, tố giác tội phạm, trong giai đoạn khởi tố), cũng không nghiên cứu thực hành quyền công tố trong

giai đoạn sau nó (giai đoạn truy tố, hoạt động xét xử); và tương tự như vậy về kiểm sát sẽ chỉ nghiên cứu kiểm sát hoạt động điều tra vụ án hình sự.

Trong phạm vi của đề tài, “hoạt động điều tra” không đồng nhất với “giai đoạn điều tra”. Hay nói cách khác, thực hành quyền công tố trong điều tra các vụ án hình sự có phạm vi rộng hơn thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra quy định tại Điều 112 BLTTHS năm 2003.

Bên cạnh đó, CQĐT không phải là chủ thể duy nhất có thẩm quyền thực hiện các hoạt động điều tra mà còn các cơ quan khác được giao thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra (như cơ quan Hải quan, Kiểm lâm v.v...) theo luật định. Tuy vậy, đề tài chỉ khảo sát thực tiễn hoạt động thực hành quyền công tố trong điều tra vụ án hình sự của VKS đối với các CQĐT ở Tỉnh Bạc Liêu.

Về địa bàn nghiên cứu, đề tài được thực hiện ở tỉnh Bạc Liêu, gồm cả cấp Tỉnh và cả cấp huyện.

Về thời gian, đề tài sử dụng số liệu thực tế giải quyết các vụ án hình sự trong những năm từ 2006 đến 2015 ở địa phương, có tham khảo và so sánh với phạm vi quốc gia.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận và cách tiếp cận nghiên cứu

Về phương pháp luận, đề tài được thực hiện trên nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, những tư tưởng đã được làm rõ và cô đọng trong các văn kiện chỉ đạo của Đảng trong thời gian vừa qua, như Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002; Nghị quyết số 49 – NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị; Kết luận 79-KL/TW ngày 28/7/2010 của Bộ Chính trị, Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị và đặc biệt là chiến lược cải

cách tư pháp đến năm 2020; Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

Về cách tiếp cận, Luận án sử dụng chủ yếu hai cách tiếp cận:

Một là, công tố và kiểm sát phải được nhìn nhận là quyền lực nhà nước, được Nhân dân giao cho ngành Viện kiểm sát nhân dân. Cách tiếp cận này giúp cho đề tài làm rõ được bản chất, cũng như tính chính đáng, tính nhân dân của công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự;

Hai là, công tố và kiểm sát được nhìn nhận là chức năng của một thiết chế quyền lực của Nhà nước ta. Cách tiếp cận này thu hút toàn bộ tư tưởng lập Hiến và lập pháp, cũng như những kinh nghiệm tổ chức thực hiện và thực tế thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự tại một đơn vị cấp tỉnh.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau, mang tính đặc trưng của chuyên ngành Luật Hiến pháp và luật Hành chính, gồm: phương pháp biện chứng, lôgích, lịch sử, phân tích, tổng hợp, hệ thống, diễn giải, quy nạp, phỏng vấn, so sánh, thống kê và phân tích quy phạm luật Hiến pháp, tuân thủ cách tiếp cận đa ngành, liên ngành luật học.

Về phương pháp biện chứng và lôgích: Những phương pháp này được sử dụng ở các chương của luận án, nhưng nhiều hơn cả là ở chương hai, chương phải đề cập đến vấn đề biện chứng của quyền lực nhà nước, quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự. Ở đây, tính lôgích phải được bảo đảm để thấy được giới hạn của quyền lực;

Về phương pháp lịch sử: Phương pháp này cũng được sử dụng ở cả chương một và chương hai để chứng minh tính cần thiết, chính đáng và khả thi của quyền lực công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự;

Về phương pháp phân tích, tổng hợp và thống kê: Những phương pháp này phải được sử dụng ở chương ba của luận án, vì chương này phải “đổi mặt” với thực tế 10 năm thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự để kiểm nghiệm lý luận và pháp luật về những quyền này. Ở đây, các phương pháp khác, như diễn giải, quy nạp, phỏng vấn và so sánh cũng được áp dụng. Các tài liệu, báo cáo của ngành, số liệu thống kê về tình hình giải quyết các vụ án hình sự, tình hình khởi tố, điều tra và truy tố trong 10 năm phải được phân tích, so sánh;

Về phương pháp phỏng vấn: Phương pháp này được áp dụng để khai thác kinh nghiệm, nhận thức của hai chức danh là Kiểm sát viên và Điều tra viên ở tỉnh Bạc Liêu. Nội dung phỏng vấn đề cập đến công tác cụ thể của hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự như: hoạt động giải quyết tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố, về thẩm quyền của Viện kiểm sát trong hoạt động điều tra, hoạt động phê chuẩn của Viện kiểm sát, căn cứ để thực hiện những việc đó trong thực tế, công tác kiểm sát hoạt động điều tra hỏi cung, thu thập chứng cứ, kiểm sát khám nghiệm hiện trường, công tác khám nghiệm tử thi, kiểm sát thu thập hồ sơ tài liệu của cơ quan điều tra...;

Về phương pháp phân tích quy phạm luật Hiến pháp: phương pháp này được áp dụng ở cả chương hai, chương ba và chương bốn để thấy rõ tính đặc thù của loại quy phạm này, phục vụ cho việc đánh giá thực tế triển khai thực hiện Hiến pháp 2013;

Về phương pháp so sánh luật, phương pháp này rất phù hợp cho việc tiếp thu kinh nghiệm pháp luật nước ngoài, thấy được đặc thù của pháp luật Việt nam ở các thời kỳ khác nhau và so với pháp luật nước ngoài để khẳng định giá trị của pháp luật hiện hành.

5. Những đóng góp mới về khoa học của luận án

Cái mới của luận án được thể hiện ở những nội dung:

Một là, bổ sung và có phát triển lý luận về quyền công tố và quyền kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự trên cơ sở nghiên cứu cơ bản, tức là tìm hiểu bản chất pháp lý của hai quyền này bằng phương pháp biện chứng, lôgích và lịch sử;

Hai là, làm rõ được thực trạng hoạt động và tổ chức thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu những năm qua (10 năm);

Ba là, thiết lập được các giải pháp bảo đảm thực hiện đúng quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra của VKSND trong giai đoạn hiện nay.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Về phương diện lý luận, kết quả của luận án góp phần bổ sung, làm phong phú thêm hệ thống lý luận về công tố, kiểm sát và về thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp nói chung và hoạt động kiểm sát hoạt động điều tra nói riêng. Luận án cũng có thể sử dụng làm tài liệu nghiên cứu, tham khảo, phục vụ cho giảng dạy, học tập trong các trường đào tạo các bộ làm công tác tư pháp.

Về phương diện thực tiễn, kết quả của luận án chứa đựng mô hình tác nghiệp thực tế giành cho cán bộ Kiểm sát viên ngành kiểm sát nói chung và đặc biệt là những người đang công tác tại Viện Kiểm sát hai cấp của tỉnh Bạc Liêu làm tài liệu tham khảo, vận dụng để nâng cao hiệu quả thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra vụ án hình sự trong thời gian tới.

7. Cơ cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của Luận án được chia thành 4 chương:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu;

Chương 2. Những vấn đề lý luận và pháp luật về thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự;

Chương 3. Thực tiễn thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự tại tỉnh Bạc Liêu

Chương 4. Những giải pháp tăng cường công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

Thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra vụ án hình sự là đề tài vừa mang tính thực tế, vừa mang tính chất học thuật cao, nên đã được nhiều người nghiên cứu. Sau đây là những công trình đã được đề tài cập nhật, tham khảo:

- Sách chuyên khảo, *Tập hợp các văn kiện pháp lý quốc tế cơ bản về quyền con người*, NXB Tư pháp, Hà Nội, 6/2007. Các hướng dẫn về vai trò của Công tố viên được thông qua tại Hội nghị lần thứ 8 về phòng, chống tội phạm và xử lý người phạm tội của Liên Hiệp Quốc, họp tại Havana, Cu ba, từ 27/8 đến 7/9/1990. Tại Phần III của sách nói về vai trò chính yếu của Công tố viên đóng góp “xây dựng một nền tư pháp hình sự vô tư, công bằng và bảo vệ công dân một cách hiệu quả chống lại tội phạm”. Công tố viên phải thực hiện vai trò tích cực trong tổ tụng hình sự, gồm cả “chức năng công tố”, “trong điều tra tội phạm, giám sát tính hợp pháp của những cuộc điều tra đó, giám sát việc thi hành quyết định của toà án”.

- Sách tham khảo, *Luật 101 mọi điều bạn cần biết về pháp luật Hoa Kỳ*, do Jay M. Feinman, NXB Hồng Đức (2014). Luật Hiến pháp và những vấn đề liên quan đến Luật Hiến pháp của Hoa Kỳ. Trong đó Chương IX nói về tổ tụng hình sự nhất là quyền của Cảnh sát, Công tố viên trong điều tra tội phạm, vấn đề khám xét và bắt giữ, vấn đề đặc quyền chống lại việc tự buộc tội là gì? Điều gì sẽ xảy ra nếu Cảnh sát vi phạm quyền của họ?

- Tsuneo Inako, *Tìm hiểu pháp luật Nhật Bản*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 1993, GS TS. Đào Trí Úc giới thiệu. Quyển sách gồm 12 chương, trong đó chương VI về Hiến Pháp và Chương XII về Tổ tụng hình sự. Cung

cấp kiến thức cơ bản về Hiến pháp, về Quốc Hội là cơ quan lập pháp cao nhất đại diện cho nhân dân; về những quy định có liên quan đến nguyên tắc Hiến pháp, về nhân quyền, về hoạt động điều tra, khởi tố và những người tham gia tố tụng... về việc nhà nước áp dụng hình phạt với một người cần phải tuân thủ nghiêm chỉnh trình tự tố tụng hình sự; quyền được xét xử tại Tòa án hợp pháp; việc bắt giữ, kiểm soát chỗ ở, thu giữ tài liệu và tài sản của cá nhân cần phải có lệnh của cơ quan tư pháp có thẩm quyền; người bị tình nghi phạm tội được sử dụng sự giúp đỡ của luật sư...Cấm không được nhục hình, không được chỉ dùng lời khai thú tội để truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Công trình nghiên cứu "The Prosecutor in Transnational Perspective" [83]. Marianne Wade - giảng viên cao cấp trường Luật Birmingham tại Đại học Birmingham và Erik Luna - Giáo sư Luật đại học Washington, trước đây là một Công tố viên và là chuyên gia nghiên cứu. Trong công trình này, hai tác giả đi sâu làm rõ cách thức tổ chức hoạt động của hệ thống công tố Hoa Kỳ, thủ tục truy tố và mối quan hệ giữa Công tố viên với nhà văn cảnh sát Hoa Kỳ, cách thức thu thập, sử dụng chứng cứ và loại trừ chứng cứ không liên quan, quyền hạn của cơ quan công tố trong quá trình chứng minh tội phạm. Bên cạnh đó, hai tác giả còn nghiên cứu so sánh về vai trò của hệ thống công tố cũng như của Công tố viên Hoa Kỳ và một số nước Châu Âu điển hình như Ý, Ba Lan, Thụy Điển và một số nước Bắc Âu khác. Trên cơ sở đó, các tác giả khẳng định sự cần thiết phải cải cách tổ chức và hoạt động của hệ thống công tố, từng bước loại bỏ ranh giới về mặt pháp lý để phát huy tối đa hiệu quả hoạt động của hệ thống công tố Hoa Kỳ và các nước Châu Âu. Công trình nghiên cứu này không đi sâu nghiên cứu về mặt lý luận mà trực tiếp đề

cáp đến những vấn đề pháp lý cũng như thực tiễn hoạt động của hệ thống công tố.

- William E Buttler (2010), “*Research studies on the organization and functioning of the justice system in five selected countries (China, Indonesia, Japan, Republic of Korea and Russian Federation)*”. Báo cáo nghiên cứu về tổ chức bộ máy và chức năng của hệ thống tư pháp tại năm quốc gia: Trung Quốc, Indonesia, Nhật, Hàn Quốc và Nga. Theo đó, cơ quan công tố/Viện kiểm sát được nhận biết tổng quan như sau: Ở Trung Quốc, hệ thống Viện kiểm sát được thành lập theo địa giới hành chính nhưng độc lập với hệ thống cơ quan hành chính và cơ quan Tòa án. Tổ chức Viện kiểm sát có VKSNDTC, VKSND địa phương, VKSND quân sự và VKSND chuyên ngành khác. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Tối cao do Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc bầu ra và chịu trách nhiệm trước cơ quan này. Trong tổ tụng hình sự VKSND kiểm sát hoạt động điều tra, điều tra tội phạm tham nhũng và truy tố. VKSND còn có nhiệm vụ giám sát việc giam giữ và cải tạo, cơ quan thi hành án. VKSND các cấp đều có bộ phận (tổ chức) làm nhiệm vụ điều tra tội phạm tham nhũng và kiểm sát viên làm nhiệm vụ điều tra. Trong hoạt động điều tra kiểm sát viên có quyền yêu cầu cơ quan công an hỗ trợ khi cần thiết. Ở Indonesia, Cơ quan công tố là một cơ quan chủ chốt chịu trách nhiệm thực thi pháp luật trong bộ máy hành pháp của nhà nước, được tổ chức chặt chẽ theo ngành dọc từ trung ương xuống địa phương, có thẩm quyền truy tố tội phạm hình sự, tiến hành điều tra một số loại án hình sự theo quy định của pháp luật. Trong lĩnh vực hành chính và dân sự, VKS tiến hành các hoạt động pháp lý đại diện và phục vụ cho lợi ích của Nhà nước và Chính phủ. Ở Nhật Bản, Viện Công tố trực thuộc hành pháp, được tổ chức tương ứng với hệ thống Tòa án và được chia thành 4 cấp, cao nhất là Viện công tố trung ương, Viện công tố cấp cao, Viện công tố cấp tỉnh và Viện công tố khu vực. Viện

công tố có chức năng, nhiệm vụ quan trọng trong tổ tụng hình sự, có trách nhiệm phát hiện tội phạm và truy tố tội phạm; Công tố viên được giao thẩm quyền rất lớn trong điều tra, Cảnh sát có trách nhiệm thực hiện chỉ đạo của Công tố viên khi cần thiết. Ở Hàn Quốc, Viện công tố trực thuộc Bộ Tư pháp về tổ chức nhưng Viện trưởng công tố độc lập trong chỉ đạo chuyên môn. Công tố viên có nhiệm vụ, thẩm quyền trong 3 lĩnh vực: điều tra, truy tố và những vấn đề khác liên quan đến chứng minh tội phạm và thi hành án. Công tố viên của Viện công tố được coi là một loại nhân viên bán tư pháp. Công tố viên có quyền hạn và trách nhiệm điều tra hình sự và chỉ đạo và hướng dẫn cảnh sát thực hiện nhiệm vụ; đại diện lợi ích công bảo vệ nhân quyền và đại diện Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích công chúng. Liên bang Nga, quy định rõ địa vị pháp lý của VKSND trong bộ máy nhà nước, là một hệ thống cơ quan nhà nước độc lập bên cạnh các hệ thống cơ quan nhà nước khác. Chức năng hiến định của VKS là kiểm sát việc tuân theo pháp luật trên mọi lĩnh vực pháp luật. Trong lĩnh vực hình sự, VKS Liên bang Nga có nhiệm vụ, quyền hạn điều tra tội phạm, thực hành quyền công tố trước Tòa và giám sát việc điều tra của các CQĐT. Đồng thời, VKS tại Liên bang Nga còn có quyền điều tra các tội phạm nghiêm trọng như bắt cóc dẫn đến chết người, các tội phạm do quan chức nhà nước thực hiện.

- Sách chuyên khảo: “The German prosecution service: guardians of the law?” [112](Hệ thống công tố của Đức: Người giám hộ của pháp luật) của Shawn Boyne. Đây được xem như là công trình khoa học độc đáo, nghiên cứu sâu sắc về hệ thống công tố của Đức. Trong công trình này, Shawn Boyne tìm hiểu nguyên nhân sâu xa nào để các Công tố viên của Đức được hoan nghênh như là "các Công tố viên khách quan nhất trên thế giới". Trong công trình này, tác giả kết hợp khéo léo với nghiên cứu so sánh luật học để chỉ ra sự khác nhau trong hoạt động

giữa Công tố viên Đức và Hoa Kỳ, qua đó khẳng định vị trí thể chế và nhiệm vụ theo luật định của Công tố viên Đức không chỉ là danh tiếng mà là rất xứng đáng. Shawn Boyne cũng không quên chỉ ra những khó khăn, nguyên nhân làm suy yếu khả năng của các Công tố viên Đức trong quá trình tìm kiếm sự thật khách quan. Cuốn sách cũng cung cấp cho độc giả thực tiễn hoạt động truy tố ở Đức và va chạm của các hoạt động truy tố.

- Sách chuyên khảo (2008), “*The Unity and Diversity of the Public Prosecution Service in Europe*” của Tony Paul Marguery là công trình nghiên cứu chuyên sâu về sự thống nhất và đa dạng của các cơ quan Công tố tại châu Âu. Điển hình như ở Cộng hòa Pháp là một quốc gia đại diện cho các nước theo hệ thống pháp luật châu Âu lục địa. Viện công tố Pháp có tư cách đại diện cho xã hội, trách nhiệm chính là tìm kiếm, đòi hỏi các hoạt động điều tra phải tuân thủ đúng pháp luật khi điều tra các tội phạm, bảo vệ lợi ích chung của công chúng. Viện Công tố trong cơ cấu hành pháp nhưng hoạt động lại được xác định là cơ quan tư pháp. Công tố viên không phải là viên chức hành chính mà được xếp vào ngạch tư pháp, được gọi là Thẩm phán buộc tội. Để thực hiện trách nhiệm, chức năng của mình, Cơ quan công tố có quyền mở cuộc điều tra, tiến hành điều tra dưới sự trợ giúp của Cảnh sát tư pháp. Công tố viên có thẩm quyền quyết định trong việc có quyết định khởi tố vụ án hay không. Đồng thời, Công tố viên có quyền chỉ đạo điều tra, đưa ra các yêu cầu buộc Cảnh sát tư pháp phải thực hiện. Ở Đức, Công tố Đức là cơ quan thực hành công lý ngang cấp với Tòa án, là cơ quan bảo vệ pháp luật phục vụ việc thực thi công lý hình sự. Công tố được tổ chức ở cả cấp bang và liên bang. Trong tố tụng hình sự, Công tố chỉ huy khởi tố và kết thúc tố tụng ban đầu. Công tố phải phát hiện tình tiết của vụ việc một cách tích cực và không chỉ

phục vụ cho việc buộc tội mà còn những gì phục vụ cho việc gỡ tội và bảo đảm các chứng cứ cần thiết.

Tài liệu Hội nghị đã phụ thuộc vào tổ chức bởi Hội đồng cha mẹ A: “The Role of the Public Prosecution Office in a Democratic Society”. Đây là bộ tài liệu tập hợp những bài viết, tham luận, công trình nghiên cứu về vị trí, vai trò của hệ thống cơ quan Công tố ở các nước Châu Âu, những hạn chế và khuyến nghị để cải tổ, nâng cao chất lượng hoạt động của các văn phòng Công tố, đáp ứng nhu cầu của xã hội đa dân chủ. Tài liệu Hội nghị này được tập hợp, in thành sách và là một trong những cẩm nang quan trọng đối với các nhà lập pháp, các văn phòng Công tố và các Công tố viên ở Châu Âu.

1.2. Tình hình nghiên cứu ở trong nước

Các công trình khoa học trong nước đã công bố về những vấn đề liên quan đến đề tài là rất phong phú, nhiều hình thức và mức độ. Ở đây, đề tài chỉ xin nêu những công trình thiết thực và đã tham khảo được:

- Nguyễn Đăng Dung (chủ biên): *Những vấn đề về Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp*, Nxb Dân Trí, Hà Nội 2012; Hiến pháp phải là văn bản bảo đảm quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; phần thứ hai của sách đề cập về chế định Viện kiểm sát nhân dân, sự ra đời và phát triển, cơ cấu tổ chức VKSND qua các bản Hiến pháp, làm rõ sự cần thiết thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong lịch sử và nội dung cải cách tổ chức hoạt động của Viện kiểm sát. Khẳng định các hoạt động giai đoạn điều tra là hoạt động quan trọng có tính quyết định nhất trong toàn bộ quy trình giải quyết vụ án, hoạt động điều tra gắn bó với hoạt động công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật;

- Võ Khánh Vinh (2010), *Giáo dục quyền con người – những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 2010. Cuốn chuyên khảo này

đề cập đến giáo dục quyền con người, trong đó, tố tụng hình sự có ảnh hưởng vô cùng sâu sắc đến quyền con người nhất là trong hoạt động cưỡng chế hình sự, trong khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự. Đặc biệt cần nâng cao ý thức của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng về quyền con người để các chủ thể này có ý thức tôn trọng và bảo đảm cho những người tham gia tố tụng như người bị bắt, bị can, bị cáo... thực hiện tốt các quyền và lợi ích hợp pháp của mình;

- Lê Hữu Thể (2008), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*, Nxb Tư pháp, Hà Nội. Sách chuyên khảo của TS. Lê Hữu Thể có đề cập đến những vấn đề then chốt của đề tài luận án, tức là có giảng giải về việc, Viện kiểm sát thực hiện hai chức năng Hiến định; các quan điểm và lý luận chung về chức năng, nhiệm vụ của VKSND trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự; về quyền công tố, đối tượng, phạm vi quyền công tố trong giai đoạn điều tra; thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp hình sự trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự. Trong đó, mối quan hệ giữa quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự là hai chức năng độc lập nhưng có quan hệ mật thiết với nhau;

- Số chuyên đề về thông tin khoa học kiểm sát, *cơ quan công tố một số nước*, Số 4 và 5/ 2006; giới thiệu sâu về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của một số cơ quan công tố theo những truyền thống pháp luật lớn trên thế giới. Các nước theo truyền thống pháp luật châu Âu lục địa (Pháp, Đức), Viện Công tố được đặt trong hệ thống hành pháp nhưng trong hoạt động được xác định là cơ quan tư pháp; pháp luật giao cho Viện Công tố trách nhiệm rất quan trọng trong hoạt động điều tra vụ án hình sự, có quyền chỉ đạo, giám sát hoạt động điều tra Cảnh sát, quyền trực tiếp điều tra tội phạm và nếu cần thiết chỉ huy Cảnh sát để hỗ trợ mình tiến hành điều tra. Đối với các nước theo

truyền thống án lệ, điển hình như (Anh, Mỹ), cả về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Viện công tố được xác định là cơ quan hành pháp; cơ quan công tố có trách nhiệm truy tố tội phạm, thực hiện phối hợp, hướng dẫn hoạt động điều tra theo đúng quy định của pháp luật, không chỉ đạo các hoạt động điều tra. Các nước có hệ thống pháp luật truyền thống có những đặc điểm tương đồng theo chế độ xã hội chủ nghĩa như (Trung Quốc và Nga trước đây), được giao chức năng điều tra tội phạm theo pháp luật quy định, kiểm sát việc điều tra của các CQĐT và thực hành quyền công tố trước Tòa;

- Số chuyên đề về thông tin khoa học kiểm sát, *Kết quả nghiên cứu đề án “nghiên cứu việc chuyển Viện kiểm sát thành Viện công tố”* và đề án “*mô hình tổ tụng hình sự Việt Nam*”, số 3 và 4/ 2012; đề án nghiên cứu sự khác nhau căn bản giữa mô hình Viện kiểm sát và mô hình Viện Công tố. Từ kết quả nghiên cứu đặc điểm cụ thể của nước ta, chế độ chính trị và đặt thù tổ chức quyền lực nước ta, tiếp thu kinh nghiệm các nước nhất là các nước xã hội chủ nghĩa và các nước có nền kinh tế chuyển đổi, đề án khẳng định Viện kiểm sát với hai chức năng thực hành công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp là mô hình phù hợp với các điều kiện cụ thể về chính trị, kinh tế, xã hội của nước ta;

- Nguyễn Tiên Sơn (2012), *Mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra với Viện kiểm sát trong tổ tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sỹ luật học. Tác giả đã nghiên cứu dưới góc độ lý luận một cách có hệ thống, toàn diện và chuyên sâu về vị trí, chức năng, nhiệm vụ của VKSND trong bộ máy nhà nước, phân định chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp nói chung và kiểm sát hoạt động điều tra vụ án hình sự nói riêng. Trên cơ sở những luận cứ lý luận và thực tiễn trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả mối quan hệ phối hợp, chế ước giữa hai cơ quan trong giải quyết các vụ án hình sự;

- Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, *Tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác của Viện kiểm sát nhân dân qua 55 năm tổ chức và hoạt động (26/7/1960 – 26/7/2015)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2015; công trình nghiên cứu công phu đúc rút 55 năm hoạt động của ngành, trong đó Chương II của Phần thứ hai, đánh giá về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân trong thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong lĩnh vực hình sự; Chương I của Phần thứ ba, đánh giá về công tác tổ chức, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ Viện kiểm sát nhân dân;

- Lê Cẩm (2011), *Về Viện kiểm sát Việt Nam*, Tạp chí kiểm sát số 21 (2011). Bài viết đề cập một cách sâu sắc chức năng, nhiệm vụ và thiết chế Viện công tố, VKSND các nước trên thế giới; Tác giả đề xuất duy trì các chức năng của VKSND, vị trí của VKSND trong bộ máy nhà nước ta, VKSND có tổ chức và hoạt động mang tính độc lập với chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. VKSND cùng Tòa án nhân dân là các cơ quan tư pháp;

- Nguyễn Hoà Bình (2015), *Những nội dung mới trong Bộ luật tố tụng hình sự 2015*, Cuốn sách chuyên khảo này bao gồm 20 công trình nghiên cứu khoa học của tập thể tác giả, các chuyên gia nghiên cứu lý luận và các kiểm sát viên, hoạt động thực tiễn trong và ngoài ngành Kiểm sát, đã đề cập đến những vấn đề lý luận chung, quan trọng, có ý nghĩa quyết định tới chất lượng và hiệu quả hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự. Sách có giá trị làm tăng cường nhận thức về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Viện kiểm sát trong việc đáp ứng yêu cầu công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm; đồng thời cũng đặt ra yêu cầu đối với ngành Kiểm sát phải thật sự tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân theo Hiến pháp và BLTTHS quy định, tiến tới mục tiêu xây

dựng nền tư pháp công bằng, nhân đạo, dân chủ, nghiêm minh, đề cao trách nhiệm trước nhân dân;

- Bùi Mạnh Cường (2013), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về ngành kiểm sát nhân dân*, từ nguồn: “<http://www.nhandan.com.vn/chinhtri/tin-tuc-su-kien/item/20833702-tu-tuong-ho-chi-minh-ve-nganh-kiem-sat-nhan-dan.htm>”. Bài viết này của tác giả Bùi Mạnh Cường đề cập đến tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng bộ máy các cơ quan tư pháp và xác định đây là cơ quan trọng yếu của chính quyền. Đối với thiết chế Viện Công tố, sau này là Viện Kiểm sát nhân dân, tác giả cho biết, Bác đã có chỉ đạo rất sâu sát và toàn diện từ việc hoàn thiện mô hình tổ chức, cử nhân sự lãnh đạo cho ngành, đến việc đặt ra những yêu cầu cụ thể đối với cán bộ kiểm sát;

- Nguyễn Hải Phong (2014), *Một số vấn đề về tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra theo yêu cầu cải cách tư pháp*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2014. Cuốn chuyên khảo này đề cập đến nhận thức chung và kinh nghiệm về thực tiễn thực hiện chức năng của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra, phải bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều phải được khởi tố, điều tra và xử lý kịp thời nhưng đồng thời không được làm oan người vô tội, không để người nào bị khởi tố, bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam, bị hạn chế các quyền công dân, bị xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tài sản, tự do danh dự và nhân phẩm một cách trái pháp luật. Sách cũng chỉ rõ, giải pháp cho vấn đề thực hiện được chức năng, nhiệm vụ Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra là phải tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra và gắn công tố với hoạt động điều tra;

- Phạm Văn Tỉnh (2011), *Quyền công tố trong pháp luật tố tụng hình sự của CHLB Đức và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Kỷ yếu hội thảo quốc tế, ngày 27-28 tháng 4 năm 2011, Hà Nội, Viện Nhà nước và Pháp luật “Những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản về công tố và kiểm sát hoạt động

tư pháp trong Nhà nước pháp quyền- Kinh nghiệm của CHLB Đức”. Tác giả nghiên cứu cội nguồn và bản chất công tố, nội dung, những đảm bảo thực hiện chức năng công tố, xác định quyền công tố là bản phận độc quyền của nhà nước đối với xã hội trong xử lý tội phạm, công tố cũng đồng thời là một chức năng của tố tụng hình sự - chức năng thực hành quyền công tố. Tác giả cho rằng công tố luôn là lĩnh vực tư pháp;

- Nguyễn Thái Phúc (2007), *Viện kiểm sát hay Viện công tố*, Tạp chí KHPL, Đại học Luật TP. HCM số 2/2007. Bài viết đề cập đến lịch sử xuất hiện chế định Viện công tố/Viện kiểm sát cũng như mô hình cơ quan thực hiện quyền này; đi sâu nghiên cứu quá trình hình thành, hoạt động của Viện kiểm sát Nga và tác giả rút ra vấn đề mô hình tổ chức, đặc biệt nhấn mạnh yếu tố phụ thuộc vào điều kiện cụ thể về kinh tế, xã hội, lịch sử và văn hóa của mỗi quốc gia nói chung và cho Việt Nam nói riêng.

Ngoài ra, còn nhiều công trình khác cũng đã được nghiên cứu, tham khảo như: Lê Thị Tuyết Hoa: *Quyền công tố ở Việt Nam*, (Luận án tiến sỹ luật học), Hà Nội, 2002; Lê Hữu Thê: *Bàn về khái niệm quyền công tố*, (Tạp chí chuyên ngành), Hà Nội, 2000; Hoàng Thế Anh: *Cơ sở lý luận và thực tiễn đổi mới tổ chức Viện kiểm sát nhân dân đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam* (Luận văn thạc sỹ luật học), Hà Nội, 2006; Lê Cẩm: *Một số vấn đề lý luận cơ bản về quyền công tố* (Tạp chí chuyên ngành), Hà Nội, 2000; Đào Trí Úc (Chủ biên): *Giám sát và cơ chế giám sát thực hiện quyền lực nhà nước ở nước ta hiện nay*, Nxb. CAND, H. 2003. Cả bài của GS.TS. Võ Khánh Vinh cùng in trong cuốn này; Nguyễn Thái Phúc: *Viện kiểm sát hay Viện công tố*, Tạp chí KHPL, Đại học Luật TP. HCM số 2/2007; Lê Văn Cẩm: *Hệ thống tư pháp hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2009. Các công trình nghiên cứu về cơ sở lý luận và thực tiễn đổi mới tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân, cũng

đã được đề tài đặc biệt quan tâm, như: Khuất Văn Nga, *Những chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về cải cách tư pháp và tổ chức hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong thời kỳ đổi mới* (Tạp chí chuyên ngành), Hà Nội, 2005; Đỗ Văn Dương, *Cơ quan thực hành quyền công tố trong cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay* (Tạp chí chuyên ngành), Hà Nội, 2006; Lê Cẩm, *Bàn về tổ chức quyền tư pháp-nội dung cơ bản của chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, (Tạp chí chuyên ngành), Hà Nội, 2005; Lê Minh Thông (Chủ biên), *Một số vấn đề về hoàn thiện tổ chức và hoạt động của Bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, (Nxb Khoa học xã hội), Hà Nội, 2001; Phạm Hồng Hải, *Đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống các cơ quan thực hiện chức năng thực hành quyền công tố đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp* (Tạp chí chuyên ngành), Hà Nội, 2006; Và các kỷ yếu hội thảo về cải cách tư pháp, sửa đổi, bổ sung Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2001, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 do Viện kiểm sát nhân dân tối cao tổ chức trong nhiều năm cũng là nguồn tài liệu nghiên cứu rất có giá trị trong việc định hình, xây dựng và hình thành thế giới quan khoa học của tác giả luận án này đối với các vấn đề nghiên cứu của đề tài.

Tóm lại, dù còn có ý kiến trái chiều, song kết quả của các công trình nghiên cứu nêu trên đã thừa nhận hệ thống cơ quan Viện kiểm sát nhân dân thực hiện hai quyền lực công tố và kiểm sát lại được tái ghi nhận trong văn bản pháp luật có giá trị cao nhất, Hiến pháp 2013. Và như vậy, nhu cầu mới lại xuất hiện: Hiến pháp 2013 phải được thực hiện nghiêm chỉnh và triệt để. Điều đó đặt ra cho khoa học chuyên ngành luật Hiến pháp nhiều nhiệm vụ mới mà trong đó có việc đi sâu nghiên cứu quyền công tố, quyền kiểm sát nhìn dưới góc độ thực hiện quyền lực nhà nước, rút ra những hạn chế đang tồn tại trong thực tế hoạt động chức năng của Viện kiểm sát nhân dân trong lĩnh vực hình sự. Trên cơ sở đó đem lại nhận thức mới, hoàn chỉnh hơn,

đầy đủ hơn về thực hành quyền công tố và kiểm sát kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự. Qua đó, nâng cao vai trò của Viện kiểm sát nhân dân trong giải quyết vụ án hình sự, đề ra những giải pháp bảo đảm thực hiện đúng quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự.

1.3. Đánh giá chung tình hình nghiên cứu và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

1.3.1. Đánh giá chung tình hình nghiên cứu

Các công trình nghiên cứu ở ngoài nước đã cung cấp cho tác giả tri thức tổng quan về chức năng, vị trí của cơ quan công tố của một số nước điển hình trên thế giới. Qua những tài liệu nêu trên, tác giả được tiếp cận, tìm hiểu về cách thức tổ chức và hoạt động của cơ quan công tố cũng như hoạt động kiểm sát hoạt động tư pháp của nhiều nước khác nhau, những ưu điểm và hạn chế của những mô hình công tố cụ thể, từ đó giúp tác giả có cơ sở nghiên cứu, so sánh với chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp ở Việt Nam. Dựa trên kết quả đó, tác giả có thể so sánh trong quá trình nghiên cứu thực trạng hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra ở Việt Nam.

Ở nước ngoài, các công trình nghiên cứu đều cho thấy, quyền công tố là sự cần thiết tất yếu từ khi Nhà nước xuất hiện, nhưng thực hành quyền công tố thì được tổ chức khác nhau, phụ thuộc vào đặc thù của từng nước. Còn việc kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự thì diễn ra theo một cơ chế rất khác biệt so với nước ta.

Tại một số nước có nền kinh tế chuyển đổi như Trung Quốc, Liên Bang Nga cơ quan công tố có vị trí, vai trò rất lớn trong giai đoạn điều tra, vừa thực hành quyền công tố, vừa giám sát hoạt động điều tra, có quyền trực tiếp điều tra một số loại tội phạm. Tại một số nước theo truyền thống luật lục địa như

Cộng hoà Pháp, Cộng hoà Liên Bang Đức, viện công tố có chức năng, nhiệm vụ rất quan trọng trong tổ tụng hình sự, công tố viên chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các hoạt động tố tụng của Cảnh sát. Tại một số nước theo truyền thống án lệ vai trò của cơ quan công tố rất mờ nhạt trong giai đoạn điều tra, chủ yếu làm nhiệm vụ truy tố tội phạm và thực hiện việc tranh tụng tại phiên toà xét xử các vụ án hình sự.

Nhìn chung, Viện Công tố chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực tố tụng hình sự. Mô hình Viện công tố có ưu điểm là có cơ quan chuyên trách đấu tranh phòng, chống tội phạm, có điều kiện sát với hoạt động điều tra, thậm chí gắn chặt với hoạt động điều tra. Viện Công tố, ngoài chức năng thực hành quyền công tố, còn được giao kiểm sát tuân theo pháp luật trong hoạt động cụ thể, đây hiện là xu hướng cải cách các Viện Công tố hiện nay. Về tổ chức, đa số các cơ quan công tố các nước nằm trong hành pháp chịu trách nhiệm trong lĩnh vực đấu tranh phòng chống tội phạm.

Tuy nhiên, đặc điểm bộ máy nhà nước ta khó có thể áp dụng mô hình này với một số lý do sau:

Bộ máy nhà nước ta được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện 3 quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, không theo thuyết tam quyền phân lập;

Quốc hội được khẳng định là cơ quan quyền lực nhà nước, giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước. Tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát thực hiện quyền lực nhà nước trong điều kiện nhà nước pháp quyền XHCN trở thành nhu cầu tất yếu trong xã hội Việt Nam hiện nay như Cương lĩnh của Đảng (bổ sung, phát triển năm 2011) và Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI nêu rõ “*Tăng cường các cơ chế giám sát, bảo đảm sự tham gia giám sát của nhân dân đối với hoạt động tư pháp*”, Viện kiểm sát nhân dân tối cao

được giao chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp và chịu sự giám sát của Quốc hội.

Trải qua hơn nửa thế kỷ, kể từ năm 1960 đến nay tuy có những thay đổi về nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu, tổ chức qua các lần sửa đổi, bổ sung Hiến pháp (Hiến pháp năm 1959, năm 1981, năm 1992, năm 2001 và năm 2013 và các Luật tổ chức VKSND năm 1960, năm 1981, năm 1992, năm 2002 và 2014) tuy có những thay đổi về nhiệm vụ, quyền hạn nhưng về cơ bản VKSND vẫn có vị trí Hiến định là một trong 4 hệ thống cơ quan trong tổ chức bộ máy Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, có vị trí độc lập và trực thuộc Quốc hội. VKSND vẫn giữ chức năng cơ bản là thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp.

Bên cạnh đó, các công trình nghiên cứu ở Việt Nam nêu trên có nhiều nội dung liên quan đến luận án, đã tiếp cận và phân tích khái niệm thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự ở nhiều góc độ khác nhau, nghiên cứu thực tiễn thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp ở nhiều giai đoạn, phạm vi khác nhau với mục đích khác nhau, nhưng nhìn chung đều thống nhất cho rằng:

- Hệ thống pháp luật quy định về chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự ngày càng cụ thể, toàn diện hơn. Hoạt động nghiên cứu khoa học liên quan đến thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự luôn thu hút sự quan tâm của các nhà khoa học.

- Đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về chức năng và đánh giá thực trạng của công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự của VKS ở Việt Nam trong từng giai đoạn tổ tụng nhất định, với phương thức và tiếp cận khác nhau. Những phân tích này đã được tác giả đánh giá, bình luận và đưa ra nhận định, quan

điểm riêng của mình về khái niệm thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự cũng như làm rõ thực trạng và định hướng đưa ra giải pháp, kiến nghị.

1.3.2. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

Các công trình khoa học đã công bố ở trong nước và ngoài nước đã tạo ra cơ sở cả về lý luận, pháp luật và thực tiễn để đề tài tiếp tục triển khai nghiên cứu những vấn đề sau:

Thứ nhất, là vấn đề lý luận và pháp luật về thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự. Đây là hai vấn đề then chốt của đề tài. Chúng phải được làm rõ và định hình, tạo cơ sở để thực hiện Hiến pháp 2013 với mục tiêu “..., văn minh” [30], cái chỉ có thể đạt được thông qua phát triển học thuật, kinh tế và pháp luật [5, tr 66]. Lý luận ở đây thuộc về nội dung “phát triển học thuật” và phải được nghiên cứu cơ bản để khẳng định tư tưởng về công tố, cũng như kiểm sát với tính cách là quyền và với tính cách là chức năng. Là quyền hay là chức năng, công tố và kiểm sát đều phải được làm rõ về cội nguồn, tính cần thiết, nội dung bao hàm, những cái tạo thành pháp luật về thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự. Như vậy, lý luận ở đây đã bao hàm tính chính đáng hay bản chất pháp lý của pháp luật về thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự. Còn pháp luật ở đây là Luật Hiến pháp, nên triển khai phải có luật chuyên ngành và cơ chế được thể hiện không chỉ ở giai đoạn hiện nay với pháp luật hiện hành, mà phải bao gồm cả pháp luật trong suốt quá trình hình thành và phát triển về công tố và kiểm sát;

Thứ hai, là kiểm nghiệm đời sống pháp luật, bao hàm cả lý luận. Cụ thể là phải tiến hành nghiên cứu thực trạng thực hiện pháp luật về thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra, kết quả hoạt động thực tiễn của

Viện kiểm sát tại tỉnh Bạc Liêu. Đây là nguồn thông tin có giá trị, phản ánh sự phù hợp hay chưa phù hợp của lý luận và pháp luật với đòi hỏi của thực tế đấu tranh với tình hình tội phạm tại địa phương. Kết quả cụ thể của việc đấu tranh với tình hình tội phạm tại địa phương vừa là cơ sở thực tiễn để kiểm nghiệm cả lý luận và cả pháp luật về thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự. Qua nghiên cứu sẽ rút ra được những ưu điểm, hạn chế trong thực tiễn thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra cũng như những thuận lợi, khó khăn hay bất cập gặp phải khi thực hiện chức năng của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra tố tụng hình sự.

Ba là, vấn đề bảo đảm thực hiện đúng quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp ở giai đoạn điều tra vụ án hình sự, đáp ứng chủ trương của Đảng về tăng cường công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra luôn cần phải được tiếp tục quan tâm nghiên cứu thực hiện trong thực tế cuộc sống.

CHƯƠNG 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ VÀ KIỂM SÁT HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ

2.1. Những vấn đề lý luận về thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra trong điều tra các vụ án hình sự

2.1.1. Lý luận về thực hành quyền công tố trong điều tra các vụ án hình sự

2.1.1.1. Khái niệm, đặc điểm thực hành quyền công tố trong điều tra các vụ án hình sự

Trước hết, khi nói đến Nhà nước, nói đến quyền lực là nói đến cái có cội nguồn từ Nhân dân. Ở nước ta, một nguyên lý đã được ghi nhận trong Hiến pháp là *“tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân dân”* [31]. Riêng công tố là một phần việc của tư pháp, hình thành trên cơ sở trong xã hội có sự cáo kiện của nhân dân và ở mảng hình sự đó là công tố. Bản chất công tố chính là công việc phải có lực lượng chuyên trách thay mặt nhân dân giải quyết, tức là nhân dân trao quyền cho Nhà nước đứng ra giải quyết những cáo kiện hình sự. Nói cách khác, khi có tội phạm thì việc xử lý tội phạm phải là vấn đề của Nhà nước, chứ không phải của cá nhân. *“Tư pháp là phần việc mà Nhà nước phải làm để bảo vệ pháp luật, duy trì pháp luật, phụng dưỡng pháp luật, tức là phải xử lý khi pháp luật bị vi phạm. Vì thế công tố chỉ là một phần việc của tư pháp”* [52].

Nhìn lại lịch sử phát triển của xã hội loài người cho phép nhận thức rằng, khi xã hội ở trạng thái tự nhiên, các hành vi dạng trộm cắp, cướp của, người này giết người kia... một loạt vấn đề tương tự như thế ngày nay gọi là tội phạm cũng không phải không có và khi đó, con người tự xử sự tùy theo ý

riêng của mình, “*mỗi người đều là quan tòa cho trường hợp của riêng mình*” [1, tr128], tự cho mình có quyền xét xử và trừng phạt kẻ khác. Khi xã hội chuyển sang có sự tồn tại của Nhà nước, khi xảy ra các dạng hành vi phạm tội như vậy, mỗi cá nhân thường không tự làm nổi, cá nhân không thể tự giải quyết, tự xử lý đúng mức các vụ việc hình sự được vì nó rất khó khăn và phức tạp, mất rất nhiều thời gian, tiền của và công sức, không phải ai cũng có điều kiện và khả năng để tự làm được.

Do vậy, Nhà nước can thiệp vào quá trình giải quyết các vụ án hình sự là một yêu cầu khách quan của xã hội, theo đó, vai trò của Nhà nước trở nên hết sức quan trọng và cần thiết trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội hình sự, xử lý các hành vi phạm tội, kiểm soát và đấu tranh có hiệu quả với tình hình tội phạm, bảo đảm công bằng, công lý, bảo vệ lợi ích của xã hội, quyền con người, quyền công dân.

Một vấn đề đặt ra là nhân dân giao quyền cho Nhà nước thay mặt nhân dân giải quyết vấn đề hình sự. Nhưng Nhà nước phải giải quyết một cách trọn vẹn. Như thế nào là trọn vẹn? Đương nhiên, giải quyết vụ án là cả một quá trình có nhiều công đoạn; xuất phát từ những nguồn thông tin ban đầu về tội phạm, phía Nhà nước phải xác minh, điều tra, tìm rõ sự thật có phải là tội phạm hay không, ai là người phạm tội, có áp dụng các biện pháp cưỡng chế hay không, làm rõ những tình tiết liên quan đến vụ án để kết thúc bước điều tra sau đó ra cáo trạng truy tố buộc tội đối với người phạm tội. Chưa hết, vụ án hình sự còn phải được trải qua quá trình xét xử công khai để đi đến phán quyết kết tội đúng người, đúng tội và cuối cùng là thi hành những phán quyết đó. Nói chung, hiểu một cách khái quát là Nhà nước phải gánh vác vai trò của mình trong suốt quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Chính điều đó cho chúng ta nhận thức được rằng công tố chính là quyền lực Nhà nước, đồng thời gọi là trách nhiệm của Nhà nước cũng đúng.

Do sứ mệnh của Nhà nước đối với xã hội, buộc Nhà nước phải làm, phải có bốn phận thực hiện như là một điều cam kết của Nhà nước đối với xã hội khi thực hiện chức năng (quản lý xã hội) của Nhà nước. Rõ ràng, không ai thay thế Nhà nước được, “*với tính cách là phận việc mà Nhà nước phải làm (chứ không phải công dân) để truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội*” [52]. Nhà nước với sức mạnh quyền lực chính trị đặc biệt, Nhà nước hoàn toàn có khả năng thay mặt nhân dân, thông qua bộ máy tổ chức của mình để thực hiện phần việc gọi là giải quyết vụ án hình sự một cách đúng đắn và triệt để.

Để nhận thức rõ hơn quyền công tố, có thể điếm qua một số quan điểm còn hạn chế trước đây:

Quan điểm cho rằng quyền công tố là quyền truy tố người phạm tội và thực hiện việc buộc tội trước Toà án. Quan điểm này đã căn cứ vào thực tế hoạt động của Viện kiểm sát khi ra cáo trạng truy tố và buộc tội tại phiên Toà, đã lấy một công đoạn hoạt động cụ thể, một quyền hạn cụ thể của Viện kiểm sát để làm cơ sở cho nhận thức một quyền lực mang tính khái quát cao đó là quyền công tố. Quan điểm này, không chỉ hiểu thu hẹp phạm vi chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân mà còn nhận thức không đúng phạm vi quyền công tố - bao gồm cả quá trình tố tụng giải quyết vụ án hình sự.

Quan điểm khác lại cho rằng quyền công tố không chỉ có trong lĩnh vực hình sự mà cả trong lĩnh vực dân sự, hành chính, kinh tế, lao động... Thật ra, khi thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp, Viện kiểm sát có các quyền kiểm sát về dân sự, hành chính, kinh tế, lao động và các việc khác. Có thể nói nơi nào có hoạt động tư pháp thì nơi đó có kiểm sát hoạt động tư pháp. Kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát không chỉ diễn ra trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án hình sự mà cả trong giải quyết vụ án hành chính, dân sự, kinh doanh, thương mại, lao động... Từ đó, quan điểm này cho rằng tất cả các hoạt động thuộc chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp đều là thực

hiện quyền công tố. Nhận thức như vậy, không chỉ đồng nhất chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát với chức năng thực hành quyền công tố [56, tr 22] mà còn mở rộng nội dung và phạm vi quyền công tố đến mức thoát ly thuộc tính vốn có của công tố chỉ là vấn đề hình sự.

Có rất nhiều bài viết, luận án, luận văn đề cập đến quyền công tố ở những khía cạnh khác nhau. Tuy nhiên, nghiên cứu toàn diện nhất có thể kể đến sách chuyên khảo của Lê Hữu Thê (chủ biên), trong đó tác giả đề cập đến 9 quan điểm khác nhau về quyền công tố. Điều đáng quan tâm là đa số các quan điểm đều có chung nhận thức rằng quyền công tố là một loại quyền lực Nhà nước và chính quan điểm của tác giả đã rất thuyết phục khi cho rằng “*quyền công tố là quyền nhân danh Nhà nước truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội*” [56, tr 40]. Qua phân tích trên cho thấy quyền công tố là một quyền hình thành khách quan khi có Nhà nước, thuộc về Nhà nước và chỉ có trong lĩnh vực hình sự.

Quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội (có thể gọi là quá trình giải quyết vụ án hình sự) ngoài hoạt động thực hiện chức năng buộc tội của Viện kiểm sát ra, còn bao gồm hàng loạt các hoạt động trước đó của các cơ quan có chức năng điều tra (làm rõ sự thật để có căn cứ truy tố), hoạt động sau đó của cơ quan Toà án thực hiện chức năng xét xử (để kết tội) và cả hoạt động của cơ quan thi hành án hình sự nữa.

Trong thực tiễn đấu tranh với tội phạm ở mọi quốc gia, kể cả Việt Nam chúng ta cũng vậy, đều phải thông qua các cơ quan, tổ chức, con người có trách nhiệm thực hiện. Các cơ quan, tổ chức có chức năng hoạt động theo những trình tự, thủ tục chặt chẽ nhằm buộc người phạm tội phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội mà họ đã thực hiện. Các hoạt động này được khái quát không chỉ là hoạt động khởi tố, điều tra xác định sự thật vụ án hình sự và người phạm tội để sau đó ra cáo trạng truy tố buộc tội họ là xong mà hoạt động

không thể thiếu đó là xét xử công khai để đi đến kết tội và áp dụng hình phạt chính xác đối với người phạm tội và cả việc thi hành hình phạt đúng theo sự phán quyết đó. Vì công lý, vì quyền con người là những đòi hỏi mang tính quy luật, nên trong đấu tranh với tội phạm của bất cứ Nhà nước hiện đại nào, Nhà nước pháp quyền nào cũng đều phải trải qua những giai đoạn chặt chẽ của quá trình tố tụng hình sự nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi phạm tội. Quá trình này là quá trình tố tụng hình sự mà nội dung của nó chính là hướng tới thực hiện quyền công tố- quyền truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Không phải ngẫu nhiên mà Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định khi phát hiện có dấu hiệu tội phạm thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm khởi tố vụ án và áp dụng các biện pháp do Bộ luật quy định để xác định tội phạm và xử lý người phạm tội (điều 13 Bộ luật tố tụng hình sự); Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án phải áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội và đặc biệt quy định trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng (điều 10 Bộ luật tố tụng hình sự). Rõ ràng, về mặt lập pháp câu chữ có thể thay đổi chặt chẽ khi sửa đổi Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành, tuy nhiên, các điều luật đủ nói lên hoạt động truy cứu trách nhiệm hình sự không thể do một cơ quan Nhà nước thực hiện mà phải có nỗ lực nối tiếp nhau của các cơ quan có chức năng hoạt động tố tụng giải quyết vụ án hình sự. Tuyệt nhiên quá trình giải quyết vụ án, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội phải trải qua rất nhiều giai đoạn, nhiều loại hoạt động khác nhau, có nhiều bộ phận khác nhau thực hiện. Mỗi bộ phận công việc như vậy có những hoạt động cùng tính chất, cùng mục tiêu, tạo thành những giai đoạn, lĩnh vực hay loại công việc riêng được gọi là chức năng. Theo Từ điển Tiếng Việt của

Viện khoa học xã hội vùng Nam Bộ xác định “chức năng” có nghĩa là “*hoạt động, tác dụng đặc trưng của một cơ cấu hay một tổ chức*” [48, tr 208]. Nói tới chức năng của một thiết chế quyền lực như Quốc hội, Chính phủ, Tòa án, Viện công tố hay Viện kiểm sát là nói tới vai trò xã hội của thiết chế đó. Xã hội (ở đây đồng nghĩa với Nhân dân) không cần thì thiết chế đó không thể tồn tại một cách chính đáng được. Công tố và Kiểm sát là hai chức năng có tính chính đáng ở Việt nam và đã được Hiến pháp (2001 và 2013) giao cho một thiết chế quyền lực là Viện kiểm sát nhân dân: “*Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp.*” Hai chức năng song song tồn tại cho một thiết chế quyền lực, nhưng “Kiểm sát” đã được dùng cho tên gọi của thiết chế đó ở nước ta là vì lịch sử và thói quen. Ngày nay, nói đến Viện kiểm sát nhân dân là nói đến một thiết chế có chức năng “*thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp.*”

Nhìn nhận công tố với tư cách là một chức năng, cái đã được pháp điển hóa trong Hiến pháp thành “thực hành quyền công tố” và được cụ thể hóa trong Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân và Bộ luật tố tụng hình sự thành những nhiệm vụ cụ thể. Như vậy, quyền công tố, trải qua quá trình lập Hiến và lập pháp, đã được chất lọc và cụ thể hóa thành chức năng và nhiệm vụ cụ thể. Vì thế, có tác giả đã giải thích đúng đắn rằng, “*Phạm vi quyền công tố rộng hơn so với phạm vi thực hành quyền công tố*” [56, tr 59].

Hiến pháp năm 2013 tiếp tục thể chế hóa yêu cầu về đổi mới hệ thống tổ chức Viện kiểm sát nhân dân phù hợp với mô hình Tòa án nhân dân, hệ thống tổ chức Viện kiểm sát nhân dân gồm Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các Viện kiểm sát khác do luật định cho phù hợp với chủ trương cải cách tư pháp. Tiếp tục kế thừa và khẳng định chức năng, vị trí, vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân, Hiến pháp 2013 quy định Viện kiểm sát nhân dân có chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp, có nhiệm vụ bảo

vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân 2014, tại khoản 1 của Điều 3 quy định khái quát về chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân: *“Thực hành quyền công tố là hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự để thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội, được thực hiện ngay từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự.”*

Hệ thống tổ chức Viện kiểm sát nhân dân bao gồm Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi là Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh) và Viện kiểm sát nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương (gọi là Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện). Hệ thống Viện kiểm sát nhân dân tương ứng với tổ chức hệ thống Tòa án theo thẩm quyền xét xử, VKSND cấp cao được thành lập thêm với bộ máy phù hợp với Tòa án nhân dân cấp cao, tổ chức bộ máy ở VKSND cấp huyện phù hợp với quy mô, tính chất địa bàn và số lượng vụ việc. Hệ thống tổ chức của Viện kiểm sát nhân dân không những phải phù hợp với hệ thống tổ chức của Tòa án mà còn phải được tổ chức để bảo đảm thực hiện đầy đủ, hiệu quả hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình. Đặc biệt tổ chức cơ quan Viện kiểm sát phải bảo đảm gần dân, có cơ chế thuận lợi để nhân dân giám sát hoạt động Viện kiểm sát theo tinh thần cải cách tư pháp.

Như vậy, chức năng công tố của Viện kiểm sát được chuyển hoá thành thẩm quyền cụ thể - buộc tội trong tố tụng hình sự, cái lại được thực hiện thông qua các nhiệm vụ cụ thể (11 nhiệm vụ), được quy định tại Khoản 3,

Điều 3 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân 2014. Đây là bước tiến dài trong nhận thức về mối liên hệ: *quyền - chức năng - thẩm quyền - nhiệm vụ*, được áp dụng trong lập hiến và lập pháp hình sự ở nước ta.

Quá trình giải quyết vụ án hình sự phải trải qua nhiều giai đoạn tố tụng khác nhau:

Giai đoạn khởi tố là giai đoạn đầu tiên mà cơ quan có thẩm quyền căn cứ vào các quy định của pháp luật hình sự, tố tụng hình sự xác định hành vi nguy hiểm cho xã hội có các dấu hiệu của tội phạm hay không, theo đó cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc không khởi tố vụ án hình sự đối với người có hành vi tương ứng. Đây là giai đoạn mở đầu của việc giải quyết vụ án để các cơ quan tố tụng có thể thực hiện các bước tiếp theo. Pháp luật nước ta giao thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án và các cơ quan khác. Thời điểm của giai đoạn này được bắt đầu từ khi cơ quan có thẩm quyền nhận được những thông tin đầu tiên về việc thực hiện hành vi phạm tội, giải quyết những thông tin đó và kết thúc khi quyết định khởi tố vụ án hình sự; nhưng không hẳn tất cả các vụ án đều phải trải qua tất cả các giai đoạn, nếu qua xác minh xác định không có dấu hiệu của tội phạm, Cơ quan điều tra sẽ kết thúc bằng việc ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự.

Giai đoạn điều tra là giai đoạn tố tụng tiếp theo mà trong đó cơ quan có thẩm quyền căn cứ vào các quy định của pháp luật tố tụng hình sự tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm thu thập và củng cố các chứng cứ chứng minh tội phạm cũng như người phạm tội, lỗi trong việc thực hiện tội phạm tội, những tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, hậu quả vật chất có liên quan đến vụ án... Thời điểm mở đầu của giai đoạn này được bắt đầu từ khi cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định khởi tố vụ án hình sự và kết thúc bằng bản

kết luận điều tra đề nghị Viện kiểm sát truy tố người phạm tội hoặc đề nghị đình chỉ vụ án hình sự phù hợp với kết quả của hoạt động điều tra.

Giai đoạn truy tố là giai đoạn cơ quan Viện kiểm sát có thẩm quyền căn cứ vào các tài liệu của vụ án hình sự, đánh giá một cách toàn diện hành vi phạm tội để đi đến truy tố bị can trước Tòa án bằng bản cáo trạng. Thời điểm của giai đoạn này được bắt đầu từ khi cơ quan có chức năng thực hành quyền công tố (ở nước ta Viện kiểm sát) nhận được các tài liệu của vụ án hình sự và bản kết luận điều tra đến khi quyết định cáo trạng truy tố người phạm tội ra Tòa án để xét xử. Nếu hồ sơ vụ án không có căn cứ đầy đủ, Viện kiểm sát trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc là đình chỉ hay tạm đình chỉ vụ án hình sự.

Giai đoạn xét xử là giai đoạn cơ quan Tòa án có thẩm quyền tiến hành xét xử công khai người có hành vi phạm tội (do Viện kiểm sát truy tố) để xác định bị cáo có tội hay không, mức độ của hành vi phạm tội như thế nào và ra bản án kết tội đối với họ. Thời điểm của giai đoạn này được bắt đầu từ khi Tòa án nhận được quyết định truy tố cùng hồ sơ vụ án hình sự và kết thúc bằng bản án của Tòa án.

Giai đoạn thi hành án đây là giai đoạn của tố tụng hình sự, tuy còn có nhiều tranh cãi trong giới nghiên cứu luật cho rằng chưa đầy đủ của một công đoạn của tố tụng hình sự nhưng thực tế nó là công đoạn cuối cùng cần thiết nhằm thi hành sự phán quyết của Tòa án đối với người có hành vi phạm tội, bảo đảm thực hiện triệt để quyền lực nhà nước trong giải quyết vụ án hình sự.

Như vậy, việc giải quyết vụ án hình sự, xử lý tội phạm được thực hiện thông qua các cơ quan đại diện cho nhà nước, các cơ quan có nhiệm vụ phải làm sáng tỏ vụ án, xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội cũng như những tình tiết khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ án. Cơ quan điều tra thực hiện hoạt động điều tra làm rõ sự thật vụ án, bằng cách thiết lập hồ sơ, mô tả những tình tiết vụ án một cách

khách quan và kết thúc hoạt động của mình bằng bản kết luận điều tra; Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra vụ án và ra bản cáo trạng truy tố người phạm tội; Tòa án xét xử và ra bản án kết tội với một hình phạt nhất định và sau đó khi bản án có hiệu lực pháp luật thì cơ quan thi hành án thi hành bản án đó. Có thể nói những hoạt động khác nhau của các cơ quan đại diện cho nhà nước thực hiện hoạt động qua nhiều công đoạn nối tiếp nhau để đi đến giải quyết trọn vẹn vụ án hình sự và từ đó tạo ra khả năng giải quyết vụ án được công bằng, khách quan và đúng pháp luật.

Mỗi giai đoạn tố tụng hình sự như vậy, về cơ bản, gắn liền với nhiệm vụ chính của một chủ thể tiến hành tố tụng, như nhiệm vụ khởi tố, điều tra, thu thập, đánh giá chứng cứ chứng minh tội phạm gắn liền với Cơ quan điều tra; các hoạt động của Cơ quan điều tra ảnh hưởng đến quyền con người, quyền công dân phải được sự phê chuẩn, quyết định của Viện kiểm sát; nếu vụ án đã được làm rõ và đúng người phạm tội thì Viện kiểm sát quyết định truy tố; nhiệm vụ xét xử gắn liền với Tòa án; nhiệm vụ thi hành án gắn với các cơ quan Thi hành án.

Qua phân tích trên, chúng ta có thể đi đến khái niệm: *thực hành quyền công tố trong điều tra các vụ án hình sự là hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân sử dụng thẩm quyền (nhiệm vụ, quyền hạn) thuộc nội dung quyền công tố để bảo đảm hoạt động điều tra xác định rõ tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội; được thực hiện ngay từ sau khi khởi tố vụ án hình sự đến kết thúc điều tra vụ án.*

Thực hành quyền công tố trong điều tra vụ án hình sự có những đặc điểm sau:

Trước hết, đây là việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội bao gồm những công việc được tiến hành chủ yếu bởi hoạt động của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát - đều là cơ quan tiến hành tố tụng có cùng chức năng

buộc tố (58, tr.54) nhưng mỗi cơ quan được xác lập thẩm quyền khác nhau.

Thực hành quyền công tố thể hiện đậm nét trong quá trình điều tra vụ án như: CQĐT thụ lý, giải quyết, kết quả giải quyết các nguồn tin về tố phạm phải thông báo đến Viện kiểm sát; quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự phải gửi Viện kiểm sát và phải được chấp nhận bằng văn bản đồng ý của Viện kiểm sát; nếu quyết định của CQĐT không có căn cứ sẽ bị Viện kiểm sát huỷ bỏ; CQĐT áp dụng, thay đổi các biện pháp ngăn chặn và các biện pháp cưỡng chế tố tụng như bắt khẩn cấp, bắt bị can để tạm giam, khám xét, gia hạn tạm giữ, gia hạn tạm giam... phải được sự phê chuẩn hoặc quyết định của Viện kiểm sát; các yêu cầu điều tra và quyết định của Viện kiểm sát buộc Cơ quan điều tra phải thực hiện.

Thực hành quyền công tố luôn luôn gắn liền với các hoạt động điều tra; khác với cơ quan công tố nhiều nước, VKS nước ta vừa THQCT, vừa kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong các hoạt động điều tra nên pháp luật hiện hành quy định nhiệm vụ, quyền hạn chi phối và mang tính quyết định đối với các hoạt động điều tra. Có thể nói khi nào và ở đâu Cơ quan điều tra tiến hành hoạt động điều tra thì khi đó, nơi đó Viện kiểm sát có trách nhiệm thực hành quyền công tố.

Vậy hoạt động nào được coi là hoạt động điều tra vụ án hình sự?

Tác giả nghĩ rằng sẽ không đầy đủ khi phân tích chức năng thực hành quyền công tố (trong điều tra vụ án hình sự) mà không đề cập đến hoạt động điều tra. Theo từ điển Luật học “*Điều tra là hoạt động tố tụng hình sự do người và cơ quan có thẩm quyền thực hiện nhằm xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ*” (Từ điển Luật học, Viện Khoa học pháp lý Bộ Tư pháp, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2006, tr 257).

Trong TTHS, điều tra được hiểu là hoạt động thu thập chứng cứ, tài liệu để phản ánh sự thật của vụ án. Theo Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, CQĐT không phải là chủ thể duy nhất có thẩm quyền thực hiện các hoạt động điều tra mà còn các cơ quan khác được giao thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra và các hoạt động điều tra của Viện kiểm sát theo luật định. Tuy vậy, trong điều tra các vụ án hình sự thì Cơ quan điều tra vẫn là cơ quan chủ yếu thực hiện các hoạt động điều tra.

Trong phạm vi đề tài này, chúng tôi chỉ giới hạn khảo sát hoạt động thực hành quyền công tố đối với hoạt động điều tra của cơ quan điều tra mà không khảo sát thực hành quyền công tố đối với hoạt động điều tra của các cơ quan khác được giao thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra khi nói đến hoạt động thực hành quyền công tố trong điều tra vụ án hình sự có nghĩa là hoạt động thực hành quyền công tố đối với điều tra của CQĐT ở giai đoạn điều tra tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra phải dùng nhiều biện pháp điều tra khác nhau nhằm thu thập, kiểm tra, đánh giá các tài liệu, chứng cứ để phát hiện và làm rõ tội phạm, có cơ sở xác định tội phạm và hành vi phạm tội; dù thực hiện thẩm quyền điều tra có sử dụng biện pháp điều tra nào cũng phải theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra, CQĐT thường xuyên phải áp dụng các biện pháp cưỡng chế tố tụng hình sự như bắt, tạm giữ, tạm giam, khám xét, hỏi cung bị can, thực nghiệm điều tra... ảnh hưởng trực tiếp đến quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân nói chung và của người bị buộc tội nói riêng; nếu hoạt động Cơ quan điều tra không khách quan, không đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng quy định sẽ tiềm ẩn nguy cơ xâm hại quyền con người, các quyền cơ bản của công dân được ghi nhận trong Hiến pháp.

Theo đó, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 quy định các hoạt động điều tra được tiến hành cụ thể như: Khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can; Hỏi cung bị can; Lấy lời khai của ngu[□]ời làm chứng và những ngu[□]ời tham gia tố tụng khác; Khám xét (khám ngu[□]ời, khám chỗ ở, địa điểm, chỗ làm vie[□]c); Thu giữ thu[□] tín, điệ[□]n tín, bu[□]u kiệ[□]n, bu[□]u phẩm tại bu[□]u điệ[□]n; Khám nghiệ[□]m (khám nghiệ[□]m hiệ[□]n tru[□]ờng, khám nghiệ[□]m tử thi); Xem xét dấu vết trên thân thể; Thực nghiệ[□]m điều tra; Tru[□]ng cầu giám định. Ngoài những hoạt độ[□]ng điều tra nêu trên, hoạt độ[□]ng của CQĐT còn bao gồm các hoạt độ[□]ng khác như[□]: áp dụng BPNC; xử lý vạ[□]t chứng; phát hiệ[□]n và khắc phục nguyên nhân, điều kiệ[□]n phạm tộ[□]i.

Trên đây là những đạ[□]c điểm rất quan trọng để xác định hoạt độ[□]ng thực hành quyền công tố trong điều tra các vụ án hình sự; đồng thời, phân định rõ nhiệ[□]m vụ và thẩm quyền giữa CQĐT và VKS trong khởi tố, điều tra các vụ án hình sự.

2.1.1.2. Đối tượng, phạm vi thực hành quyền công tố trong điều tra các vụ án hình sự

Về đối tượng, thực hành quyền công tố trong điều tra các vụ án hình sự chính là tội phạm và người phạm tội (hoặc pháp nhân thương mại phạm tội). Khi có thông tin về tội phạm xảy ra, Cơ quan điều tra phải xác minh thu thập tài liệu, làm rõ có tội phạm xảy ra hay không; nếu có căn cứ xác định có tội phạm thì phải khởi tố vụ án hình sự để mở cuộc điều tra và khi chứng cứ xác định được người phạm tội, thì phải ra quyết định khởi tố bị can và tiến hành điều tra để làm sáng tỏ lỗi, động cơ, mục đích khi họ thực hiện hành vi phạm tội (cố ý hay vô ý), nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị can. Ngoài ra, thực hành quyền công tố trong điều tra các vụ án hình sự không chỉ nhằm vào đối tượng là con người có hành vi phạm tội mà còn là pháp nhân thương mại phạm tội (khái niệm trong BLHS 2015);

việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với pháp nhân thương mại trên cơ sở các quy định về khởi tố vụ án, khởi tố bị can được áp dụng như đối với cá nhân, con người phạm tội cụ thể.

Về phạm vi thực hành quyền công tố trong điều tra các vụ án hình sự; công tác đấu tranh phòng chống tội phạm của các cơ quan tiến hành tố tụng thường được khởi động ngay từ khi có thông tin tội phạm xảy ra, tuy nhiên, cũng có nhiều trường hợp tội phạm xảy ra nhưng không có thông tin gì đến các cơ quan tiến hành tố tụng; không người nào biết hoặc có người biết nhưng sợ không dám tố giác đến cơ quan có thẩm quyền. Với trách nhiệm, thẩm quyền điều tra, khi có tố giác, tin báo tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố, CQĐT thực hiện các hoạt động kiểm tra, xác minh nguồn tin và thực hiện các hoạt động như khám xét, bắt người, tạm giữ người, thu thập dấu vết, vật chứng... nhằm xác định sự tồn tại của sự việc và đánh giá xem sự việc đó có hay không có dấu hiệu tội phạm. Thông qua những hoạt động kiểm tra, xác minh các nguồn tin về tội phạm mới kịp thời làm rõ sự việc xảy ra có dấu hiệu của tội phạm hay không và đi đến quyết định khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Các hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng trong giai đoạn này được hiểu thuộc giai đoạn khởi tố. Giai đoạn khởi tố là giai đoạn đầu tiên trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án hình sự. Quyết định khởi tố vụ án hình sự tạo cơ sở pháp lý cho các hoạt động tố tụng điều tra tiếp theo; đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giai đoạn điều tra tập trung vào điều tra làm rõ người thực hiện tội phạm mà không còn phải xác định dấu hiệu tội phạm nữa.

Quyết định khởi tố vụ án được hình dung như là bản lề mà trước đó có các hoạt động thuộc giai đoạn khởi tố và sau đó là các hoạt động thuộc giai đoạn điều tra cùng là hoạt động nhằm mục tiêu làm rõ vụ án, đều do CQĐT thực hiện. Do đó, “hoạt động điều tra” không đồng nhất với “giai đoạn điều

tra”. Hay nói cách khác, thực hành quyền công tố trong điều tra các vụ án hình sự có phạm vi rộng hơn thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra quy định tại Điều 112 BLTTHS năm 2003.

Như vậy, phạm vi thực hành quyền công tố trong điều tra vụ án hình sự diễn ra ở cả 2 giai đoạn tố tụng: giai đoạn khởi tố và giai đoạn điều tra. Theo tác giả, nhận thức như phân tích ở trên sẽ phù hợp với thực tiễn hoạt động tố tụng và mang tính khả thi cao.

2.1.1.3. Nội dung thực hành quyền công tố trong điều tra các vụ án hình sự

Thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự có thể được coi là một phương thức để thực hiện chức năng buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội trong quá trình điều tra vụ án hình sự. Tuy nhiên, theo giới hạn của luận án, việc phân tích chức năng công tố của Viện kiểm sát đề cập đến một số nội dung sau:

** Thực hành quyền công tố trong việc khởi tố vụ án hình sự*

Quyết định khởi tố vụ án là việc Nhà nước chính thức công bố có tội phạm xảy ra và cần phải tiến hành các biện pháp tố tụng tiếp theo của quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm khởi tố vụ án và áp dụng các biện pháp do BLTTHS quy định để xác định tội phạm và xử lý người phạm tội. Tuy nhiên, trong thực tiễn hoạt động tố tụng hình sự ở nước ta, hầu hết các vụ án hình sự được phát hiện và khởi tố do Cơ quan điều tra thực hiện.

Để bảo đảm cho việc khởi tố vụ án hình sự chính xác, tránh việc khởi tố vụ án hình sự một cách tràn lan, BLTTHS quy định chỉ được khởi tố vụ án hình sự khi đã xác định có dấu hiệu tội phạm, có nghĩa là việc khởi tố phải trên cơ sở xác định bản chất trái pháp luật hình sự của hành vi phạm tội, hành vi nguy hiểm cho xã hội đã thực tế xảy ra, hành vi đó đã vi phạm điều cấm của Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát với chức năng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, có thẩm quyền quyết định khởi tố vụ án hình sự nhưng chỉ ra quyết định khởi tố vụ án trong trường hợp Viện kiểm sát hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án hình sự của cơ quan điều tra. Nếu qua công tác thực hành quyền công tố hoặc công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp mà Viện kiểm sát phát hiện tội phạm, thì Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan điều tra khởi tố. Như vậy, BLTTHS quy định rõ khi nào thì Viện kiểm sát trực tiếp khởi tố vụ án hình sự, khi nào thì ra yêu cầu để cơ quan điều tra khởi tố vụ án hình sự. Quy định như vậy sẽ có tác dụng khi thực hiện nhiệm vụ quyền hạn thực hành quyền công tố, Viện kiểm sát không chồng lấn với thẩm quyền điều tra của cơ quan điều tra.

** Thực hành quyền công tố trong quyết định khởi tố bị can*

Khởi tố bị can là việc nhà nước tuyên bố một người nào đó đã thực hiện hành vi phạm tội theo quy định của Bộ luật hình sự. Cơ quan điều tra có quyền quyết định khởi tố bị can khi có đủ căn cứ để xác định người phạm tội.

Khởi tố bị can là việc nhà nước tuyên bố một người hoặc pháp nhân thương mại nào đó bị nhà nước truy cứu trách nhiệm hình sự. Khi có đủ căn cứ để xác định một người hoặc pháp nhân đã thực hiện hành vi mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm thì Cơ quan điều tra có quyền chủ động ra quyết định khởi tố bị can.

Quyết định khởi tố bị can có ý nghĩa và ảnh hưởng sâu sắc tới quyền cơ bản của công dân. Để bảo đảm việc khởi tố có căn cứ và đúng pháp luật, hạn chế thấp nhất việc khởi tố oan sai, luật giao Viện kiểm sát có quyền xét phê chuẩn quyết định khởi tố bị can của Cơ quan điều tra; giao quyền phê chuẩn cho VKS, cũng đồng thời là quyền quyết định của VKS đối với việc khởi tố một công dân.

Pháp luật quy định như vậy trên cơ sở quan điểm cho rằng Cơ quan điều tra thực hiện nhiệm vụ quyền hạn theo thẩm quyền điều tra của mình, cũng là cơ sở cho VKS thực hiện chức năng thực hành quyền công tố, tạo ra cơ chế chặt chẽ khi thực hiện quyền lực nhà nước trong việc xác định một người trở thành bị can của vụ án.

** Thực hành quyền công tố trong khám nghiệm hiện trường*

Khám nghiệm hiện trường là hoạt động nghiệp vụ điều tra có thể được tiến hành trước khi khởi tố vụ án hình sự. Đây là dạng hoạt động tố tụng, đồng thời là biện pháp nghiệp vụ cấp bách do CQĐT tiến hành. Khám nghiệm hiện trường là hoạt động tố tụng quan trọng của CQĐT. Có thể nói, hoạt động khám nghiệm hiện trường là xuất phát điểm của mọi hoạt động điều tra, khám phá vụ án hình sự. Tại hiện trường, là nơi tập trung nhiều nhất các dấu vết, các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội. CQĐT tiến hành khám nghiệm nhằm phát hiện dấu vết của tội phạm, những chứng cứ và làm sáng tỏ các tình tiết có ý nghĩa đối với vụ án. Cơ quan điều tra phải có trách nhiệm thông báo cho VKS biết về việc khám nghiệm hiện trường và VKS phải cử KSV tham gia theo quy định của pháp luật.

Trong khi khám nghiệm, Điều tra viên phải tiến hành chụp ảnh, vẽ sơ đồ hiện trường, mô tả hiện trường, đo đạc, dựng mô hình, thu lượm và xem xét tại chỗ dấu vết của tội phạm, đồ vật, tài liệu có liên quan đến vụ việc, ghi rõ kết quả việc xem xét đó vào biên bản khám nghiệm hiện trường.

Điều tra viên là người chủ trì tiến hành khám nghiệm, sự có mặt của KSV không phải để chứng kiến hoặc tham gia khám nghiệm mà giữ vai trò thực hành quyền công tố, bảo đảm việc thu thập, bảo quản dấu vết, vật chứng được đầy đủ, khách quan, toàn diện, đúng thủ tục tố tụng, làm sáng tỏ các tình tiết có ý nghĩa đối với vụ án và tránh những thiếu sót có thể dẫn đến oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

Trên kết quả khám nghiệm hiện trường, nếu có dấu hiệu tội phạm mà CQĐT không khởi tố vụ án để điều tra thì Viện kiểm sát yêu cầu CQĐT khởi tố hoặc tự mình khởi tố và chuyển giao cho CQĐT tiến hành điều tra.

** Thực hành quyền công tố trong khám nghiệm tử thi*

Khám nghiệm tử thi được tiến hành khi phát hiện có người chết chưa rõ nguyên nhân. Người chết có thể do bị giết, bị tai nạn, tự sát hoặc do bệnh lý... Tuy nhiên, để xác định rõ nguyên nhân chết thì cần phải tiến hành khám nghiệm tử thi.

Khám nghiệm tử thi là hoạt động của Cơ quan điều tra và do điều tra viên chủ trì, có sự tham gia của bác sỹ pháp y và người chứng kiến. Trong mọi trường hợp việc khám nghiệm tử thi phải được thông báo trước cho VKS cùng cấp biết, VKS phải cử KSV tham gia theo quy định của pháp luật.

KSV tham gia khám nghiệm tử thi với vai trò thực hành quyền công tố để bảo đảm Cơ quan điều tra thực hiện hoạt động điều tra khám nghiệm không bỏ sót dấu vết, mô tả chính xác đặc điểm của vật để lại dấu vết, xác định được đặc điểm của lực tác động... phản ánh đầy đủ, khách quan, chính xác, kết quả khám nghiệm tử thi.

**Đề ra yêu cầu điều tra*

Đề ra yêu cầu điều tra là một trong những nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi thực hiện chức năng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Kiểm sát viên có quyền yêu cầu, Điều tra viên thực hiện điều tra về những vấn đề như: thu thập, củng cố chứng cứ; hoàn thiện các thủ tục tố tụng hoặc để làm rõ những tình tiết liên quan đến những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự để làm rõ tội phạm và người phạm tội.

Yêu cầu điều tra có ý nghĩa quyết định đối với Cơ quan điều tra trong việc áp dụng các biện pháp, các hoạt động điều tra cụ thể. Để bảo đảm thực thi quyền này của VKS, tại Điều 114 BLTTHS quy định trách nhiệm của Cơ quan điều tra trong việc thực hiện các yêu cầu và quyết định của VKS “nếu

không nhất trí, Cơ quan điều tra vẫn phải chấp hành, nhưng có quyền kiến nghị với Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp”.

KSV có thể trực tiếp đề ra yêu cầu điều tra bằng lời nói trong quá trình kiểm sát khám nghiệm hiện trường, khám xét, hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng, người bị hại, đối chất, thực nghiệm điều tra. Đối với các trường hợp cần điều tra để củng cố chứng cứ hoặc để làm rõ những tình tiết liên quan đến những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự thì KSV phải làm bằng văn bản.

Chỉ thị số 06/CT-VKSTC ngày 06/12/2013 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao “Về tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm” yêu cầu VKS các cấp cần chủ động nắm chắc tiến độ điều tra, tích cực đề ra yêu cầu điều tra bảo đảm sát với nội dung vụ án. Chỉ thị quy định tất cả các vụ án khi khởi tố chuyển qua VKS, thì KSV phải đề ra yêu cầu điều tra và văn bản yêu cầu điều tra cần phải nêu chi tiết nội dung những vấn đề cần điều tra, để ĐTV thực hiện.

Trên thực tế, chất lượng, hiệu quả của hoạt động đề ra yêu cầu điều tra phụ thuộc rất lớn vào năng lực, trình độ và kỹ năng của Kiểm sát viên đối với nghiệp vụ điều tra. Để có một văn bản yêu cầu điều tra có chất lượng, KSV phải nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, trên cơ sở những chứng cứ tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, có suy luận quy luật logic, định hướng đúng diễn tiến vụ án; không suy đoán hoặc suy diễn một cách tùy tiện dẫn đến việc đề ra yêu cầu điều tra một cách thiếu căn cứ, gây khó khăn cho quá trình điều tra.

** Thực hành quyền công tố trong áp dụng biện pháp ngăn chặn*

Trong quá trình giải quyết vụ án, các cơ quan tiến hành tố tụng thường phải áp dụng các biện pháp ngăn chặn như bắt, tạm giữ, tạm giam, bảo lĩnh,

cầm đi khỏi nơi cư trú, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm. Các biện pháp ngăn chặn này rất cần thiết trong quá trình điều tra vụ án, bảo đảm kịp thời ngăn chặn tội phạm tiếp tục phạm tội hoặc gây khó khăn cho hoạt động điều tra vụ án nhưng qua đó cũng đã trực tiếp ảnh hưởng đến quyền con người, quyền tự do của công dân do Hiến pháp quy định.

Các biện pháp ngăn chặn đa số do cơ quan điều tra trực tiếp ra quyết định và đề nghị Viện kiểm sát phê chuẩn. Viện kiểm sát thực hiện quyền phê chuẩn hoặc không phê chuẩn các quyết định của Cơ quan điều tra. Viện kiểm sát tuy không trực tiếp ra quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn trong quá trình điều tra vụ án nhưng là người có thẩm quyền quyết định cuối cùng có hay không áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng cách phê chuẩn hoặc không phê chuẩn quyết định của CQĐT đề nghị.

Đối với các biện pháp ngăn chặn trực tiếp hạn chế quyền tự do của công dân như bắt khẩn cấp, gia hạn tạm giữ, bắt tạm giam, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm thay thế biện pháp tạm giam phải được Viện kiểm sát phê chuẩn; nếu thấy không có căn cứ thì Viện kiểm sát từ chối phê chuẩn, người bị tạm giữ, tạm giam phải được trả tự do ngay; những biện pháp ngăn chặn do Viện kiểm sát phê chuẩn thì việc huỷ bỏ hoặc thay thế phải do Viện kiểm sát quyết định. Trên phương diện lý luận, các biện pháp ngăn chặn trong TTHS là những biện pháp can thiệp nghiêm trọng đến quyền con người, các quyền cơ bản của công dân, nhất là biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam, cho nên chỉ áp dụng biện pháp này trong trường hợp thật cần thiết.

Một số biện pháp ngăn chặn quan trọng thường áp dụng:

Bắt người trong trường hợp khẩn cấp là biện pháp ngăn chặn mang tính cấp bách có thể xảy ra các trường hợp sau: Một là, trường hợp cho rằng người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm cần phải bắt khẩn cấp, đòi hỏi CQĐT phải xác minh tài liệu, chứng cứ để khẳng định người đó đang chuẩn

bị phạm tội như chuẩn bị công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện cần thiết để thực hiện hành vi phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng; *Hai là*, trường hợp người bị hại, người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm đã chính mắt trông thấy và xác nhận đúng là người đó đã thực hiện hành vi tội phạm mà xét thấy cần ngăn chặn người đó bỏ trốn. Việc bắt người trong trường hợp này khác hẳn với việc bắt người trong trường hợp đang chuẩn bị thực hiện hành vi tội phạm (tội phạm chưa hoàn thành); trong trường hợp này tội phạm đã hoàn thành, người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm hoặc người bị hại chính mắt trông thấy thì có quyền yêu cầu bắt để ngăn chặn việc người phạm tội bỏ trốn. *Ba là*, trường hợp CQĐT, bằng các hoạt động nghiệp vụ như khám xét chỗ ở, khám người, kiểm tra hành chính... mà phát hiện tội phạm và có căn cứ cho rằng họ sẽ bỏ trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ thì cơ quan có thẩm quyền ra lệnh bắt khẩn cấp. Lệnh bắt người trong trường hợp khẩn cấp không cần sự phê chuẩn trước của VKS, nhưng trong mọi trường hợp sau khi đã bắt người, CQĐT phải báo ngay cho VKS cùng cấp bằng văn bản kèm theo tài liệu có liên quan để VKS xem xét phê chuẩn. VKS phải xem xét, đánh giá chặt chẽ các chứng cứ, tài liệu của việc bắt khẩn cấp từng trường hợp cụ thể theo pháp luật quy định. Trong trường hợp còn nghi ngờ về tài liệu, chứng cứ chứng minh căn cứ của việc bắt khẩn cấp hoặc thấy còn băn khoăn về lý do bắt khẩn cấp không rõ ràng; người bị bắt không nhận tội; người bị bắt là người nước ngoài, người có chức sắc trong tôn giáo, chức sắc thuộc dân tộc thiểu số; hoặc người bị bắt có địa vị xã hội...thì VKS phải cử KSV trực tiếp hỏi người bị bắt, trước khi xem xét quyết định việc phê chuẩn hoặc không phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp.

Bắt người phạm tội quả tang là việc bắt người khi người đó đang thực hiện tội phạm hoặc ngay sau khi thực hiện tội phạm thì bị phát hiện hoặc bị đuổi bắt. Phạm tội quả tang có đặc điểm là hành vi phạm tội cụ thể, rõ ràng,

trông thấy thì ai cũng phải biết, không cần phải thông qua xác minh. Pháp luật tổ tụng quy định bất kỳ người nào cũng có thể bắt, tước vũ khí, hung khí của người phạm tội quả tang nên vai trò của VKS chưa thể hiện rõ trong giai đoạn này, nếu việc bắt có tạm giữ người thì CQĐT phải gửi ngay cho VKS.

Biện pháp tạm giữ chỉ áp dụng khi cần có thời gian để CQĐT có thể thẩm tra, xác minh tính chất, mức độ hành vi phạm tội, căn cước, lý lịch, nhân thân người bị bắt, có khả năng trốn, tiếp tục phạm tội hoặc tiêu hủy chứng cứ... Nếu xét thấy việc tạm giữ không có căn cứ hoặc không cần thiết thì VKS ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm giữ và người ra quyết định tạm giữ phải trả tự do ngay cho người bị tạm giữ.

Biện pháp tạm giam, bắt bị can để tạm giam, đối tượng áp dụng là bị can của vụ án, tuy nhiên không phải ai là bị can thì bị áp dụng biện pháp tạm giam. Theo quy định BLTTHS chỉ được áp dụng đối với bị can phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, phạm tội rất nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng, phạm tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt tù trên hai năm và có căn cứ để cho rằng người đó có thể trốn hoặc cản trở việc điều tra hoặc tiếp tục phạm tội. Quyết định do thủ trưởng, phó thủ trưởng CQĐT ký và phải được VKS cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành.

Áp dụng các biện pháp ngăn chặn với trình tự, thủ tục chặt chẽ trong quá trình giải quyết vụ án đã thể hiện rõ trách nhiệm pháp lý của Viện kiểm sát trong việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền tự do, dân chủ của công dân theo quy định của Hiến pháp.

** Thực hành quyền công tố trong kết thúc điều tra*

Khi kết thúc điều tra, Cơ quan điều tra phải làm bản kết luận điều tra. Có thể rơi vào một trong 2 trường hợp:

Bản kết luận điều tra kèm theo đề nghị truy tố khi có đầy đủ chứng cứ để xác định có tội phạm và hành vi phạm tội của bị can thì Cơ quan điều tra

làm bản kết luận điều tra đề nghị truy tố. Bản kết luận điều tra trình bày diễn biến hành vi phạm tội, nêu rõ các chứng cứ chứng minh tội phạm, những ý kiến đề xuất giải quyết vụ án, có nêu rõ lý do và căn cứ đề nghị truy tố.

Bản kết luận điều tra kèm theo quyết định đình chỉ điều tra nếu có một trong những căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 105 và Điều 107 của BLTTHS hoặc tại Điều 19, Điều 25 và khoản 2 Điều 69 của Bộ luật hình sự như trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội; do chuyển biến tình hình mà hành vi phạm tội hoặc người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa; trường hợp người phạm tội đã tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm, có thể được miễn trách nhiệm hình sự; Người chưa thành niên phạm tội, ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng, gây hại không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được miễn trách nhiệm hình sự; trường hợp đã hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can thực hiện tội phạm cũng phải đình chỉ điều tra.

Bản kết luận điều tra kèm theo quyết định đình chỉ điều tra cùng hồ sơ vụ án phải được gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được quyết định đình chỉ điều tra của Cơ quan điều tra, nếu thấy quyết định đình chỉ điều tra có căn cứ thì Viện kiểm sát trả lại hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra để giải quyết theo thẩm quyền; nếu thấy quyết định đình chỉ điều tra không có căn cứ thì Viện kiểm sát huỷ bỏ quyết định đình chỉ điều tra và yêu cầu Cơ quan điều tra phục hồi điều tra; đủ căn cứ đề truy tố thì Viện kiểm sát huỷ bỏ quyết định đình chỉ điều tra và ra quyết định truy tố.

** Thực hành quyền công tố trong tạm đình chỉ điều tra*

Theo quy định tại Điều 160 BLTTHS thì CQĐT có quyền ra quyết định tạm đình chỉ điều tra trong các trường hợp sau:

Khi bị can mắc bệnh tâm thần hoặc bị bệnh hiểm nghèo khác mà có chứng nhận của Hội đồng giám định pháp y thì có thể được tạm đình chỉ điều tra trước khi hết hạn điều tra vụ án hình sự.

Đối với trường hợp chưa xác định được bị can là ai hoặc không biết rõ bị can ở đâu thì tạm đình chỉ điều tra bị can khi đã hết hạn điều tra vụ án hình sự. Trường hợp này CQĐT phải ra quyết định truy nã trước khi ra quyết định tạm đình chỉ.

Đối với trường hợp CQĐT đã tiến hành trưng cầu giám định, nhưng vì lý do nào đó chưa có kết quả giám định mà không thể thực hiện xong trước khi hết hạn điều tra thì CQĐT có quyền ra quyết định tạm đình chỉ điều tra.

Quyết định tạm đình chỉ của CQĐT phải được gửi ngay cho VKS khi căn cứ tạm đình chỉ không còn thì KSV chủ động yêu cầu CQĐT ra quyết định phục hồi điều tra. Nếu CQĐT không thực hiện thì VKS tự ra quyết định phục hồi và gửi CQĐT để tiến hành điều tra.

** Thực hành quyền công tố trong đình chỉ điều tra*

Đình chỉ điều tra cũng có nghĩa là vụ án được kết thúc, chấm dứt các hoạt động TTHS.

Những căn cứ mà CQĐT phải ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự như sau:

- Khi người bị hại có quyền khởi tố vụ án theo quy định tại khoản 2, Điều 105 BLTTHS năm 2003 mà họ rút yêu cầu khởi tố vụ án.
- Khi bị can tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội theo quy định tại Điều 19 BLHS năm 1999.
- Khi thấy cần miễn trách nhiệm hình sự theo Điều 25 BLHS.
- Người chưa thành niên phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng, gây hại không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và được gia đình hoặc cơ quan, tổ chức nhận giám sát giáo dục (theo khoản 2 Điều 69 BLHS).

- Đã hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm.

Trong trường hợp phát hiện CQĐT không làm đúng thủ tục tổ tụng quy định hoặc quyết định đình chỉ điều tra không có căn cứ thì VKS hủy bỏ quyết định đình chỉ điều tra và yêu cầu CQĐT phục hồi điều tra vụ án. Nếu thấy bị can đã đủ căn cứ để truy tố thì hủy bỏ quyết định đình chỉ điều tra và ra quyết định truy tố.

2.1.2. Lý luận về kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự

2.1.2.1. Khái niệm, đặc điểm kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự

Để hiểu có hệ thống về kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự, chúng ta cần hiểu như thế nào là kiểm sát hoạt động tư pháp, kiểm sát hoạt động tư pháp hình sự.

**** Về kiểm sát hoạt động tư pháp***

Theo Hiệp pháp quy định quyền lực nhà nước đầu là quyền lập pháp, hành pháp hay tư pháp đều có chung một nguồn gốc thống nhất là Nhân dân, đều do Nhân dân ủy quyền, giao quyền.

Về mặt pháp quyền, nhiều người công nhận chỉ có lập pháp, hành pháp và tư pháp. Vậy quyền kiểm sát? Quyền kiểm sát nằm một phần trong quyền lực nhân dân, phần cụ thể đến mức độ như thế nào chưa ai định lượng được nhưng xét về bản chất của quyền lực thì biết được nhân dân không trực tiếp thực hiện quyền lực của mình mà ủy quyền Nhà nước thay mình thực hiện, tất yếu nảy sinh và cũng là đòi hỏi chính đáng và tự nhiên là quyền lực nhà nước phải được kiểm soát. Tư tưởng quyền lực nhân dân trong Hiến pháp nước ta thừa nhận nhân dân nắm giữ quyền kiểm soát, nhân dân không giao tất cả quyền lực của mình cho nhà nước mà ủy quyền cho nhà nước thực hiện quyền lực và kiểm soát quyền lực đó.

Về từ ngữ quyền kiểm soát, kiểm sát, kiểm tra, giám sát, tuy chưa được phân biệt rõ ràng nhưng cái được thừa nhận phổ biến là quyền xem xét việc chấp hành pháp luật hoặc phát hiện, ngăn chặn những gì trái với quy định của pháp luật.

Ở Việt Nam, lâu nay chúng ta tuy không thừa nhận và không tổ chức Nhà nước theo nguyên tắc tam quyền phân lập nhưng trong thực tiễn có tiếp thu nhiều yếu tố hợp lý của lý thuyết này và giữ lại quyền kiểm soát của nhân dân. Nhân dân (Hiến pháp) giao cho nhà nước lập chức năng kiểm sát, trước đây Viện kiểm sát với chức năng đồ sộ kiểm sát việc tuân theo pháp luật nói chung, nay gói gọn trong hoạt động tư pháp, nhân dân kỳ vọng ngành Kiểm sát phải làm tốt vấn đề này. Kiểm sát hoạt động tư pháp được hiểu là nơi nào, tổ chức nào có thực hiện hoạt động tư pháp thì ở đó có hoạt động kiểm sát - kể cả việc kiểm sát hoạt động xét xử của Tòa án [31], [46].

Qua đó, cho chúng ta thấy phía nhân dân không chỉ có sự giữ lại quyền của mình mà còn thực hiện quyền lực (kiểm soát) của mình để tác động các cơ quan thuộc lực lượng tư pháp thực hiện đúng pháp luật đề cao trách nhiệm trong việc thực thi quyền lực. Đây là một trong những cơ chế nhằm hạn chế và ngăn chặn sự lạm dụng quyền lực Nhà nước và mang tính nhân dân sâu sắc.

Về bản chất, kiểm sát hoạt động tư pháp là hoạt động thuộc chức năng Viện kiểm sát thực hiện quyền lực Nhà nước, do Quốc hội giao cho Viện kiểm sát nhằm mục đích bảo đảm pháp chế trong hoạt động tư pháp. Mục đích nhằm phát hiện kịp thời và loại trừ vi phạm pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng, nguời tiến hành tố tụng và nguời tham gia tố tụng.

** Về kiểm sát hoạt động tư pháp hình sự*

Tư pháp có thể chia ra 2 loại (hình sự và phi hình sự). Trong lĩnh vực hình sự, các hoạt động của Viện kiểm sát ngoài việc thực hiện chức năng thực

hành quyền công tố, Viện kiểm sát còn thực hiện kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự nhằm mục tiêu bảo đảm mọi tội phạm, người phạm tội và cả pháp nhân thương mại phạm tội đều phải được phát hiện và xử lý.

Trong nhà nước pháp quyền, có thể nói pháp luật là thước đo, là chuẩn mực của tự do và công lý; kiểm sát giải quyết vụ án hình sự thực chất là hoạt động thực hiện kiểm soát quyền lực nhà nước để bảo vệ pháp luật, đấu tranh, xử lý các hành vi phạm tội, người phạm tội (cả pháp nhân thương mại). Các hoạt động phát hiện tội phạm, khởi tố, điều tra, việc bắt giữ như thế nào, tiến hành điều tra ra sao,... với chức năng, thẩm quyền cơ quan tố tụng thì cứ tiến hành hoạt động. Tuy nhiên, toàn bộ những hoạt động này phải được kiểm sát (sự kiểm soát của nhân dân).

Trong lĩnh vực hình sự việc bảo đảm cho các hoạt động điều tra vụ án hình sự đúng với pháp luật là một nhu cầu hết sức cần thiết trong quá trình cải cách tư pháp hiện nay. Kế thừa chức năng kiểm sát theo quy định của Hiến pháp và các Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, kiểm sát hoạt động tư pháp nói chung và kiểm sát hoạt động tư pháp hình sự nói riêng tiếp tục là một trong hai chức năng Hiến định giao cho Viện kiểm sát nhân dân.

Các hoạt động mang tính quyền lực này luôn liên quan đến quyền con người thậm chí sinh mạng con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, của tổ chức... Để các hoạt động giải quyết vụ án đạt hiệu quả cao, tránh lạm quyền thì yêu cầu đặt ra phải có sự kiểm sát hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án.

**Về kiểm sát hoạt động điều tra vụ án hình sự*

Kiểm sát hoạt động điều tra vụ án hình sự được biểu hiện trong thực tế đó là kiểm sát tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra khi thực hiện các hoạt động điều tra cụ thể như: Hỏi cung bị can; Lấy lời khai của ngu[□]ời làm chứng và những ngu[□]ời tham gia tố tụng; Khám xét

(khám nguồn, khám chỗ ở, địa điểm, chỗ làm việc); Thu giữ thuồn tin, điồn tin, buồn kiện, buồn phẩm tại buồn điồn; Khám nghiệm (khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi); Xem xét dấu vết trên thân thể; Thực nghiệm điều tra; Truồng cầu giám định... Kiểm sát hoạt động điều tra vụ án hình sự thực chất là kiểm sát thực hiện thẩm quyền của Cơ quan điều tra và các cơ quan khác có nhiệm vụ điều tra (chủ thể chính có trách nhiệm đứng ra điều tra giải quyết vụ án hình sự). Mọi hoạt động điều tra phải tuân theo pháp luật, tiến hành khách quan, tôn trọng sự thật, hoạt động điều tra một cách toàn diện và đầy đủ nhằm phát hiện nhanh chóng, chính xác mọi hành vi phạm tội, làm rõ chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nguyên nhân, điều kiện phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án.

VKSND thực hiện kiểm sát hoạt động điều tra vụ án hình sự thông qua hai phương thức: *Thứ nhất*, kiểm sát trực tiếp hoạt động điều tra vụ án, KSV trực tiếp kiểm sát hoạt động của ĐTV trong việc tiến hành điều tra thu thập tài liệu, chứng cứ như: Khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, thực nghiệm điều tra; hỏi cung bị can, ghi lời khai người làm chứng, người bị hại; đối chất, nhận dạng đảm bảo cho việc thu thập chứng cứ của ĐTV được tuân thủ theo đúng trình tự mà BLTTHS quy định, các chứng cứ thu thập được đảm bảo tính khách quan, chính xác. *Thứ hai*, kiểm sát gián tiếp hoạt động điều tra thông qua KSV tiến hành nghiên cứu hồ sơ, tài liệu, chứng cứ do CQĐT đã tiến hành các hoạt động điều tra thu thập như: Biên bản đối chất, nhận dạng; biên bản khám xét, biên bản thực nghiệm điều tra; biên bản hỏi cung bị can, ghi lời khai người làm chứng; biên bản thu giữ vật chứng... đảm bảo các tài liệu này phải đúng theo hình thức, thẩm quyền, trình tự, thủ tục do BLTTHS quy định.

Từ sự phân tích trên đây, có thể đưa ra khái niệm: *Kiểm hoạt động điều tra vụ án là hoạt động của VKSND để kiểm sát tính hợp pháp của CQĐT trong hoạt động điều tra vụ án; được thực hiện trong suốt quá trình điều tra vụ án.*

Kiểm sát hoạt động điều tra vụ án hình sự có những đặc điểm sau:

Kiểm sát hoạt động điều tra vụ án hình sự là một dạng giám sát hoạt động tư pháp hình sự, một trong những công tác thực hiện chức năng Viện kiểm sát.

Viện kiểm sát với tư cách là chủ thể duy nhất được Nhà nước giao chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp; trong hoạt động điều tra, Viện kiểm sát có trách nhiệm kiểm sát việc tuân theo pháp luật đối với hoạt động của Cơ quan điều tra trong thực hiện đúng các quy định pháp luật về điều tra vụ án; những vi phạm pháp luật trong quá trình điều tra phải được phát hiện, khắc phục kịp thời và xử lý nghiêm minh để loại trừ những hành vi vi phạm pháp luật.

Mục đích kiểm sát hoạt động điều tra là nhằm bảo đảm cho hoạt động điều tra vụ án được tiến hành đúng theo pháp luật, công bằng, công lý; Giải quyết vụ án chính xác, đúng người, đúng tội.

2.1.2.2. Đối tượng, phạm vi kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự

Bản chất của hoạt động kiểm sát hoạt động điều tra là kiểm tra tính hợp pháp trong hành vi của chủ thể tiến hành điều tra nên đối tượng của kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự chính là hành vi và quyết định của Cơ quan điều tra và các cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra.

Đối tượng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra tập trung chủ yếu vào kiểm sát sự tuân thủ pháp luật của CQĐT, Điều tra viên trong việc ban hành và thực hiện các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng trong quá trình điều tra vụ án. Kiểm sát sự tuân theo pháp luật của CQĐT khi tiến hành các hoạt động tố tụng từ khi tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội

phạm quá trình tiến hành các hoạt động điều tra cụ thể cho đến khi kết thúc việc điều tra đều thuộc đối tượng kiểm sát việc tuân theo pháp luật.

Bên cạnh đó, khi thực hiện kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra vụ án, VKSND còn phải bảo đảm sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng. Đó là sự tuân theo pháp luật của người bị tạm giữ, bị can, người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người giám định, người phiên dịch, người bào chữa... Kiểm sát sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng là kiểm sát việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của pháp luật khi tham gia vào các hoạt động tố tụng. Người tham gia tố tụng phải thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của họ và Cơ quan CSĐT phải bảo đảm để người tham gia tố tụng được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đó.

Phạm vi kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra các vụ án hình sự được bắt đầu từ khi Cơ quan điều tra tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và kết thúc khi đạt được mục đích của việc điều tra làm rõ vụ án bằng bản kết luận điều tra đề nghị truy tố.

2.1.2.3. Nội dung kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự

Viện kiểm sát thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong điều tra giải quyết các vụ án hình sự, được thể hiện cụ thể như sau:

**Kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự*

Thông qua hồ sơ, tài liệu do Cơ quan điều tra cung cấp, Kiểm sát viên kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Cơ quan điều tra, bảo đảm mọi tội phạm được phát hiện đều phải khởi tố; tiến hành khởi tố vụ án hình sự chính xác, có căn cứ và đúng pháp luật. Tránh việc khởi tố vụ án hình sự một cách tràn lan mà dẫn đến việc xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Theo quy định tại điều 100 Bộ luật Tố tụng hình sự, các cơ quan có thẩm quyền tố tụng chỉ được khởi tố vụ án hình sự khi đã xác định có dấu

hiệu tội phạm. Có dấu hiệu tội phạm ở đây không đòi hỏi phải là dấu hiệu đầy đủ của cấu thành tội phạm nhưng cần phải có sự kiện phạm tội, tức phải có những dấu hiệu cơ bản như: có hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xảy ra, có hậu quả nguy hiểm cho xã hội xảy ra, có dấu hiệu cho thấy hành vi này do con người thực hiện (lúc này chưa cần xác định được cụ thể người đó là ai). Khi tiếp nhận quyết định khởi tố vụ án hình sự và tài liệu có liên quan do Cơ quan điều tra cung cấp; ngoài việc xác định có dấu hiệu tội phạm, Kiểm sát viên cần kiểm tra và khẳng định là không có các tình tiết loại trừ tính nguy hiểm cho xã hội hoặc không có những tình tiết để không được khởi tố vụ án theo điều 107 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong thực tế công tác kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự, có những cách hiểu khác nhau về “dấu hiệu tội phạm” dùng làm căn cứ để khởi tố vụ án, có vụ án khởi tố, điều tra nhưng không đủ căn cứ để truy tố. Do đó, trước khi đồng ý quyết định khởi tố vụ án của cơ quan điều tra, Kiểm sát viên cần nghiên cứu thật kỹ hồ sơ tài liệu, xác minh ban đầu đủ để khẳng định một cách chính xác có dấu hiệu tội phạm và việc khởi tố vụ án hình sự là có căn cứ.

Tính có căn cứ để khởi tố vụ án được thể hiện như sau: một là, qua việc xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ cho thấy thực tế có hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định ở một điều luật cụ thể của Bộ luật hình sự; hành vi nguy hiểm cho xã hội phải đủ lớn để xử lý hình sự; những hành vi tuy có dấu hiệu của tội phạm, nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể, thì không phải là tội phạm và được xử lý bằng các biện pháp khác; hai là, tính có lỗi của hành vi phải được xem xét cụ thể; lỗi là thái độ tâm lý chủ quan của con người đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội mà họ thực hiện và đối với hậu quả do hành vi đó gây ra, thể hiện dưới dạng cố ý hoặc vô ý; pháp luật hình sự nước ta không chấp nhận việc quy tội khách quan chỉ thông qua hành

vi gây thiệt hại cho xã hội mà không căn cứ vào lỗi của người thực hiện hành vi đó.

Trong thực tế, nhiều trường hợp CQĐT giải quyết tố giác, tin báo tội phạm xong thì xác định ngay có dấu hiệu tội phạm cần khởi tố vụ án hình sự nhưng có không ít trường hợp quyết định khởi tố vụ án, có dấu hiệu tội phạm nhưng sau đó kết quả điều tra cho thấy người thực hiện hành vi phạm tội không đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự hoặc bị bệnh tâm thần, sau đó phải đình chỉ vụ án.

Để bảo đảm căn cứ chặt chẽ, tránh khởi tố tràn lan, kiểm sát viên cần phải nghiên cứu các căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự theo Điều 107 BLTTHS như: Không có sự việc phạm tội; Hành vi không cấu thành tội phạm; Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự; Người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật; Đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự; Tội phạm đã được đại xá; Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác. Dù rằng có dấu hiệu tội phạm đi nữa nhưng rơi vào một trong các trường hợp này thì không được khởi tố vụ án hình sự, nếu đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự rồi thì phải ra quyết định huỷ quyết định khởi tố đó.

**Kiểm sát khởi tố bị can*

Đây là hoạt động rất quan trọng, chỉ khi có đủ căn cứ xác định một người cụ thể là bị can trong vụ án hình sự, Cơ quan điều tra mới có thể tiến hành các bước điều tra tiếp theo đối với bị can như áp dụng lệnh tạm giam, khám xét, hỏi cung bị can... Viện kiểm sát có nhiệm vụ kiểm sát việc khởi tố bị can của CQĐT nhằm bảo đảm quyết định đó có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tính có căn cứ thể hiện qua những chứng cứ có trong tài liệu Cơ quan điều tra gửi cho Viện kiểm sát khẳng định chính bị can là người đã thực

hiện hành vi phạm tội trong vụ án. Tính hợp pháp của quyết định khởi tố bị can thể hiện ở thủ tục ra quyết định và hình thức quyết định đúng như Điều 126 khoản 2 BLTTHS như phải ghi rõ thời gian, địa điểm ra quyết định, họ tên, chức vụ người ra quyết định; họ tên, ngày, tháng, năm sinh, chỗ ở, hoặc nơi đăng ký nhân khẩu thường trú, nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình của bị can; bị can bị khởi tố về tội gì, theo khoản nào của BLHS; thời gian, địa điểm phạm tội và những tình tiết khác của tội phạm; nếu bị can bị khởi tố về nhiều tội khác nhau thì phải ghi rõ từng tội danh và điều khoản tương ứng.

Pháp luật quy định chặt chẽ như vậy để chính bị can biết bị khởi tố về tội gì, khung hình phạt mà bị can phải gánh chịu là bao nhiêu để bị can có cơ hội bào chữa hay nhờ người bào chữa bảo vệ quyền lợi cho mình. Khi làm tốt công tác KSDT ở giai đoạn này sẽ góp phần không nhỏ vào việc hạn chế tỉ lệ oan, sai và bỏ lọt tội phạm, bảo đảm tốt hơn quyền cơ bản của công dân.

**Kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn*

Theo quy định tại Điều 79 BLTTHS năm 2003 thì có 06 biện pháp ngăn chặn là: bắt, tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm. Các biện pháp ngăn chặn trong TTHS nói chung và biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra nói riêng là những biện pháp cần thiết của các cơ quan tiến hành tố tụng, áp dụng đúng đắn các biện pháp ngăn chặn có tác dụng rất lớn trong việc ngăn chặn tội phạm và là một trong những biện pháp hữu hiệu để các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình nhằm đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Nhưng khi áp dụng các biện pháp ngăn chặn đồng thời các cơ quan tiến hành tố tụng cũng tác động đến quyền cơ bản của công dân, quyền tự do của con người do Hiến pháp quy định.

Do đó, Viện kiểm sát thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn kiểm sát phải trên quan điểm bảo đảm yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, ngăn chặn tội phạm kịp thời, không để cho người phạm tội gây khó khăn cho hoạt động điều tra; nhưng mặt khác bảo đảm tính nhân đạo trong chính sách hình sự của Đảng và pháp luật của Nhà nước, không được lạm dụng các biện pháp ngăn chặn áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam thay cho các hoạt động điều tra, thu thập chứng cứ đến mức vi phạm quyền con người, quyền công dân.

Thực tế hoạt động kiểm sát cho thấy, việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn còn nhiều tồn tại, vướng mắc. Tình trạng lạm dụng bắt khẩn cấp, lạm dụng bắt quả tang vẫn còn xảy ra; Các biện pháp ngăn chặn khác như biện pháp đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm và biện pháp bảo lãnh, cấm đi khỏi nơi cư trú ít được áp dụng, hiệu quả thấp; tạm giam, thời hạn tạm giam chưa được thực hiện nghiêm túc vì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát còn có tâm lý cho rằng đã là bị can thì đã có tội nên sẵn sàng sử dụng các biện pháp tạm giam, gia hạn tạm giam đối với bị can. Do nhận thức như vậy nên cơ quan điều tra dễ sử dụng biện pháp tạm giam như là biện pháp hữu hiệu cho bị can nhận tội, coi việc nhận tội của bị can là điều kiện tiên quyết để Cơ quan điều tra thay đổi việc áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhẹ nhàng hơn hoặc không nhận tội thì không cho thân nhân thăm gặp, không nhận tội thì không cho bảo lãnh...

Do đó, trong quá trình kiểm sát hoạt động điều tra vụ án hình sự Kiểm sát viên cần quan tâm thực hiện quyền hạn pháp luật quy định để kiểm sát chặt chẽ sự cần thiết và tính có căn cứ của việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn nhất là việc bắt, tạm giam, gia hạn tạm giam; không để xảy ra việc lạm dụng quyền tạm giam, như là một biện pháp duy nhất để buộc bị can khai nhận tội, biện pháp để thay thế trừng phạt hoặc kéo dài thời gian không cần thiết.

** Kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường*

Khám nghiệm hiện trường là hoạt động nghiệp vụ điều tra có thể được tiến hành trước khi khởi tố vụ án hình sự. Đây là dạng hoạt động tổ tụng, đồng thời là biện pháp nghiệp vụ cấp bách do CQĐT tiến hành.

Cơ quan điều tra phải có trách nhiệm thông báo cho VKS biết về việc khám nghiệm hiện trường và VKS phải cử KSV có mặt tại nơi khám nghiệm để kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường.

Trong khi khám nghiệm, Điều tra viên tiến hành chụp ảnh, vẽ sơ đồ hiện trường, mô tả hiện trường, đo đạc, dựng mô hình, thu lượm và xem xét tại chỗ dấu vết của tội phạm, đồ vật, tài liệu có liên quan đến vụ việc, ghi rõ kết quả việc xem xét đó vào biên bản khám nghiệm hiện trường.

Kiểm sát viên phải kiểm sát chặt chẽ các hoạt động khám nghiệm. Chú ý yêu cầu thu thập dấu vết, vật chứng, xác định nguyên nhân điều kiện gây ra hậu quả. Kiểm sát chặt chẽ sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm bảo đảm mô tả phản ánh trung thực hiện trường và kết quả khám nghiệm. Khi kiểm sát việc khám nghiệm cần kịp thời phát hiện, yêu cầu thu thập, mô tả trung thực, khách quan, đầy đủ các dấu vết có liên quan đến việc chứng minh tội phạm. Bởi lẽ, sai lầm trong khám nghiệm sẽ gây hậu quả rất nghiêm trọng, nhiều trường hợp không khắc phục được. nếu thấy việc khám nghiệm chưa đầy đủ, vi phạm các quy định tại Điều 150 và Điều 154 Bộ luật Tố tụng Hình sự thì yêu cầu Điều tra viên khắc phục.

Sự có mặt của KSV tại cuộc khám nghiệm hiện trường không phải để chứng kiến hoặc tham gia khám nghiệm mà giữ vai trò kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường; kiểm sát tính hợp pháp của hoạt động khám nghiệm, bảo đảm việc thu thập, bảo quản dấu vết, vật chứng được đầy đủ, khách quan, toàn diện, đúng thủ tục tổ tụng, làm sáng tỏ các tình tiết có ý nghĩa đối với vụ án và tránh những thiếu sót có thể dẫn đến oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

** Kiểm sát việc khám nghiệm tử thi*

Khám nghiệm tử thi được tiến hành khi phát hiện có người chết chưa rõ nguyên nhân, có thể do bị giết, bị tai nạn, tự sát hoặc do bệnh lý... Tuy nhiên, để xác định rõ nguyên nhân chết thì cần phải tiến hành khám nghiệm tử thi.

Việc khám nghiệm tử thi phải do điều tra viên chủ trì, có sự tham gia của bác sỹ pháp y và người chứng kiến. Trong mọi trường hợp việc khám nghiệm tử thi phải được thông báo trước cho VKSND cùng cấp biết. KSV phải có mặt để kiểm sát quá trình khám nghiệm tử thi.

Để không bỏ sót dấu vết, KSV cần lưu ý bác sỹ pháp y mô tả chính xác đặc điểm của vật để lại dấu vết, xác định được đặc điểm của lực tác động để xét đoán nguyên nhân chết.

Sau khi khám nghiệm tử thi, KSV cần kiểm sát biên bản khám nghiệm tử thi nhằm bảo đảm biên bản phải phản ánh khách quan, chính xác, chặt chẽ, đúng và đầy đủ kết quả khám nghiệm tử thi.

** Kiểm sát việc hỏi cung:*

Kiểm sát việc hỏi cung bị can là hoạt động sử dụng quyền hạn tổ tụng của VKSND để kiểm sát việc tuân theo pháp luật của điều tra viên trong quá trình hỏi cung bị can nhằm bảo đảm cho việc hỏi cung được khách quan, toàn diện, đầy đủ và đúng pháp luật. Hỏi cung bị can cho ta biết được những tình tiết vụ án, tìm đồng phạm nhưng để được khách quan, không được xem việc nhận tội là biện pháp duy nhất trong việc làm rõ vụ án, việc này thường dẫn đến hoạt động bức cung, nhục hình để bị can nhận tội, vụ oan sai thường xuất phát từ hành vi này.

Kiểm sát viên có nhiệm vụ kiểm sát chặt chẽ hoạt động hỏi cung của Điều tra viên, kiểm sát việc chấp hành các thủ tục tổ tụng về hỏi cung bị can của điều tra viên. Không được hỏi cung vào ban đêm tính từ 22 giờ ngày hôm trước đến 6 giờ sáng ngày hôm sau, trừ trường hợp không thể trì hoãn được, nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản hỏi cung.

Căn cứ theo Điều 95 BLTTHS năm 2003 khi tiến hành hỏi cung bắt buộc phải lập biên bản theo mẫu quy định. Biên bản hỏi cung bị can là biên bản pháp lý ghi lại toàn bộ quá trình, nội dung, kết quả của việc hỏi cung bị can. Biên bản hỏi cung phải được ghi đầy đủ lời trình bày của bị can, các câu hỏi và các câu trả lời. Nghiêm cấm điều tra viên tự mình ghi thêm, bớt, sửa chữa lời khai của bị can trong biên bản. Trong trường hợp có bổ sung hoặc sửa chữa biên bản thì bị can và điều tra viên phải cùng ký xác nhận. Nếu biên bản có nhiều trang thì bị can phải ký nhận và từng trang của biên bản. Nếu việc hỏi cung được ghi âm thì sau khi hỏi cung phải phát lại để bị can và điều tra viên cùng nghe; biên bản phải ghi rõ lại nội dung việc hỏi cung, bị can và người hỏi cung phải ký xác nhận.

Khi tiến hành kiểm sát việc hỏi cung bị can, KSV đặc biệt chú ý tới việc lập biên bản hỏi cung. Biên bản hỏi cung có phản ánh đúng những câu hỏi của điều tra viên, những lời khai của bị can hay không; có làm sai lệch nội dung, kết quả hỏi cung như sửa chữa, thêm bớt nội dung biên bản hay không; điều tra viên có đặt những câu hỏi một chiều, phiến diện hay không. Đặc biệt chú ý kiểm sát để không xảy ra việc mớm cung, bức cung, dụ cung, nhục hình, cả việc nhục hình biến tướng. Viện kiểm sát đặc biệt chú ý trường hợp bị can khiếu nại hoạt động điều tra, kêu oan, lúc nhận tội lúc không nhận tội, có nghi ngờ chứng cứ quan trọng, có tình tiết phức tạp khó thống nhất về tính chất vụ án hoặc cần làm rõ căn cứ để quyết định phê chuẩn, những trường hợp này, KSV cần tiến hành hỏi cung bị can để làm rõ những mâu thuẫn trong vụ án.

Theo đó Điều 183 BLTTHS 2015 quy định rõ trước khi hỏi cung bị can, Điều tra viên phải thông báo cho Kiểm sát viên và người bào chữa thời gian, địa điểm hỏi cung. Khi xét thấy cần thiết, Kiểm sát viên tham gia việc hỏi cung bị can. Và Kiểm sát viên hỏi cung bị can trong trường hợp bị can

kêu oan, khiếu nại hoạt động điều tra hoặc có căn cứ xác định việc điều tra vi phạm pháp luật hoặc trong trường hợp khác khi xét thấy cần thiết.

** Kiểm sát việc lấy lời khai người làm chứng:*

Người làm chứng là người biết được những tình tiết liên quan đến vụ án hình sự. Lấy lời khai của người làm chứng để thu thập những thông tin về nguồn tin tội phạm, về vụ án, về quan hệ giữa họ với người bị buộc tội và trả lời những câu hỏi đặt ra phục vụ cho công tác điều tra xử lý tội phạm.

Khi lấy lời khai người làm chứng, điều tra viên phải tuân thủ theo quy định tại Điều 135 BLTTHS năm 2003. KSV phải kiểm sát nội dung lấy lời khai người làm chứng để bảo đảm hoạt động lấy lời khai của điều tra viên đúng trình tự, thủ tục, có giá trị chứng minh. Yêu cầu quan trọng nhất của việc lấy lời khai nhân chứng là bảo đảm tính trung thực của lời khai và được phản ánh trung thực trong biên bản ghi lời khai. Điều quan trọng là không được dùng làm chứng cứ những tình tiết do bị hại trình bày nếu họ không thể nói rõ vì sao biết được tình tiết đó. Đây là vấn đề mấu chốt buộc KSV cần phải kiểm sát chặt chẽ việc thu thập lời khai của người làm chứng.

Bộ luật TTHS 2015 quy định rõ hơn trường hợp Viện kiểm sát xét thấy việc lấy lời khai của Điều tra viên không khách quan hoặc có vi phạm pháp luật hoặc xét cần làm rõ chứng cứ, tài liệu để quyết định việc phê chuẩn hoặc không phê chuẩn quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra hoặc để quyết định việc truy tố thì Kiểm sát viên có thể lấy lời khai người làm chứng (Điều 186). Việc lấy lời khai của người làm chứng có thể ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh (Điều 187).

** Kiểm sát việc tạm đình chỉ điều tra*

Theo quy định tại Điều 160 BLTTHS thì CQĐT có quyền ra quyết định tạm đình chỉ điều tra trong các trường hợp sau:

Khi bị can mắc bệnh tâm thần hoặc bị bệnh hiểm nghèo khác mà có chứng nhận của Hội đồng giám định pháp y thì có thể được tạm đình chỉ điều tra trước khi hết hạn điều tra vụ án hình sự.

Đối với trường hợp chưa xác định được bị can là ai hoặc không biết rõ bị can ở đâu thì tạm đình chỉ điều tra bị can khi đã hết hạn điều tra vụ án hình sự. Trường hợp này CQĐT phải ra quyết định truy nã trước khi ra quyết định tạm đình chỉ.

Đối với trường hợp CQĐT đã tiến hành trưng cầu giám định, nhưng vì lý do nào đó chưa có kết quả giám định mà không thể thực hiện xong trước khi hết hạn điều tra thì CQĐT có quyền ra quyết định tạm đình chỉ điều tra.

Quyết định tạm đình chỉ của CQĐT phải được gửi ngay cho VKS cùng cấp để được thực hiện chức năng kiểm sát và gửi ngay cho bị can, người bị hại để họ biết và thực hiện. Viện kiểm sát có nhiệm vụ kiểm sát chặt chẽ căn cứ ra quyết định tạm đình chỉ điều tra, khi lý do căn cứ tạm đình chỉ không còn thì KSV chủ động yêu cầu CQĐT ra quyết định phục hồi điều tra. Nếu CQĐT không thực hiện thì VKS tự ra quyết định phục hồi và gửi CQĐT để tiến hành điều tra.

Tạm đình chỉ điều tra vụ án chưa phải là kết thúc vụ án, tuy nhiên trong thực tế hàng năm tại địa phương có nhiều vụ án không tìm được người phạm tội, nhiều vụ án phải tạm đình chỉ và không được phục hồi điều tra. Đây có thể là nơi chứa đựng các trường hợp để lọt tội phạm mà các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự cần có giải pháp căn cơ để khắc phục tình trạng này.

Đối với ngành Kiểm sát thấy cần tăng cường thực hiện quyền hạn theo pháp luật quy định để kiểm sát hoạt động điều tra, kiểm sát chặt chẽ việc ra quyết định tạm đình chỉ điều tra của Cơ quan điều tra, bảo đảm các trường hợp tạm đình chỉ thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Khi thấy lý do

tạm đình chỉ không còn thì Kiểm sát viên yêu cầu Cơ quan điều tra phục hồi điều tra vụ án.

** Kiểm sát việc đình chỉ điều tra*

Theo quy định tại Điều 164 BLTTHS, trong giai đoạn điều tra nếu có một trong những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự quy định tại điều 107 BLTTHS hoặc đã hết hạn điều tra mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm thì CQĐT phải ra quyết định đình chỉ điều tra. Đình chỉ điều tra cũng có nghĩa là vụ án được kết thúc, chấm dứt các hoạt động TTHS.

Viện kiểm sát phải thực hiện kiểm sát căn cứ ra quyết định đình chỉ điều tra của CQĐT. Những căn cứ mà CQĐT phải ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự như sau:

- Khi người bị hại có quyền khởi tố vụ án theo quy định tại khoản 2, Điều 105 BLTTHS năm 2003 mà họ rút yêu cầu khởi tố vụ án.
- Khi bị can tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội theo quy định tại Điều 19 BLHS năm 1999.
- Khi thấy cần miễn trách nhiệm hình sự theo Điều 25 BLHS.
- Người chưa thành niên phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng, gây hại không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và được gia đình hoặc cơ quan, tổ chức nhận giám sát giáo dục (theo khoản 2 Điều 69 BLHS).
- Đã hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm.

Quyết định đình chỉ điều tra là văn pháp lý chấm dứt toàn bộ hoạt động điều tra đang áp dụng. Cho nên, sau khi vụ án được đình chỉ điều tra, VKS phải kiểm sát chặt chẽ việc xử lý những vấn đề có liên quan như: Hủy bỏ ngay các biện pháp ngăn chặn nếu bị can đang bị tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú; Hủy bỏ lệnh kê biên tài sản, trả lại thư tín, điện tín, bưu phẩm, đồ vật hoặc tài liệu đã bị tạm giữ trong quá trình điều tra, khám xét; Kiến nghị với

cơ quan đã ra quyết định tạm đình chỉ chức vụ đối với bị can hủy ngay quyết định này; Giải quyết hoặc chấm dứt những vấn đề khác có liên quan.

Trong trường hợp phát hiện CQĐT không làm đúng thủ tục, thẩm quyền tố tụng hoặc quyết định đình chỉ điều tra không có căn cứ thì VKS hủy bỏ quyết định đình chỉ điều tra và yêu cầu CQĐT phục hồi điều tra vụ án và tiếp tục kiểm sát đối với hoạt động điều tra vụ án. Nếu thấy hồ sơ vụ án, bị can đã đủ căn cứ để truy tố thì yêu cầu CQĐT kết thúc điều tra chuyển chuyển Viện kiểm sát quyết định truy tố.

** Kiểm sát lập hồ sơ điều tra*

Bộ luật Tố tụng hình sự quy định trách nhiệm lập hồ sơ vụ án của từng cơ quan tiến hành tố tụng trong các giai đoạn cụ thể. Theo đó, trong giai đoạn khởi tố, điều tra, Cơ quan điều tra phải lập hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên kiểm sát chặt chẽ việc lập hồ sơ vụ án hình sự của Điều tra viên, bảo đảm từng trang tài liệu trong hồ sơ bắt khẩn cấp, hồ sơ khởi tố vụ án, hồ sơ khởi tố bị can và các hồ sơ khác trong quá trình điều tra phải được đóng dấu bút lục và kèm theo bản kê đầy đủ tên tài liệu, số trang từng tài liệu và lưu trong hồ sơ vụ án. Nếu các hồ sơ gửi Viện kiểm sát xét phê chuẩn, thì sau khi kết thúc việc phê chuẩn, Kiểm sát viên thụ lý giải quyết vụ án phải đóng dấu bút lục của Viện kiểm sát vào các tài liệu đó và chuyển cho Cơ quan điều tra đưa vào hồ sơ vụ án.

Trong quá trình khởi tố, điều tra, tài liệu của Cơ quan điều tra hoặc của Viện kiểm sát thu thập đều phải được đưa vào hồ sơ vụ án theo đúng trình tự tố tụng khởi tố, điều tra vụ án.

Ngoài các hoạt động kiểm sát nêu trên, VKS còn phải thực hiện các chức năng giám sát việc tuân theo pháp luật trong các hoạt động tố tụng như: kiểm sát việc lấy lời khai người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; kiểm sát việc đối

chất, nhận dạng; kiểm sát việc xem xét dấu vết trên thân thể, thực nghiệm điều tra, giám định.

Tùy theo tính chất cụ thể của từng vụ án hình sự, tùy theo từng loại tội phạm mà VKS có thể thực hiện hoạt động kiểm sát phù hợp để đảm bảo cho việc chấp hành pháp luật của hoạt động điều tra tội phạm của CQĐT được tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng hiện hành. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tiếp tục quy định kiểm sát chặt chẽ các hoạt động điều tra và tăng cường trách nhiệm hơn trong bảo đảm Cơ quan điều tra thực hiện tốt các biện pháp điều tra tố tụng hình sự đặc biệt, bảo đảm việc hỏi cung bị can (tại cơ sở giam giữ hoặc tại trụ sở Cơ quan điều tra) phải được ghi âm, ghi hình có âm thanh; bảo đảm quyền bị can, người bào chữa được đọc, ghi chép bản sao tài liệu...

2.1.3. Mối quan hệ giữa thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự

Về nguyên tắc khi một cơ quan có hai chức năng trong đó có hai hình thức hoạt động tương ứng thì việc phân biệt rõ ràng là rất cần thiết, nếu không phân biệt rành mạch hoạt động nào là thực hành quyền công tố, hoạt động nào là kiểm sát hoạt động điều tra sẽ dẫn đến thực hiện không tránh khỏi sự chồng chéo, không hiệu quả.

Trước hết, chúng ta cần khẳng định rằng trong Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân và BLTTHS hiện hành đã quy định cơ bản nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát trong thực hiện hai loại hoạt động này.

Biện pháp tác động của thực hành quyền công tố là trực tiếp quyết định, hủy bỏ các quyết định của cơ quan điều tra hoặc ra các yêu cầu buộc cơ quan điều tra có trách nhiệm phải thực hiện, còn kiểm sát hoạt động điều tra có biện pháp kiến nghị và yêu cầu về khắc phục vi phạm pháp luật.

Mục tiêu của hoạt động thực hành quyền công tố là phát hiện tội phạm, khởi tố, điều tra tìm ra sự thật vụ án, buộc tội đối với người có hành vi phạm tội, không để lọt người phạm tội và không làm oan người vô tội. Mục tiêu của hoạt động kiểm sát là nhằm bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng hình sự.

Đối tượng thực hành quyền công tố là hành vi phạm tội và người phạm tội. Kiểm sát hoạt động điều tra có đối tượng tác động chủ yếu là hoạt động chấp hành pháp luật của cơ quan điều tra, gắn liền với đấu tranh chống hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động tố tụng điều tra.

Hai loại hoạt động này có biện pháp, mục tiêu và đối tượng khác nhau nhưng có mục đích chung thống nhất hướng tới việc giải quyết vụ án được khách quan, công bằng, công lý.

Thật vậy, hoạt động thực hành quyền công tố luôn có xu hướng nghiêng về buộc tội nên dễ dẫn đến chủ quan, phiến diện trong quá trình khởi tố, điều tra buộc tội. Từ đó, hoạt động thực hành quyền công tố sẽ không đạt kết quả khi không có hoạt động kiểm sát ở từng công đoạn của quá trình điều tra. Như bài viết của PGS-TS Nguyễn Thái Phúc đã cảnh báo khi đóng góp đối với việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992 về chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân “Bỏ hoạt động kiểm sát trong lĩnh vực tố tụng hình sự - lĩnh vực luôn có nguy cơ hạn chế trái pháp luật các quyền, tự do hiến định của bị can, bị cáo, người bị tạm giữ là bỏ đi một công cụ pháp lý hữu hiệu bảo đảm pháp chế - bảo đảm tuân thủ triệt để các quy định của BLTTHS trong hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng, bỏ đi một thiết chế pháp lý bảo vệ quyền con người, hạn chế oan sai trong giai đoạn điều tra”[43].

Trong nhà nước pháp quyền, quyền lực nhà nước nói chung, quyền lực công tố phải được kiểm soát, thiếu vắng sự kiểm soát quyền lực dễ bị tha hoá hoặc lạm quyền; muốn giải quyết vụ án đạt khách quan, công bằng, công lý

thì các hoạt động thực hành quyền công tố trong đó có hoạt động điều tra các vụ án hình sự phải được kiểm sát chặt chẽ, đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

Như vậy, mối quan hệ giữa hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra là mối quan hệ gắn bó biện chứng, tương hỗ với nhau. Thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp tốt sẽ tạo cơ sở thuận lợi cho chức năng thực hành quyền công tố và ngược lại. Đặc biệt, có ý nghĩa rất lớn khi chúng ta đề cập đến việc “tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra” “gắn công tố trong hoạt động điều tra” theo yêu cầu của cải cách tư pháp.

2.2. Quy định pháp luật về thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự

2.2.1. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật về tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân

Tổ chức Công tố trong Tòa án, Viện công tố hay Viện kiểm sát là tổ chức gắn liền với sự tồn tại và phát triển của Nhà nước dân chủ nhân dân, trải qua nhiều giai đoạn phát triển từ năm 1945 đến nay với những mô hình, cách thức tổ chức khác nhau phù hợp với yêu cầu của từng giai đoạn cách mạng.

Khi chính quyền dân chủ nhân dân mới thành lập, Chủ tịch nước ban hành sắc lệnh số 33C-SL ngày 13/9/1945 về tổ chức tư pháp, trong đó có chức danh công tố nằm trong Tòa án quân sự, một Ủy viên quân sự hoặc Ủy viên Ban trình sát giữ quyền công tố thực hiện chức năng buộc tội. Các Sắc lệnh liên tiếp sau đó liên quan đến Tòa án quân sự điều duy trì vị trí công tố tại Tòa án với chức năng buộc tội. Sắc lệnh số 07-SL ngày 15/01/1946 bổ sung thêm nhân viên của công tố viện do Chương lý của Tòa thượng thẩm chỉ định, thực hành quyền công tố nhà nước.

Sắc lệnh số 13/SL ngày 24/01/1946 quy định hệ thống Tòa án được tổ chức ở ba cấp: Tòa án sơ cấp (ở các quận, huyện, châu), Tòa án đệ nhị cấp (ở các tỉnh, thành phố) và Tòa thượng thẩm được tổ chức ở Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ. (Điều 7, Điều 12 và Điều 35 Sắc lệnh số 13).

Ở Tòa án sơ cấp, “Thẩm phán xét xử một mình” làm cả việc Công tố (Điều 10 Sắc lệnh số 13), nhưng ở Tòa án đệ nhị cấp lại có hai loại Thẩm phán là Thẩm phán xử án và Thẩm phán buộc tội. Thẩm phán buộc tội thực hiện vai trò Công tố viên. Ở Tòa thượng thẩm có Công tố viên do Chương lý đứng đầu, ngoài ra còn có Phó Chương lý và Thẩm lý Tòa Thượng thẩm. Công tố viên đặt dưới sự quản lý của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Tư pháp có quyền ra lệnh cho Chương lý nhưng không có quyền trực tiếp làm thay quyền công tố (Điều 51 Sắc lệnh số 13/SL). Đặt ra chức danh thẩm phán buộc tội “độc lập đối với các Thẩm phán xử án” trong cơ cấu của các Tòa án đệ nhị cấp và Tòa thượng thẩm.

Sắc lệnh số 51/SL ngày 17/4/1946, quy định thẩm quyền của cơ quan Công tố về mặt tư pháp hình sự là điều khiển công việc và giám sát công tác điều tra của tư pháp cảnh sát, thực hành quyền công tố buộc tội nhân danh Nhà nước, kiểm soát công việc quản trị lao tù, kháng cáo bản án hình sự đã tuyên.v.v.

Sắc lệnh số 51/SL ngày 17 tháng 4 năm 1946 và sau đó thông tư số 1840-P/4 ngày 10 tháng 06 năm 1946 đều quy định “ông chánh án có quyền điều khiển và kiểm soát tất cả nhân viên trong tòa án, trừ các thẩm phán buộc tội”

Sắc lệnh số 85/SL ngày 22/5/1950, Thông tư số 21/TTg ngày 07/6/1950 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư liên bộ số 18/BKT-TP ngày 08/6/1950 của Bộ Kinh tế và Bộ Tư pháp đánh dấu sự thay đổi lớn tổ chức các cơ quan tư pháp nói chung, các cơ quan Công tố nói riêng. Theo các văn bản này, Tòa án sơ cấp nay gọi là Tòa án nhân dân huyện, Tòa án đệ nhị cấp

gọi là Toà án nhân dân tỉnh, Hội đồng phúc án gọi là Toà phúc thẩm. Điều 15 Sắc lệnh số 85/SL năm 1950 quy định: “Công tố viên có quyền kháng cáo về việc hồ cũng như về việc hình”.

Sau ngày hoà bình lập lại, miền Bắc được giải phóng, Đảng và Nhà nước ta đã chủ trương kiện toàn tổ chức bộ máy Nhà nước từ Trung ương đến các địa phương, trong đó có các cơ quan tư pháp, đặc biệt là các cơ quan Công tố.

Thông tư 141- HCTP ngày 5/12/1957 của Bộ Tư pháp xác lập rõ nhiệm vụ, quyền hạn, vị trí của công tố uỷ viên cùng với chánh án “đều là thủ trưởng cơ quan”. Tuy công tố không có một hệ thống tổ chức độc lập nhưng đội ngũ công tố được hình thành và thực thi nhiệm vụ buộc tội độc lập với thẩm phán xét xử. “Đây là mô hình linh hoạt, gọn nhẹ và hiệu quả, phù hợp với hoàn cảnh cấp bách lúc đó” [66, tr 32].

Về mặt quản lý nhân sự và tổ chức, các công tố viên cũng như các thẩm phán khác do Bộ Tư pháp quản lý nhưng Bộ Tư pháp không can thiệp vào hoạt động của Tòa án, của Thẩm phán và công tố viên theo đúng tinh thần của Hiến pháp năm 1946. Mặc dù về tổ chức được đặt trong Tòa án và về hành chính là do Bộ Tư pháp quản lý nhưng các uỷ viên công tố thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập, dưới sự lãnh đạo của Chương lý.

Tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khoá I (từ ngày 16/4/1958 đến ngày 29/4/1958), Quốc hội quyết định tách Công tố ra khỏi hệ thống Tòa án, thành lập hai hệ thống cơ quan Tòa án và Công tố, cả hai tách khỏi Bộ Tư pháp, trực thuộc Hội đồng Chính phủ. Trên cơ sở Nghị quyết của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Nghị định số 256/TTg ngày 01/7/1959 quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Viện công tố, Nghị định số 321/TTg ngày 02/7/1959 về thành lập các Viện công tố phúc thẩm. Theo quy định của các văn bản pháp luật này hệ thống các cơ quan Công tố được thành

lập từ Trung ương đến cấp huyện, trở thành hệ thống các cơ quan Nhà nước độc lập, không còn trực thuộc Bộ Tư pháp, không còn chịu sự chỉ đạo cụ thể và trực tiếp của Ủy ban hành chính cùng cấp ở địa phương.

Các Viện công tố có các nhiệm vụ, quyền hạn: Trực tiếp điều tra và truy tố trước Tòa án những kẻ phạm pháp về hình sự; giám sát việc chấp hành pháp luật trong công tác điều tra của Cơ quan điều tra; giám sát việc chấp hành pháp luật trong việc xét xử của các Tòa án; giám sát việc chấp hành pháp luật trong việc thi hành các bản án về hình sự, dân sự và trong hoạt động của các cơ quan giam, giữ và cải tạo, khởi tố và tham gia tố tụng trong những vụ án dân sự quan trọng có liên quan đến lợi ích của Nhà nước và của nhân dân [88, tr 87].

Những quy định này xác định tương đối cụ thể và rõ ràng vị trí, vai trò, chức năng, thẩm quyền của Viện công tố trong bộ máy Nhà nước ta. Cùng với các quy định về tổ chức hệ thống Tòa án nhân dân các cấp, hệ thống các cơ quan Công tố được thiết lập từ Trung ương đến cấp tỉnh, cấp huyện là bước phát triển mới của các cơ quan Công tố.

Mô hình tổ chức Viện Công tố ở nước ta tồn tại giai đoạn ngắn nhưng nó là bước quá độ về tổ chức chuẩn bị cho việc chuyển các cơ quan Công tố thành hệ thống Viện kiểm sát nhân dân vào năm 1960 với 2 chức năng công tố và kiểm sát tuân theo pháp luật, tạo thành một hệ thống cơ quan độc lập trong bộ máy nhà nước Việt Nam.

Hiến pháp 1959 ghi nhận sự ra đời của Viện kiểm sát nhân dân trong bộ máy nhà nước ta có nhiệm vụ kiểm sát việc tuân theo pháp luật. Theo đó, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1960 quy định hệ thống Viện kiểm sát nhân dân hoàn toàn độc lập với Chính phủ. Chức năng, thẩm quyền, nguyên tắc tổ chức hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân được mở rộng hơn nhiều so với các cơ quan Công tố trước đó. Về tổ chức, hệ thống Viện kiểm sát nhân dân bao gồm: Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân

dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc đơn vị hành chính tương đương; Viện kiểm sát nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh hoặc đơn vị hành chính tương đương; và hệ thống Viện kiểm sát quân sự các cấp.

Về nguyên tắc tổ chức và hoạt động, Viện kiểm sát nhân dân là một hệ thống độc lập, tập trung thống nhất trong toàn ngành, đứng đầu là Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Nguyên tắc này thể hiện: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao do Quốc hội bầu, chỉ chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội hoặc Ủy ban Thường vụ Quốc hội khi Quốc hội không họp; Viện kiểm sát nhân dân các địa phương do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao bổ nhiệm, chỉ chịu sự lãnh đạo của Viện kiểm sát nhân dân cấp trên và sự lãnh đạo thống nhất của Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Viện kiểm sát nhân dân các địa phương làm nhiệm vụ của mình một cách độc lập, các cơ quan Nhà nước khác không được can thiệp.

Về chức năng, thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân được luật quy định Viện kiểm sát không chỉ kiểm sát trong hoạt động điều tra, truy tố mà còn thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trên các lĩnh vực của các cơ quan thuộc Hội đồng chính phủ, cơ quan Nhà nước địa phương, các nhân viên cơ quan Nhà nước và công dân (trừ Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Nước, Chính phủ).

Hiến pháp năm 1980 và Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1981, cơ bản kế thừa các quy định của Hiến pháp năm 1959 và Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1960 thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các Bộ và cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng, các cơ quan chính quyền địa phương, tổ chức xã hội và đơn vị vũ trang nhân dân, các nhân viên Nhà nước và công dân và đồng thời ghi rõ chức năng thực hành quyền công tố, bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất của Viện kiểm sát nhân dân. Về tổ chức, Viện kiểm sát nhân dân tối cao,

các Viện kiểm sát nhân dân địa phương và Viện kiểm sát quân sự tạo thành một hệ thống, theo đó VKS nhân dân cấp dưới chịu sự lãnh đạo của VKSND cấp trên, các VKSND địa phương và VKSQS chịu sự lãnh đạo thống nhất của Viện trưởng VKSND tối cao. Viện trưởng, các phó Viện trưởng và kiểm sát viên VKSND địa phương và VKSQS các quân khu và khu vực do Viện trưởng VKSND tối cao bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức. Viện trưởng VKSND tối cao chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội, trong thời gian Quốc hội không họp thì chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chủ tịch nước. Nhiệm kỳ của Viện trưởng VKSND tối cao theo nhiệm kỳ của Quốc hội.

Hiến pháp 1992, VKSND địa phương có thêm trách nhiệm báo cáo trước Hội đồng nhân dân về tình hình thi hành pháp luật ở địa phương và trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân. Theo đó Điều 7 của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1992 quy định Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân địa phương chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân cùng cấp; chịu trách nhiệm báo cáo trước Hội đồng nhân dân về tình hình thi hành pháp luật ở địa phương, về công tác của Viện kiểm sát ở địa phương; trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân.

Hiến pháp năm 1992 sửa đổi, bổ sung năm 2001 lần đầu tiên xác định một nguyên tắc quan trọng trong tổ chức quyền lực nhà nước ở nước ta: Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Về tổ chức, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các Viện kiểm sát nhân dân địa phương và Viện kiểm sát quân sự tạo thành một hệ thống, theo đó VKS nhân dân cấp dưới chịu sự lãnh đạo của VKSND cấp trên, các VKSND địa phương và VKSQS chịu sự lãnh đạo thống nhất của Viện trưởng VKSND tối cao. Viện trưởng, các phó Viện trưởng và kiểm sát viên VKSND địa phương

và VKSQS các quân khu và khu vực do Viện trưởng VKSND tối cao bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức. Viện trưởng VKSND tối cao chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội, trong thời gian Quốc hội không họp thì chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chủ tịch nước. Nhiệm kỳ của Viện trưởng VKSND tối cao theo nhiệm kỳ của Quốc hội.

Về chức năng Viện kiểm sát nhân dân có sự thay đổi lớn chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong đó VKSND không thực hiện kiểm sát chung nữa mà tập trung thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, góp phần bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất. Các Viện kiểm sát nhân dân địa phương, các Viện kiểm sát quân sự thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong phạm vi trách nhiệm do luật định. Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002 quy định Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân địa phương chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân cùng cấp; chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân; trả lời chất vấn, kiến nghị, yêu cầu của đại biểu Hội đồng nhân dân.

Cụ thể hóa Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 và Kết Luận số 79-KL/TW ngày 28/7/2010 của Bộ Chính trị, Hiến pháp năm 2013 tiếp tục ghi nhận chế định về Viện kiểm sát nhân dân và khẳng định chức năng của Viện kiểm sát nhân dân *“thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp”* với bản chất pháp lý của thiết chế này là *“bảo vệ Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất”*.

2.2.2. Quy định pháp luật về thực hành quyền công tố trong điều tra vụ án hình sự

BLTTHS năm 2003 quy định về nhiệm vụ quyền hạn thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát tập trung tại Điều 112 BLTTHS năm 2003, quy định 6 nhóm nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự như sau:

Nhóm thứ nhất, khoản 1 Điều 112 BLTTHS quy định nhiệm vụ, quyền hạn Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra vụ án, Viện kiểm sát có quyền tự mình trực tiếp khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can hoặc yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố hoặc thay đổi quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và Viện kiểm sát có ý kiến đồng ý hay không về quyết định khởi tố vụ án của CQĐT hoặc phê chuẩn đối với quyết định khởi tố bị can. Bộ luật quy định như trên một mặt nhằm phù hợp thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra; mặt khác, Viện kiểm sát chủ yếu thực hiện chức năng thực hành quyền công tố. Do đó, Viện kiểm sát chỉ trực tiếp khởi tố vụ án hình sự trong trường hợp Viện kiểm sát huỷ bỏ quyết định không khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan điều tra hoặc trong trường hợp Hội đồng xét xử yêu cầu khởi tố vụ án; hoặc trực tiếp khởi tố bị can trong trường hợp sau kết thúc điều tra mà Viện kiểm sát phát hiện có người thực hiện hành vi phạm tội nhưng chưa bị CQĐT khởi tố.

Nhóm thứ hai, với vai trò là cơ quan được giao nhiệm vụ thực hành quyền công tố có quyền đề ra yêu cầu điều tra ngay từ khi CQĐT có các hoạt động của quá trình điều tra (khoản 2 điều 112 BLTTHS). Để VKS thực hiện tốt quyền hạn đề ra yêu cầu điều tra, Kiểm sát viên phải bám sát việc điều tra vụ án của Cơ quan điều tra để kịp thời đưa ra các yêu cầu điều tra một cách cụ thể, toàn diện. Yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát bao gồm những vấn đề cần điều tra nhằm bảo đảm hoạt động điều tra đúng hướng, đúng tội danh, khách quan, làm rõ sự thật không làm oan, không lọt tội phạm; Yêu cầu điều tra

không chỉ là yêu cầu điều tra viên thực hiện mà buộc Cơ quan điều tra phải chấp hành (điều 114 BLTTHS năm 2003).

Trong một số trường hợp cần thiết, để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình Viện kiểm sát còn có thể trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra như triệu tập và hỏi cung bị can; triệu tập và lấy lời khai người làm chứng; tiến hành đối chất; thực nghiệm điều tra... để củng cố chứng cứ hoặc xem xét trước khi thực hiện quyền quyết định phê chuẩn của Viện kiểm sát.

Nhóm thứ ba, để bảo đảm việc giải quyết vụ án được khách quan, chính xác, bảo đảm sự vô tư của Điều tra viên, đồng thời để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội phạm, khi phát hiện Điều tra viên được phân công giải quyết vụ án hình sự thuộc trường hợp phải thay đổi theo qui định tại Điều 43 và Điều 44 Bộ luật tố tụng hình sự thì Viện kiểm sát phải kịp thời yêu cầu Thủ trưởng Cơ quan điều tra thay đổi Điều tra viên. Trong trường hợp xét thấy hành vi của Điều tra viên có dấu hiệu tội phạm thì yêu cầu Cơ quan điều tra có thẩm quyền xem xét đề khởi tố về hình sự. Khoản 3 Điều 112 BLTTHS năm 2003 quy định Viện kiểm sát yêu cầu Thủ trưởng Cơ quan điều tra thay đổi Điều tra viên nhằm hướng đến mục tiêu bảo đảm việc điều tra được vô tư, khách quan.

Nhóm thứ tư, khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, Viện kiểm sát có quyền quyết định áp dụng, thay đổi hoặc huỷ bỏ các biện pháp ngăn chặn như bắt, tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm. Đối với những biện pháp tố tụng, hành vi tố tụng mà Bộ luật tố tụng hình sự qui định phải có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát như: Phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp; phê chuẩn quyết định tạm giữ; phê chuẩn quyết định khởi tố bị can; phê chuẩn lệnh bắt bị can để tạm giam; phê chuẩn lệnh tạm giam... thì Viện kiểm sát có trách nhiệm xem xét,

quyết định việc phê chuẩn hoặc không phê chuẩn. Mọi trường hợp từ chối phê chuẩn của Viện kiểm sát đều phải nêu rõ lý do của việc không phê chuẩn.

Nhóm thứ năm, để thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, bảo đảm việc điều tra khách quan, toàn diện, đúng pháp luật khi phát hiện các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra không có căn cứ và trái pháp luật thì Viện kiểm sát có quyền ra quyết định huỷ bỏ các quyết định đó như: Quyết định tạm giữ; quyết định khởi tố bị can; quyết định khởi tố vụ án hình sự; quyết định về việc bảo lãnh; quyết định đình chỉ điều tra vụ án của Cơ quan điều tra... thì Viện kiểm sát ra quyết định huỷ bỏ các quyết định đó theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng hình sự; trong trường hợp bị can trốn hoặc không biết bị can đang ở đâu mà Cơ quan điều tra không ra quyết định truy nã thì Viện kiểm sát phải kịp thời yêu cầu Cơ quan điều tra ra quyết định truy nã bị can theo qui định tại Điều 161 Bộ luật tố tụng hình sự.

Nhóm thứ sáu, Sau khi việc điều tra kết thúc, Cơ quan điều tra ra bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc quyết định đình chỉ điều tra và nhiệm vụ, quyền hạn quan trọng của Viện kiểm sát trong giai đoạn này mà không cơ quan nào khác có thể thay thế được là quyết định việc có truy tố bị can ra trước Toà án để xét xử hay không. Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, nếu xét thấy có đủ căn cứ để truy tố bị can thì Viện kiểm sát thực hiện việc truy tố bị can ra trước Toà án bằng bản cáo trạng. Trong những trường hợp qui định tại Điều 168 Bộ luật tố tụng hình sự thì Viện kiểm sát ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Trong những trường hợp qui định tại Điều 169 Bộ luật tố tụng hình sự thì Viện kiểm sát ra quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án.

Ngoài ra để bảo đảm quyền hạn của Viện kiểm sát được thực hiện, Điều 114 BLTTHS năm 2003 còn xác định trách nhiệm của Cơ quan điều tra trong việc thực hiện các yêu cầu và quyết định của Viện kiểm sát trong quá trình điều tra vụ án. Nói chung các yêu cầu và quyết định của Viện kiểm sát

giai đoạn điều tra buộc Cơ quan điều tra có trách nhiệm thi hành. Tuy nhiên, đối với những yêu cầu và quyết định quy định tại các điểm 4, 5 và 6 Điều 112 của BLTTHS năm 2003 (quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn; hủy bỏ các quyết định khác của Cơ quan điều tra; quyết định việc truy tố bị can; quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án...) nếu không nhất trí, Cơ quan điều tra vẫn phải chấp hành, nhưng có quyền kiến nghị với Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp.

LTCVKSND năm 2014 bỏ khuyết LTCVKSND năm 2002 và triển khai thực hiện Điều 107 Hiến pháp 2013, quy định: *Thực hành quyền công tố là hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự để thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội, được thực hiện ngay từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự.*

Chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát được cụ thể hóa tại Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 thành các nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố quy định (tại Điều 12); nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự (tại Điều 14).

Đi vào cụ thể từng nhiệm vụ, quyền hạn thuộc chức năng *thực hành quyền công tố* của Viện kiểm sát nhân dân trong hoạt động điều tra các vụ án hình sự có những nội dung chính như sau:

Lần đầu tiên quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND khi thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Thực hành quyền công tố trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố Viện kiểm sát có nhiệm vụ, quyền hạn như: Phê chuẩn, không phê chuẩn việc bắt người trong trường hợp

khẩn cấp, gia hạn tạm giữ và các biện pháp khác hạn chế quyền con người, quyền công dân trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố (khoản 1 Điều 12); Hủy bỏ quyết định tạm giữ, các quyết định tố tụng khác trái pháp luật của cơ quan có thẩm quyền trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố (khoản 2 Điều 12); Khi cần thiết đề ra yêu cầu kiểm tra, xác minh và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố thực hiện (khoản 3 Điều 12); Trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố trong trường hợp phát hiện có vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm mà Viện kiểm sát nhân dân đã yêu cầu nhưng không được khắc phục (khoản 4 Điều 12); Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác để thực hành quyền công tố theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nhằm chống bỏ lọt tội phạm, chống làm oan người vô tội (khoản 5 Điều 12).

Như vậy, thể chế hóa chủ trương của Nghị quyết 49-NQ/TW “*tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với điều tra*”, LTCVKSND giao VKS thực hành quyền công tố sớm hơn ngay từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình điều tra vụ án hình sự. VKSND có vai trò, trách nhiệm là cơ quan quyết định, phê chuẩn việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp hạn chế quyền con người, quyền công dân; có quyền trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, tiến hành một số hoạt động điều tra để làm rõ căn cứ quyết định việc buộc tội đối với người phạm tội.

Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự Điều 14 LTCVKSND có nhiệm vụ, quyền hạn như: Yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố hoặc thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can; Hủy bỏ các quyết định khởi tố, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án,

quyết định không khởi tố vụ án trái pháp luật; phê chuẩn, hoặc hủy bỏ quyết định khởi tố, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can trái pháp luật; Khởi tố, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can trong những trường hợp do Bộ luật tố tụng hình sự quy định; Phê chuẩn, không phê chuẩn việc bắt người trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ, việc tạm giam và các biện pháp khác hạn chế quyền con người, quyền công dân; Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam, các biện pháp ngăn chặn và các biện pháp khác hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của luật; Phê chuẩn, không phê chuẩn, hủy bỏ các quyết định tố tụng khác của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; Đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện việc điều tra để làm rõ tội phạm, người phạm tội; yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị can; Trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra trong trường hợp để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi xét phê chuẩn các lệnh, quyết định của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc trong trường hợp phát hiện có dấu hiệu oan, sai, bỏ lọt tội phạm, vi phạm pháp luật mà Viện kiểm sát nhân dân đã yêu cầu nhưng không được khắc phục; Khởi tố hoặc yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố vụ án hình sự khi phát hiện hành vi của người có thẩm quyền trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong việc khởi tố, điều tra có dấu hiệu tội phạm; Quyết định việc gia hạn thời hạn điều tra, thời hạn tạm giam, chuyển vụ án, áp dụng thủ tục rút gọn, áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh; Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong việc thực hành quyền công tố theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trách nhiệm làm rõ vụ án quyết định khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can hay không là nhiệm vụ quyền hạn đồng thời

là trách nhiệm của Cơ quan điều tra. Viện kiểm sát phải bảo đảm việc khởi tố hình sự, khởi tố bị can, việc bắt, giam, giữ người phạm tội có căn cứ, đúng pháp luật. Nếu thấy quyết định khởi tố vụ án hoặc quyết định không khởi tố vụ án của Cơ quan điều tra không có căn cứ và trái pháp luật thì VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định của Cơ quan điều tra. Nếu thấy quyết định khởi tố bị can có căn cứ thì phê chuẩn, không có căn cứ và trái pháp luật thì huỷ bỏ quyết định khởi tố bị can đó. Viện kiểm sát chỉ trực tiếp quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can theo BLTTHS quy định, khi đã yêu cầu mà Cơ quan điều tra không thực hiện.

Vấn đề quan tâm là các trường hợp cần phải áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ các biện pháp trực tiếp ảnh hưởng đến quyền con người, quyền công dân; khi Cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp đó mà đáp ứng đầy đủ căn cứ, đúng thẩm quyền, đúng trình tự, chặt chẽ về thủ tục và thời gian theo khuôn khổ pháp luật quy định thì Viện kiểm sát có trách nhiệm phê chuẩn.

Khi cần thiết, Viện kiểm sát đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện (khoản 7 điều 14). Bản yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát có ý nghĩa định hướng những vấn đề cần điều tra cho hoạt động điều tra đúng hướng, đúng tội danh, không làm oan, không lọt tội phạm. Mặt khác, tạo cơ sở vững chắc về chứng cứ để Viện kiểm sát xét phê chuẩn, ra các quyết định tố tụng thuộc thẩm quyền, bảo đảm có căn cứ và hợp pháp. Cơ quan điều tra có trách nhiệm thực hiện đầy đủ và nhanh chóng yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát nhằm bảo đảm việc điều tra được khách quan, đầy đủ những vấn đề cần chứng minh, làm rõ tội phạm, người phạm tội. Trường hợp vì lý do khách quan Cơ quan điều tra không thực hiện những yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát thì nêu rõ lý do trong bản kết luận điều tra, nhằm hạn chế việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung dẫn đến việc giải quyết vụ án bị kéo dài.

2.2.3. Quy định pháp luật về kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự

Điều 113 BLTTHS năm 2003 quy định nhiệm vụ quyền hạn kiểm sát hoạt động điều tra của Viện kiểm sát gồm 5 nhóm nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

Nhóm thứ nhất, kiểm sát việc khởi tố, kiểm sát các hoạt động điều tra và việc lập hồ sơ vụ án của Cơ quan điều tra. Về khởi tố vụ án hình sự, để bảo đảm việc khởi tố vụ án hình sự kịp thời, khách quan, chính xác và đúng pháp luật, Viện kiểm sát có trách nhiệm kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong khởi tố vụ án hình sự, bảo đảm mọi tội phạm được phát hiện đều bị khởi tố, việc khởi tố vụ án có căn cứ và hợp pháp. Bên cạnh hoạt động kiểm sát việc khởi tố, Viện kiểm sát còn có trách nhiệm kiểm sát cả việc không khởi tố vụ án hình sự. Đây là hoạt động có vai trò quan trọng trong việc chống bỏ lọt tội phạm. Các căn cứ và thủ tục tố tụng hình sự đòi hỏi quyết định không khởi tố vụ án hình sự cũng phải được xác định bằng một quyết định tố tụng và phải gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp để kiểm sát tính hợp pháp của quyết định đó. Về kiểm sát các hoạt động điều tra và việc lập hồ sơ vụ án của Cơ quan điều tra, nhiệm vụ cụ thể của Viện kiểm sát được thể hiện ở nhiều quy định khác nhau. Ví dụ, kiểm sát việc khởi tố bị can thế nào được quy định tại các điều 36, 37 và các điều 126, 127 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

Nhóm thứ hai, khi kiểm sát hoạt động điều tra, Viện kiểm sát còn có quyền hạn và đồng thời là trách nhiệm kiểm sát việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng. Tuy nhiên, kiểm sát như thế nào? quyền hạn, trách nhiệm đến đâu? hiện vẫn chưa có những quy định rõ ràng để Viện kiểm sát tiến hành các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng thích hợp cho mục tiêu kiểm sát việc tuân theo pháp luật đối với người tham gia tố tụng; yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý nghiêm minh người tham gia tố tụng có vi phạm pháp luật.

Nhóm thứ ba, một trong những nhiệm vụ quan trọng của Viện kiểm sát gắn với hoạt động kiểm sát hoạt động điều tra là giải quyết các tranh chấp về thẩm quyền điều tra. Mặc dù Bộ luật tố tụng hình sự, bằng các quy định cụ thể của mình, đã giải quyết khá toàn diện và cụ thể những vấn đề liên quan đến việc phân định thẩm quyền điều tra, song trong thực tế, những tranh chấp về thẩm quyền điều tra vẫn thường xảy ra. Bởi vậy, Viện kiểm sát, với tư cách là Cơ quan kiểm sát hoạt động điều tra, đồng thời giữ vai trò trung gian xử lý, ra quyết định cuối cùng giải quyết các tranh chấp về thẩm quyền điều tra được quy định trong từng điều luật cụ thể.

Nhóm thứ tư, Yêu cầu Cơ quan điều tra khắc phục các vi phạm pháp luật trong hoạt động điều tra; yêu cầu Cơ quan điều tra cung cấp tài liệu cần thiết về vi phạm pháp luật của Điều tra viên; yêu cầu Thủ trưởng Cơ quan điều tra xử lý nghiêm minh Điều tra viên đã vi phạm pháp luật trong khi tiến hành điều tra.

Nhóm thứ năm, Cùng với việc tác động đến Cơ quan điều tra và Điều tra viên thông qua việc kiểm sát hoạt động điều tra, Viện kiểm sát còn có trách nhiệm kiến nghị với các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật.

Triển khai thực hiện Điều 107 Hiến pháp 2013, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 quy định: *Kiểm sát hoạt động tư pháp là hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân để kiểm sát tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động tư pháp, được thực hiện ngay từ khi tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình giải quyết vụ án hình sự; trong việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động; việc thi hành án, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp; các hoạt động tư pháp khác theo quy định của pháp luật.*

Chức năng kiểm sát hoạt động điều tra vụ án hình sự được cụ thể hóa tại Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 thành các nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố quy định (tại Điều 13); nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân khi Kiểm sát giai đoạn điều tra vụ án hình sự (tại Điều 15). Đi vào nhiệm vụ, quyền hạn thuộc chức năng kiểm sát của Viện kiểm sát nhân dân trong hoạt động điều tra các vụ án hình sự cho thấy những quy định như sau:

Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm để bảo đảm quá trình giải quyết của CQĐT được khách quan, đúng quy định của pháp luật (Điều 13 LTCVKSND). Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tiếp nhận, phân loại, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm bảo đảm tất cả các tố giác, tin báo về tội phạm phải được vào sổ sách thụ lý; Đây là công tác quan trọng đầu tiên giúp cho công tác thụ lý, giải quyết được chính xác, kịp thời và đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu của công tác này đòi hỏi KSV phải nắm chắc các yếu tố cơ bản cấu thành tội phạm cụ thể trong BLHS, sau đó đối chiếu hồ sơ, tài liệu giải quyết, kết quả giải quyết của Cơ quan CSĐT có bảo đảm tính có căn cứ, đúng về trình tự, thủ tục, thời gian tố tụng theo pháp luật quy định hay không.

Kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự nhằm kiểm sát tính có căn cứ, tính hợp pháp của quyết định khởi tố vụ án hình sự hay quyết định không khởi tố vụ án hình sự của CQĐT (Điều 15 LTCVKSND). Khi xác định có dấu hiệu một tội phạm cụ thể theo BLHS, bắt buộc Cơ quan CSĐT phải có nghĩa vụ ra quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội phạm cụ thể để tiến hành các hoạt động điều tra nhằm làm rõ hành vi phạm tội, người phạm tội, nếu không có căn cứ là tội phạm thì Cơ quan điều tra quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Kiểm sát tính có căn cứ để khởi tố vụ án được biểu hiện thông qua hoạt

động điều tra xác minh của CQĐT xác định có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội, tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Trong thực tế hoạt động kiểm sát điều tra thấy rằng không có nhiều vụ án từ đầu đã nhận biết ngay có dấu hiệu tội phạm cụ thể để khởi tố vụ án hình sự, mà phải qua công tác kiểm tra, xác minh những nguồn tin để có căn cứ khách quan rằng sự kiện đó thật sự là tội phạm (quy định trong BLHS). Tính hợp pháp của quyết định khởi tố vụ án thể hiện tài liệu, hồ sơ, vật chứng được thu thập đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền để xác định tội cụ thể nào đó phù hợp điều, khoản cụ thể của BLHS.

Kiểm sát việc khởi tố bị can là một quyền hạn của VKSND nhằm bảo đảm cho quyết định khởi tố bị can có căn cứ, hợp pháp, đúng người và đúng tội. VKSND kiểm sát tính có căn cứ của quyết định khởi tố bị can bằng cách xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ có mang tính khách quan, toàn diện và đầy đủ hay không. Tức là phải xác định các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ để chứng minh người bị khởi tố chính là người thực hiện hành vi phạm tội. Đồng thời, cần kiểm tra các yếu tố về năng lực trách nhiệm hình sự và các tình tiết khác loại trừ khả năng phải chịu trách nhiệm hình sự như người đó đủ tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự nói chung hoặc về tội cụ thể đó hay không. Kiểm tra tính hợp pháp trong việc ra quyết định khởi tố bị can tức xem có đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền tiến hành lập hồ sơ, tiến hành các hoạt động điều tra như khám nghiệm hiện trường, bắt, khám xét, lấy lời khai,...dẫn đến quyết định khởi tố bị can. Thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm cho thấy, việc xác định rõ tội phạm và người phạm tội ngay từ đầu là một vấn đề hết sức khó khăn, phức tạp, ngoại trừ một số trường hợp phạm tội quả tang, hoặc người phạm tội tự thú. Chính vì vậy, để kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc khởi tố có hiệu quả, VKSND phải thường

xuyên bám sát, theo dõi ngay từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kết hợp kiểm sát chặt chẽ việc thu thập chứng cứ có trong hồ sơ mới có thể thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát theo BLTTHS quy định.

Kiểm sát chặt chẽ việc lập hồ sơ vụ án của ĐTV, bảo đảm từng trang tài liệu trong hồ sơ điều tra phải được đóng dấu bút lục và kèm theo bảng kê đầy đủ tên tài liệu, số trang từng tài liệu lưu trong hồ sơ vụ án. Nếu hồ sơ gửi VKSND xét phê chuẩn, thì sau khi kết thúc việc phê chuẩn, các quyết định, tài liệu của VKS phải đóng dấu bút lục và chuyển cho Cơ quan CSĐT đưa vào hồ sơ vụ án. Trong quá trình khởi tố, điều tra, tài liệu của Cơ quan CSĐT hoặc của VKSND thu thập đều phải được đưa vào hồ sơ vụ án theo đúng trình tự tố tụng hình sự. Kiểm sát việc tuân theo các thủ tục tố tụng, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, KSV phải chú ý kiểm sát nội dung hành vi bị khởi tố và điều luật áp dụng trong các quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can, đảm bảo các tài liệu này phải được thiết lập theo đúng trình tự, thủ tục và chặt chẽ về nội dung. Việc lấy lời khai và các hoạt động thu thập chứng cứ, thiết lập hồ sơ vụ án phải do ĐTV, cán bộ điều tra thực hiện. KSV phải kiểm sát việc tổng đạt, giao nhận, thông báo các quyết định tố tụng tới các đối tượng có liên quan và những người tham gia tố tụng khác nhằm đảm bảo các quyền lợi và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, như: Tổng đạt các quyết định khởi tố bị can; quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can, kết luận điều tra vụ án... Các hoạt động này phải được lập thành văn bản thể hiện trong hồ sơ vụ án. Sau khi kết thúc điều tra, các tài liệu trong hồ sơ vụ án phải đánh số thứ tự một lần và lập bảng thống kê đầy đủ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án từ 01 cho đến hết.

Đối với trường hợp kết thúc điều tra, đề nghị truy tố, KSV phải nghiên cứu, kiểm tra các thủ tục pháp lý, bao gồm các quyết định tố tụng như: Quyết định phân công ĐTV, quyết định khởi tố vụ án...; các hành vi tố tụng trong

hoạt động điều tra của ĐTV; nội dung các tài liệu, chứng cứ được thu thập có toàn diện, đầy đủ, đảm bảo tính hợp pháp, tính có căn cứ không. Sau khi nghiên cứu toàn bộ nội dung vụ án, KSV phải tổng hợp toàn bộ chứng cứ, xem xét đánh giá một cách toàn diện và khách quan trên cơ sở hệ thống các chứng cứ, xác định buộc tội gồm các lời khai, vật chứng... sự phù hợp giữa các chứng cứ đó; hệ thống các chứng cứ gỡ tội gồm các lời khai, vật chứng, có hay không sự mâu thuẫn hoặc không phù hợp giữa các tài liệu điều tra. Nếu phát hiện mâu thuẫn hay còn thiếu chứng cứ, vi phạm thủ tục tố tụng hoặc còn bỏ lọt tội phạm, người phạm tội thì phải bổ sung, khắc phục ngay trong giai đoạn điều tra. Đối với trường hợp kết luận điều tra và đình chỉ vụ án, KSV phải nghiên cứu, kiểm tra các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xác định có một trong các căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 105 và Điều 107 BLTTHS năm 2003 hoặc các Điều 19, 25 và khoản 2 Điều 69 BLHS năm 2009. Thẩm quyền của cơ quan, cá nhân ra quyết định đình chỉ điều tra, hình thức, nội dung của quyết định đó có đúng quy định của pháp luật hay không. Nếu quyết định đình chỉ vụ án của Cơ quan CSĐT có căn cứ, đúng pháp luật thì VKSND trả lại hồ sơ cho Cơ quan CSĐT để quyết định theo thẩm quyền.

2.2.4. Đánh giá quy định pháp luật về thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự

-BLTTHS năm 2003 đã giữ vai trò quan trọng trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ cuộc sống bình yên của nhân dân. BLTTHS đã tạo cơ sở pháp lý cho Viện kiểm sát tiến hành thực hiện chức năng thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động điều tra, qua đó làm hạn chế oan, sai và bỏ lọt tội phạm, bảo đảm tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng, đặc biệt là người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bảo đảm tính minh bạch, khách quan trong tố tụng hình sự.

-Tuy nhiên, qua thực tiễn cho thấy, các quy định BLTTHS còn bộc lộ nhiều hạn chế, nội dung quy định chưa bao quát đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan tiến hành tố tụng. Điều 103, Điều 112, Điều 113, Điều 114 BLTTHS năm 2003 trực tiếp quy định chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhưng chưa phân trách nhiệm, thẩm quyền rõ ràng; Viện kiểm sát có trách nhiệm phê chuẩn lệnh, quyết định của Cơ quan điều tra nhưng thiếu các cơ chế pháp lý để Viện kiểm sát thực hiện tốt trách nhiệm, quyền hạn của mình; kiểm sát viên là người trực tiếp thực hành quyền công tố, kiểm sát giải quyết vụ án nhưng chỉ được giao những thẩm quyền rất hạn chế... những vướng mắc, bất cập BLTTHS năm 2003 đã ảnh hưởng hạn chế đến hoạt động điều tra cũng như chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong giải quyết các vụ án hình sự.

**Trong giai đoạn khởi tố*

-Điều 103 BLTTHS năm 2003 quy định trách nhiệm của Viện kiểm sát trong kiểm sát việc giải quyết đối với tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố của Cơ quan điều tra và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nhưng chỉ quy định một cách chung nhất về nhiệm vụ của CQĐT và các cơ quan khác được giao một số hoạt động điều tra; chưa coi tố giác, tin báo về tội phạm kiến nghị khởi tố là công đoạn quan trọng trong BLTTHS, có ý nghĩa khuyến khích người dân tham gia đấu tranh chống tội phạm; là nguồn chủ yếu để các cơ quan tiến hành tố tụng phát hiện kịp thời hành vi phạm tội, xác định có hay không có dấu hiệu tội phạm xảy ra để xem xét, quyết định việc khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự. Do chưa quy định nhiệm vụ, quyền hạn rõ ràng để Viện kiểm sát nắm đầy đủ số tin báo về tội phạm mà Cơ quan điều tra đã tiếp nhận, thụ lý giải quyết nên không ít vụ việc có dấu hiệu tội phạm hình sự nhưng chưa được phát hiện kịp thời để khởi tố, điều tra theo quy định của pháp luật; hoặc có vụ dẫn đến oan

sai thường xảy ra trong trường hợp trước khi khởi tố do việc thu thập chứng cứ ban đầu tại hiện trường, xác minh, ghi lời khai có khi mang tính chất chủ quan; với quy định của pháp luật hiện hành, Viện kiểm sát khó bảo đảm được tính đúng đắn, khách quan của những hoạt động trước khởi tố.

-Trên tinh thần bổ khuyết những điểm còn thiếu, Bộ luật tố tụng hình sự 2015 đã được bổ sung cụ thể nhiều điều luật về tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố; Viện kiểm sát thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ngay từ khi có thông tin tội phạm xảy ra. Do vậy, nhằm khắc phục những bất cập trong quy định của BLTTHS hiện hành và để phù hợp với quy định tại Luật tổ chức VKSND năm 2014 về nhiệm vụ, quyền hạn VKS thực hành quyền công tố trong điều tra vụ án hình sự, BLTTHS năm 2015 xác lập chương IX về khởi tố vụ án hình sự gồm 20 điều ghi nhận đầy đủ quá trình phát hiện, xử lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, trong đó quy định tăng cường trách nhiệm của Viện kiểm sát đối với nhiệm vụ chống bỏ lọt tội phạm, chống làm oan người vô tội. BLTTHS năm 2015 quy định cụ thể trách nhiệm, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Đặc biệt bổ sung 03 điều luật quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố và kiểm sát việc khởi tố; quy định trách nhiệm của Viện kiểm sát phải giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố trong trường hợp phát hiện Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong hoạt động kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố hoặc có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm mà Viện kiểm sát đã yêu cầu nhưng không được CQĐT khắc phục.

-Quy định cụ thể giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố trong Bộ luật tố tụng hình sự sẽ tạo khả năng 2 cơ quan gắn kết với nhau từ ban đầu trong đấu tranh với các hành vi phạm tội; tăng cường quyền

hạn của Viện kiểm sát trong tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo tội phạm, quyết định khởi tố vụ án hình sự, tạo cơ sở cho việc tăng cường trách nhiệm của Viện kiểm sát sớm hơn, sâu sát hơn theo yêu cầu cải cách tư pháp.

**Trong giai đoạn điều tra*

-Điều 112 BLTTHS năm 2003 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của VKS thực hiện chức năng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, song lại đề cập cả những nhiệm vụ, quyền hạn của VKS ở giai đoạn truy tố như: “quyết định việc truy tố bị can, quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án (khoản 6). Quy định chồng chéo như vậy là một hạn chế quan trọng của BLTTHS năm 2003 đối với thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát. Để khắc phục vướng mắc này; BLTTHS năm 2015 tách phần truy tố thành một giai đoạn độc lập và quy định các nội dung liên quan thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn trong giai đoạn truy tố, bảo đảm phân định rành mạch giai đoạn điều tra với giai đoạn truy tố.

-Do chưa phân biệt rạch ròi giữa hoạt động thực hành quyền công tố với kiểm sát tuân theo pháp luật trong giai đoạn điều tra nên khoản 3 Điều 112 BLTTHS năm 2003 quy định “Yêu cầu Thủ trưởng Cơ quan điều tra thay đổi Điều tra viên”; thực ra việc thay đổi Điều tra viên không thuộc phạm vi đối tượng của thực hành quyền công tố. BLTTHS năm 2015 đã bổ sung vào khoản 7 Điều 166 BLTTHS năm 2015.

-Những quy định về nhiệm vụ, quyền hạn Viện kiểm sát nhằm thực hiện chức năng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra nhưng không quy định tại Điều 112 BLTTHS năm 2003 lại nằm rải rác trong những điều luật cụ thể khác như: quyết định chuyển vụ án để điều tra theo thẩm quyền (Điều 116), gia hạn điều tra (Điều 119), gia hạn tạm giam bị can (Điều 120). Việc quy định như vậy đã gây khó khăn trong quá trình áp dụng pháp luật. Các vấn đề này đã được BLTTHS năm 2015 quy định bổ sung vào nhiệm vụ,

quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự tại khoản 9 Điều 165 BLTTHS 2015.

-BLTTHS năm 2003 không quy định trách nhiệm lập hồ sơ vụ án của từng cơ quan tiến hành tố tụng trong các giai đoạn tố tụng, điều đó gây khó cho hoạt động kiểm sát việc lập hồ sơ trong quá trình giải quyết vụ án. Điều 131 BLTTHS năm 2015 bổ sung trách nhiệm lập hồ sơ của từng cơ quan tiến hành tố tụng trong các giai đoạn cụ thể, Cơ quan điều tra phải lập hồ sơ vụ án trong giai đoạn khởi tố, điều tra.

-BLTTHS hiện hành quy định tạm giam được áp dụng đối với bị can để bảo đảm hoạt động điều tra. Thời hạn tạm giam để điều tra đối với tội ít nghiêm trọng không quá 2 tháng, tội nghiêm trọng không quá 3 tháng và tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng không quá 4 tháng. Tuy nhiên, Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT-VKSTC-BCA-BQP ngày 07/9/2005 thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành lại mở ra khả năng áp dụng thời hạn tạm giam, gia hạn tạm giam nhiều lần (trường hợp quá trình điều tra có phát hiện thêm tội mới, hồ sơ vụ án được trả đi, trả lại giữa các cơ quan tiến hành tố tụng), cứ thế biện pháp tạm giam được áp dụng và việc tạm giam kéo dài. Việc áp dụng biện pháp tạm giam, gia hạn tạm giam phổ biến như trên luôn là nguy cơ gây oan sai, hạn chế quyền con người, quyền công dân.

-Nhằm khắc phục những hạn chế của Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành, chương VII Bộ luật tố tụng hình sự 2015, quy định chặt chẽ và cụ thể hơn biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế, ngoài các biện pháp ngăn chặn được quy định một mục còn lại thu hút các biện pháp có tính cưỡng tập trung thành một mục cùng chương VII. Để tránh lạm dụng trong biện pháp bắt thay vì quy định bắt người trong trường hợp khẩn cấp nay sửa đổi “giữ người” và quy định cụ thể hơn về trường hợp bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn

cấp. BLTTHS năm 2015 thể chế hóa chủ trương của Đảng về hạn chế việc áp dụng biện pháp tạm giam, bảo vệ tốt hơn quyền con người, quyền công dân, phù hợp với yêu cầu xây dựng nền tư pháp văn minh tiến bộ; trong giai đoạn điều tra Bộ luật quy định rút ngắn các thời hạn tạm giam, gia hạn tạm giam so với BLTTHS hiện hành. Đồng thời, để đáp ứng yêu cầu đấu tranh với các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, BLTTHS 2015 cho phép gia hạn tạm giam đến khi kết thúc điều tra nhưng để bảo đảm chặt chẽ, tránh lạm dụng, thẩm quyền gia hạn tạm giam trong trường hợp này chỉ thuộc Viện trưởng VKSNDTC. Việc rút ngắn thời hạn tạm giam sẽ buộc các cơ quan tố tụng phải cân nhắc kỹ thời điểm bắt giam, phải tổ chức lực lượng để khẩn trương kết thúc vụ án, không kéo dài tình trạng pháp lý căng thẳng của bị can. Đây cũng là tiêu chí của một nền tư pháp tiến bộ, văn minh.

-Bộ luật về cơ bản đã kế thừa quy định của BLTTHS hiện hành về trách nhiệm của cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong việc thực hiện các yêu cầu, quyết định của Viện kiểm sát. BLTTHS năm 2015 quy định này là phù hợp với vai trò, trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự theo tinh thần Hiến pháp và quy định của Luật tổ chức VKSND năm 2014. VKSND có trách nhiệm phê chuẩn quyết định việc áp dụng các biện pháp hạn chế quyền con người, quyền công dân; đồng thời, phải chịu trách nhiệm về những oan, sai do quyết định của mình gây ra. Do vậy, về nguyên tắc, mọi yêu cầu, quyết định của Viện kiểm sát phải được Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện đầy đủ (Điều 167 BLTTHS năm 2015).

-BLTTHS năm 2003 quy định kiểm sát viên là người trực tiếp thực hiện hoạt động nghiệp vụ giải quyết vụ án nhưng chỉ được giao một số ít các thẩm quyền tố tụng và chủ yếu là những thẩm quyền có tính chất thi hành

lệnh, quyết định của Viện trưởng nên hạn chế trách nhiệm kiểm sát viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. BLTTHS năm 2015 đã khắc phục hạn chế đó và quy định phân cấp mạnh cho kiểm sát viên các quyền tố tụng; riêng quyền đóng mở các giai đoạn tố tụng, các quyết định tố tụng mà ảnh hưởng đến quyền con người cần kiểm soát chặt chẽ nên chỉ trao quyền này cho Viện trưởng Viện kiểm sát.

Kết luận chương 2

Từ nghiên cứu nội dung chương 2 của luận án có thể rút ra một số điểm chính sau đây:

VKSND là cơ quan nhà nước duy nhất được Hiến pháp giao trách nhiệm thực hành quyền công tố. Các hoạt động điều tra giải quyết vụ án hình sự, thực hành quyền công tố bao gồm những công việc được tiến hành không chỉ do hoạt động của Cơ quan điều tra mà có cả hoạt động của Viện kiểm sát.

CQĐT với thẩm quyền điều tra trực tiếp tiến hành các hoạt động điều tra và ra các quyết định quan trọng về khởi tố vụ án, khởi tố bị can; quyết định áp dụng, thay đổi các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam... VKS về cơ bản không trực tiếp ra các quyết định mà đề ra yêu cầu điều tra, phê chuẩn, không phê chuẩn, thay đổi, huỷ bỏ, bổ sung các quyết định của CQĐT khi quyết định đó không có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Chính quy định của BLTTHS "*nếu không nhất trí, Cơ quan điều tra vẫn phải chấp hành*" mang tính bắt buộc Cơ quan điều tra thực hiện. Điều đó, làm cho vai trò của Viện kiểm sát có tính quyết định đối với hoạt động của Cơ quan điều tra; đồng thời, quyền công tố nhà nước được thể hiện một cách sâu sắc và tác động mạnh mẽ hoạt động điều tra buộc tội đối với người phạm tội.

Kiểm sát hoạt động điều tra vụ án hình sự là một loại hoạt động thuộc phạm vi chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp. Mục tiêu kiểm sát là bảo đảm cho hoạt động điều tra, thu thập tài liệu, chứng cứ vụ án hình sự được khách quan, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội; bảo đảm mọi vi phạm pháp luật trong quá trình tiến hành điều tra đều được phát hiện, có biện pháp khắc phục và xử lý nghiêm minh.

Thực tiễn hoạt động Viện kiểm sát nhân dân cùng lúc đảm nhiệm hai chức năng đã và đang là mô hình phù hợp ở nước ta, chức năng kiểm sát thực sự đã tạo thêm một cơ chế kiểm soát mạnh mẽ hạn chế oan sai hay bỏ lọt tội phạm, mặt khác, bảo đảm thực thi quyền của những người tham gia tố tụng nhất là quyền của người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo không bị vi phạm.

Thực hiện chủ trương “tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra” trong điều kiện Viện kiểm sát thực hiện hai chức năng thì chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân phải được tổ chức và hoạt động có tính quyết định trong việc buộc tội; điều đó đòi hỏi các hoạt động điều tra hình sự đều phải chịu sự giám sát của Viện kiểm sát ngay khi có tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và suốt quá trình điều tra giải quyết vụ án. Đây thật sự là cơ chế hữu hiệu cho việc bảo vệ chế độ và trật tự pháp luật, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, bảo vệ quyền con người, các quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, người bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

CHƯƠNG 3

THỰC TIỄN THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ VÀ KIỂM SÁT HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ TẠI TỈNH BẠC LIÊU

3.1. Thực tiễn tổ chức bộ máy thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự tại Tỉnh Bạc Liêu

Hiến pháp năm 2013 tiếp tục kế thừa quy định Viện kiểm sát nhân dân thực hiện hai chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp; triển khai Hiến pháp, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 quy định hệ thống cơ quan Viện kiểm sát nhân dân bao gồm Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện và Viện kiểm sát quân sự các cấp.

Cơ cấu tổ chức của Viện kiểm sát nhân dân tối cao gồm có: Ủy ban kiểm sát; Văn phòng; Cơ quan điều tra; Các cục, vụ, viện và tương đương; Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, các cơ quan báo chí và các đơn vị sự nghiệp công lập khác; Viện kiểm sát quân sự trung ương. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao (cấp mới) gồm có: Ủy ban kiểm sát; Văn phòng; Các viện và tương đương. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh gồm có: Ủy ban kiểm sát; Văn phòng; Các phòng và tương đương. Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện gồm có văn phòng và các phòng; những nơi chưa đủ điều kiện thành lập phòng thì có các bộ phận công tác và bộ máy giúp việc.

Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn kiểm sát hoạt động tư pháp riêng, thực hành quyền công tố riêng nhưng về tổ chức của các cấp Viện kiểm sát lại được lồng ghép liên thông. Vì thế, trên thực tế, ở VKSND Tối cao có các Vụ nghiệp vụ đảm nhiệm chức năng hoạt động giải quyết án hình sự như sau: Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án an ninh; Vụ Thực hành quyền công tố

và kiểm sát điều tra án trật tự xã hội; Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án kinh tế; Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án ma túy; Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án tham nhũng, chức vụ; Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án xâm phạm hoạt động tư pháp, tham nhũng, chức vụ xảy ra trong hoạt động tư pháp...

Tại các Viện kiểm sát cấp tỉnh có Phòng Thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm án hình sự về an ninh, ma túy; Phòng Thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm án hình sự về trật tự xã hội; Phòng Thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm án hình sự về kinh tế chức vụ; Phòng Thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm án hình sự về tham nhũng... Tại các Viện kiểm sát cấp huyện từ trước đến nay có bộ phận công tác hình sự làm liên thông từ thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử và cả thi hành án hình sự. Việc tổ chức như vậy trong nhiều năm nay đã mang lại những kết quả đáng kể trong công tác Viện kiểm sát nói chung và công tác giải quyết các vụ án hình sự nói riêng; Viện kiểm sát nhân dân đã góp phần quan trọng trong vào sự nghiệp đấu tranh bảo vệ tính nghiêm minh của pháp luật, bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất, đấu tranh có hiệu quả đối với mọi loại tội phạm và vi phạm pháp luật, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, phục vụ phát triển kinh tế- xã hội và bảo đảm các quyền dân chủ của nhân dân.

Bạc Liêu là đơn vị hành chính tỉnh ven biển thuộc đồng bằng sông Cửu Long, có 7 đơn vị hành chính trực thuộc (cấp huyện), phía bắc giáp với Tỉnh Hậu Giang, phía đông và đông bắc giáp với Tỉnh Sóc Trăng, phía tây nam giáp với Tỉnh Cà Mau, phía tây bắc giáp với Kiên Giang, phía đông nam giáp Biển Đông với đường bờ biển dài 56 km, cách thành phố Hồ Chí Minh 280 km. Bạc Liêu có diện tích đất tự nhiên trên 2.570 km², dân số gần 873.000

người, có ba dân tộc chủ yếu sinh sống là dân tộc Kinh chiếm khoảng 90% dân số, dân tộc Khmer chiếm khoảng 7% dân số và dân tộc Hoa chiếm khoảng 3% dân số.

Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bạc Liêu được hình thành do sự chia tách từ Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Minh Hải từ năm 1997, tổ chức của Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bạc Liêu được tổ chức theo đơn vị hành chính, lãnh thổ tương ứng với tổ chức hệ thống Tòa án nhân dân và tổ chức hệ thống Cơ quan điều tra (CQĐT) trong Công an nhân dân.

Luật tổ chức VKSND năm 2014 đã thiết lập hệ thống tổ chức VKSND 04 cấp theo chủ trương cải cách tư pháp tại Nghị quyết 49-NQ/TW, Kết luận 79-KL/TW, Kết luận 92-KL/TW, gồm VKSND tối cao, VKSND cấp cao, VKSND cấp tỉnh, VKSND cấp huyện (Điều 40).

VKSND cấp tỉnh và cấp huyện ở Bạc Liêu được tổ chức theo địa giới hành chính, tương ứng với tổ chức hệ thống Tòa án nhân dân và tổ chức hệ thống Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân. Thực tiễn tổ chức bộ máy của VKSND địa phương từng bước được củng cố, tăng cường, các đơn vị nghiệp vụ làm công tác công tố và kiểm sát, các đơn vị nghiệp vụ đều bố trí các kiểm sát viên, kiểm tra viên và cán bộ có đủ khả năng, trình độ để thực hiện nhiệm vụ.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu có tổ chức bộ máy làm việc gồm 8 đơn vị các phòng nghiệp vụ và văn phòng: (1) Phòng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm án hình sự; (2) Phòng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm án hình sự; (3) Phòng kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự; (4) Phòng kiểm sát giải quyết các vụ án dân sự; (5) Phòng tổ chức cán bộ và khiếu tố; (6) Phòng kiểm sát thi hành án dân sự; (7) Phòng kiểm sát giải quyết các vụ án hành chính, kinh tế, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật; (8) Văn

phòng tổng hợp và thống kê tội phạm. Tại Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu hiện nay, mọi hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra thuộc phòng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm án hình sự (gọi tắt là phòng 1).

Phòng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm án hình sự thực hiện nhiệm vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra, xét xử sơ thẩm án hình sự thuộc các tội phạm do Cơ quan điều tra Công an tỉnh trực tiếp điều tra hoặc do các Cơ quan điều tra khác của Công an tỉnh thực hiện. Như vậy phòng 1 đảm nhiệm trách nhiệm thực hành quyền công tố và kiểm sát tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng giai đoạn điều tra đến giai đoạn xét xử sơ thẩm, tham gia giữ quyền công tố và kiểm sát trước phiên toà sơ thẩm hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện ở tỉnh Bạc Liêu có 7 đơn vị. Cơ cấu tổ chức bộ máy làm việc ở cấp này có 03 bộ phận công tác. Cụ thể như sau: (1) Bộ phận thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử án hình sự; kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và kiểm sát thi hành án hình sự; (2) Bộ phận Kiểm sát việc giải quyết các vụ, việc dân sự, hôn nhân và gia đình, vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật; kiểm sát thi hành án dân sự; (3) Bộ phận Văn phòng tổng hợp, thống kê tội phạm và kiểm sát và giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp. Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự do các kiểm sát viên, kiểm tra viên và cán bộ thuộc Bộ phận Thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử án hình sự; kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và kiểm sát thi hành án hình sự thực hiện.

Như vậy khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và đặc biệt là cấp huyện, trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự,

cơ cấu tổ chức Viện kiểm sát nhân dân không tách riêng, đơn vị này làm chức năng thực hành quyền công tố, đơn vị khác làm công tác kiểm sát hoạt động điều tra vụ án hình sự. Thực tế được triển khai cho đến nay vẫn là: một kiểm sát viên được phân công kiểm sát điều tra vụ án hình sự nào thì thực hiện luôn chức năng công tố đối với vụ án đó, mặc dù, Luật tổ chức VKSND năm 2014 có phân biệt rạch ròi, công tố và kiểm sát.

Vì sao lại tổ chức bộ máy như vậy?

Một là, khi Kiểm sát viên kiểm sát tuân theo pháp luật của Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên trong hoạt động điều tra, xem các quyết định tố tụng có căn cứ hay không cũng là cơ sở để thực hiện vai trò, chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra;

Hai là, Kiểm sát chặt chẽ hoạt động của Điều tra viên xem có tuân thủ pháp luật hay không, đồng thời cũng giúp kiểm sát viên nắm được tiến độ điều tra vụ án, kiểm sát viên thấy được Cơ quan điều tra thực hiện các biện pháp tố tụng, thu thập chứng cứ, có bỏ lọt tội phạm hay làm oan người vô tội hay không;

Ba là, chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát bảo đảm cho việc xử lý các hành vi tội phạm và người phạm tội (cá nhân và pháp nhân) được nghiêm minh, đúng pháp luật; tác động Cơ quan điều tra hướng tới việc thực hiện các hoạt động điều tra triệt để, tuân thủ pháp luật tố tụng hình sự; bảo đảm căn cứ khởi tố, điều tra, truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; đồng thời các công việc này cũng tác động trở lại trong việc nâng cao chất lượng công tác thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động điều tra đối với các vụ án hình sự.

Như vậy, khi một kiểm sát viên thực hiện một thao tác cụ thể đối với hoạt động điều tra vụ án, đồng thời đã thực hiện hai chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong điều tra vụ án hình

sự. Hai chức năng này của Viện kiểm sát thật sự có mối quan hệ gắn kết với nhau trong thực tiễn.

Việc tổ chức công tố và kiểm sát gộp chung như vậy có ưu điểm là tinh gọn về tổ chức, tiết kiệm về nhân lực khi hoạt động chuyên môn nghiệp vụ (một kiểm sát viên vừa làm công tố vừa làm kiểm sát) nhưng về chất lượng hoạt động thì cần phải tính tới sự chuyên sâu và sự khách quan của hoạt động thực hiện chức năng Viện kiểm sát. Hơn nữa, tổ chức lực lượng hoạt động theo kiểu trộn gói của Viện kiểm sát như hiện nay trong ngành thường gọi là “thông khâu” tức hoạt động từ đầu vụ án đến khi vụ án được chuyển đến Tòa án xét xử; Kiểm sát viên thực hiện hoạt động như thế sẽ thuận lợi hơn nhờ nắm được hồ sơ ban đầu từ giai đoạn điều tra, Kiểm sát viên không phải hao tốn thời gian để tiếp cận hồ sơ và tình tiết vụ án cho việc thực hành quyền công tố trước Tòa.

3.2. Thực tiễn thực hành quyền công tố trong điều tra vụ án hình sự tại Tỉnh Bạc Liêu

3.2.1. Thực tiễn khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can

Theo báo cáo thống kê của VKSND tỉnh Bạc Liêu trong 10 năm khởi tố vụ án thấy rằng, tình hình tội phạm diễn biến ngày càng phức tạp, số thụ lý án năm sau tăng cao hơn năm trước. Số lượng án giải quyết của CQĐT theo số thụ lý trong từng năm đạt tỷ cao so sánh số giải quyết so với số mới thụ lý thì CQĐT có nhiều cố gắng giải quyết án hằng năm dao động từ 80.27% đến 86.32%. Đa số các quyết định khởi tố vụ án hình sự có căn cứ và đúng các quy định của pháp luật TTHS. Trong thời gian nghiên cứu, Viện kiểm sát đã yêu cầu khởi tố 17 vụ án, hủy bỏ 18 quyết định khởi tố vụ án và 01 quyết định không khởi tố vụ án. Do đó, số lượng lớn các vụ án hình sự Viện kiểm sát thụ lý đều được đưa ra truy tố đúng người, đúng tội và trong thời hạn pháp luật quy định (Bảng 3.6 Phụ lục).

Điểm nổi bật thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát là thẩm quyền phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, tất cả số bị can do CQĐT khởi tố đều được chuyển sang Viện kiểm sát để phê chuẩn (phụ lục 3.2), kiểm sát viên dựa vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án kịp thời nghiên cứu xem xét căn cứ để phê chuẩn, nếu phát hiện những thiếu sót, hạn chế của Điều tra viên trong việc lập hồ sơ khởi tố để yêu cầu bổ sung tài liệu để xem xét phê chuẩn. Qua khảo sát trên thực tế, VKS hầu hết các trường hợp phê chuẩn quyết định khởi tố bị can do CQĐT ban hành và đề nghị Viện kiểm sát phê chuẩn. Viện kiểm sát thực hiện quyền yêu cầu khởi tố 18 bị can và hủy bỏ 52 quyết định khởi tố bị can khác. Từ đó, giảm đáng kể các trường hợp khởi tố, điều tra sau phải đình chỉ vụ án, đình chỉ bị can, hạn chế thấp nhất trường hợp đình chỉ vụ án, đình chỉ bị can do không phạm tội (Bảng 3.8 và Bảng 3.9). Theo số liệu thống kê của Văn phòng Viện kiểm sát tỉnh Bạc Liêu cho thấy từ năm 2006 đến năm 2015 việc khởi tố bị can và phê chuẩn quyết định khởi tố bị can của Viện kiểm sát ngày càng được bảo đảm chặt chẽ, đúng pháp luật, nên số bị can bị khởi tố phải đình chỉ điều tra vì không phạm tội chiếm tỉ lệ không đáng kể. Từ năm 2006 đến 2015 quyết định khởi tố 11124 bị can, trong đó đình chỉ bị can vì không tội chỉ 8 trường hợp chiếm tỉ lệ 0,07% .

3.2.2. Thực tiễn áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn

Theo quy định BLTTHS, tất cả các lệnh, quyết định phát sinh trong quá trình điều tra đều phải có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát, hầu hết các trường hợp CQĐT đề nghị phê chuẩn lệnh bắt, tạm giữ, tạm giam, bắt tạm giam, đều được VKS nghiên cứu kỹ hồ sơ, có căn cứ đều được Viện kiểm sát phê chuẩn theo đúng quy định của pháp luật; nếu Cơ quan điều tra quyết định và đề nghị phê chuẩn không có căn cứ thì Viện kiểm sát kiên quyết từ chối, hủy bỏ quyết định hoặc yêu cầu Cơ quan điều tra thay đổi khởi tố.

Trong quá trình điều tra, đề nghị phê chuẩn khởi tố bị can, bắt khẩn cấp của Cơ quan điều tra có căn cứ đều được Viện kiểm sát xem xét nhanh chóng phê chuẩn kịp thời để Cơ quan điều tra tiến hành các thao tác theo thẩm quyền điều tra. Hầu hết các quyết của Cơ quan điều tra đều được Viện kiểm sát phê chuẩn. Thực hiện quyền hạn phê chuẩn hay từ chối phê chuẩn đúng đắn thật sự đã tác động cho việc lập hồ sơ vụ án đối với bị can chặt chẽ, chính xác, hạn chế xảy ra đình chỉ bị can do không phạm tội (Bảng 3.8 và Bảng 3.9).

Qua số liệu phê chuẩn lệnh bắt, tạm giữ, tạm giam, bắt tạm giam thể hiện các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra đã bảo đảm cho việc tiến hành các hoạt động điều tra làm rõ các hành vi phạm tội, việc bắt giữ ngày càng chính xác, số người bị bắt, tạm giữ chuyển khởi tố hình sự đạt tỷ lệ cao, khắc phục việc lạm dụng bắt khẩn cấp, việc hình sự hoá các quan hệ kinh tế, dân sự bắt người tràn lan so trước đây.

Số người bị bắt, tạm giữ hình sự chuyển khởi tố hình sự chiếm tỉ lệ cao. Năm 2004 tỉ lệ khởi tố 93,8% trên số đã giải quyết, đến năm 2006 tăng lên 96,77% và đến năm 2013, năm 2014 và năm 2015 luôn trên 98% (Bảng 3.10). Áp dụng các biện pháp bắt tạm giam, tạm giam cơ bản chặt chẽ, có số ít trường hợp CQĐT đề nghị nhưng xét thấy hành vi phạm tội của bị can không cần thiết phải áp dụng biện pháp tạm giam; hoặc do chưa xác định chính xác tội danh, chứng cứ chưa rõ ràng, quyết định tạm giam không có căn cứ... VKS huỷ bỏ biện pháp tạm giam 22 trường hợp, không phê chuẩn lệnh tạm giam 25 trường hợp (Bảng 3.11).

Nhìn chung việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn của CQĐT được tuân thủ nghiêm chỉnh, hoạt động ngày càng đi vào có nề nếp và tuân thủ theo các quy định của pháp luật, hạn chế thấp nhất những vi phạm có thể xảy ra trong quá trình điều tra vụ án.

3.2.3. Thực tiễn đề ra yêu cầu điều tra

Trong giai đoạn điều tra, Kiểm sát viên đề ra yêu cầu điều tra để Cơ quan điều tra tiến hành thu thập chứng cứ xác định sự thật của vụ án; đây là một quyền hạn quan trọng của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra. Với chức năng đã được Hiến pháp và pháp luật quy định, Viện kiểm sát có vai trò rất quan trọng đối với Cơ quan điều tra trong việc đề ra yêu cầu điều tra để làm rõ vụ án. Các yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát làm phát sinh nghĩa vụ điều tra nhằm làm rõ tội phạm và người phạm tội. thu thập hồ sơ, chứng cứ thông qua thực hiện quyền hạn.

Qua số liệu thống kê cho thấy, thực hành quyền công tố giai đoạn điều tra trong những năm từ 2011 về trước ở Bạc Liêu hàng năm thụ lý trên hàng trăm vụ án hình sự nhưng hầu như không ra được yêu cầu điều tra nào bằng văn bản (chỉ bằng miệng). Thực tế hoạt động cho thấy đó là nguyên nhân dẫn đến trả hồ sơ điều tra bổ sung cao có lúc lên đến 9,97%, rất cao so với chỉ tiêu tối đa 6% của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Sau 2011, tăng số lượng đề ra yêu cầu điều tra của kiểm sát viên thì số vụ án trả điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng từng thời gian có thay đổi theo xu hướng giảm (Phụ lục 3.12); ví dụ năm 2011 thụ lý 448 vụ có 16 yêu cầu điều tra thì tỷ lệ trả hồ sơ bổ sung là 6,45%; năm 2012 thụ lý 471 vụ có 81 yêu cầu điều tra thì tỷ lệ trả hồ sơ bổ sung là 3,36%; năm 2013 thụ lý 455 vụ có 203 yêu cầu điều tra thì tỷ lệ trả hồ sơ bổ sung là 2,58%; năm 2014 thụ lý 506 vụ có 413 yêu cầu điều tra thì tỷ lệ trả hồ sơ bổ sung là 2,76%; năm 2015 thụ lý 502 vụ có 588 yêu cầu điều tra thì tỷ lệ trả hồ sơ bổ sung là 3,55%; Nội dung của bản yêu cầu điều tra đưa ra được những vấn đề cần chứng minh trong vụ án hình sự như hành vi, hậu quả, tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đa số các trường yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát

được Cơ quan điều tra thực hiện, phân công điều tra viên phụ trách tiến hành điều tra những vấn đề mà Kiểm sát viên yêu cầu.

3.2.4. Thực tiễn kết thúc điều tra

Khi kết thúc điều tra, Cơ quan điều tra phải làm bản kết luận điều tra. Có thể có một trong 2 trường hợp:

Bản kết luận điều tra kèm theo đề nghị truy tố khi có đầy đủ chứng cứ để xác định có tội phạm và hành vi phạm tội của bị can thì Cơ quan điều tra làm bản kết luận điều tra đề nghị truy tố. Bản kết luận điều tra trình bày diễn biến hành vi phạm tội, nêu rõ các chứng cứ chứng minh tội phạm, những ý kiến đề xuất giải quyết vụ án, có nêu rõ lý do và căn cứ đề nghị truy tố.

Bản kết luận điều tra kèm theo quyết định đình chỉ điều tra nếu có một trong những căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 105 và Điều 107 của BLTTHS hoặc tại Điều 19, Điều 25 và khoản 2 Điều 69 của Bộ luật hình sự như trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội; do chuyển biến tình hình mà hành vi phạm tội hoặc người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa; trường hợp người phạm tội đã tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm, có thể được miễn trách nhiệm hình sự; Người chưa thành niên phạm tội, ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng, gây hại không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được miễn trách nhiệm hình sự; trường hợp đã hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can thực hiện tội phạm cũng phải đình chỉ điều tra.

Bản kết luận điều tra kèm theo quyết định đình chỉ điều tra cùng hồ sơ vụ án phải được gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được quyết định đình chỉ điều tra của Cơ quan điều tra, nếu thấy quyết định đình chỉ điều tra có căn cứ thì Viện kiểm sát trả lại hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra để giải quyết theo thẩm quyền; nếu thấy quyết

đình chỉ điều tra không có căn cứ thì Viện kiểm sát huỷ bỏ quyết định đình chỉ điều tra và yêu cầu Cơ quan điều tra phục hồi điều tra; đủ căn cứ để truy tố thì Viện kiểm sát huỷ bỏ quyết định đình chỉ điều tra và ra quyết định truy tố.

3.2.5. Thực tiễn tạm đình chỉ điều tra, đình chỉ điều tra

Nhiệm vụ của hoạt động điều tra là thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh tội phạm và người phạm tội để xử lý theo quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra, khi đã xác định được bị can nhưng vì lý do khách quan mà không thể tiếp tục điều tra vụ án hoặc do bị can bỏ trốn thì vụ án phải được tạm đình chỉ điều tra. Trong giai đoạn từ 2006-2015 CQĐT tạm đình chỉ: 916 vụ 402 bị can; VKS tạm đình chỉ: 11 vụ 18 bị can. Trong đó, đa phần các vụ án do VKS, Tòa án tạm đình chỉ đều được phục hồi và giải quyết. Đối với các vụ án do CQĐT tạm đình chỉ cơ bản được VKS kiểm sát chặt chẽ, kịp thời tác động CQĐT để phục hồi giải quyết.

Nhưng trong quá trình điều tra, nếu thấy có một trong các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 169 BLTTHS năm 2003 thì vụ án phải bị đình chỉ, khép lại toàn bộ hoạt động điều tra vụ án. Các trường hợp phải đình chỉ vụ án, bị can do không có sự kiện phạm tội, hành vi không cấu thành tội phạm, hết thời hạn điều tra không chứng minh được tội phạm có xu hướng giảm dần, số lượng án đình chỉ điều tra vì không tội ngày càng giảm theo hướng tích cực. Chẳng hạn riêng trong năm 2004 tỉnh Bạc Liêu có 3 trường hợp đình chỉ điều tra vì không phạm tội nhưng qua đánh giá sau 8 năm thực hiện Nghị quyết 49 Bộ chính trị thì toàn tỉnh Bạc Liêu chỉ còn 7 trường hợp đình chỉ điều tra vì bị can không phạm tội (nếu tính trung bình mỗi năm chưa đến 1 trường hợp). Đặc biệt là từ 2012 đến năm 2015, Cơ quan điều tra không đề xảy ra trường hợp nào đình chỉ điều tra vì không phạm tội (Bảng 3.5 Phụ lục).

3.3. Thực tiễn kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự tại Tỉnh Bạc Liêu

3.3.1. Thực tiễn kiểm sát khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can

Trong những năm qua, Viện kiểm sát tỉnh Bạc Liêu đã có nhiều cố gắng nâng cao trách nhiệm kiểm sát tính có căn cứ và hợp pháp đối với các quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can của Cơ quan điều tra. Phân công KSV kiểm sát chặt chẽ hồ sơ xác minh, đánh giá tính hợp pháp của các tài liệu để khẳng định đây có phải là vụ án hình sự hay không. Nếu có căn cứ vụ án hình sự thì Viện kiểm sát ra mới ra văn bản chấp nhận khởi tố vụ án của Cơ quan điều tra. Nếu hồ sơ, tài liệu xác định được chắc chắn ai là người thực hiện tội phạm thì phê chuẩn khởi tố bị can. Qua số liệu báo cáo thống kê của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trong 10 năm, từ năm 2006 đến năm 2015, Cơ quan điều tra khởi tố 7431 vụ án và 11124 bị can, trong đó giải quyết 6175 vụ án chiếm tỉ lệ 83,10% và giải quyết 9217 bị can chiếm tỉ lệ 82,86% (xem Phụ lục 3.2).

Qua công tác kiểm sát việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can, Viện kiểm sát đã phát hiện các quyết định vi phạm pháp luật, đã quyết định hủy bỏ 18 quyết định khởi tố vụ án, hủy bỏ 52 quyết định khởi tố bị can, yêu cầu khởi tố 17 vụ án và 18 bị can. Mặc dù số lượng Viện kiểm sát ra yêu cầu và quyết định không nhiều so với tổng số vụ án thụ lý nhưng có ý nghĩa rất quan trọng về sử dụng quyền kiểm sát, giúp cho việc giải quyết vụ án của Cơ quan điều tra đúng pháp luật, chính xác, kịp thời; hạn chế việc bỏ lọt tội phạm, hạn chế làm oan người vô tội đồng thời tạo cơ sở pháp lý cho các hoạt động điều tra tiếp theo.

3.3.2. Thực tiễn kiểm sát áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong quá trình điều tra

Các biện pháp ngăn chặn theo BLTTHS năm 2003 gồm: Bắt bị can để tạm giữ, tạm giam; Bắt người trong trường hợp khẩn cấp; Bắt người trong trường hợp quả tang; Tạm giữ; Tạm giam; Biện pháp cho bảo lãnh; Biện pháp đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm; Biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra là những biện pháp do các cơ quan điều tra áp dụng, nếu không thực hiện sẽ gây khó khăn, cản trở hoạt động điều tra. Tuy nhiên, các biện pháp Cơ quan điều tra áp dụng sẽ luôn đụng chạm đến quyền con người, các quyền cơ bản của công dân.

Viện kiểm sát thực hiện quyền kiểm sát theo pháp luật quy định để bảo đảm việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn của Cơ quan điều tra phải tuân theo pháp luật; tuân thủ những nguyên tắc của pháp luật về tôn trọng quyền con người, quyền tự do dân chủ công dân.

Theo quy định BLTTHS, quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn của Cơ quan điều tra phải được gửi ngay cho Viện kiểm sát để VKS kiểm tra tính có căn cứ và đúng pháp luật hay không.

Theo thống kê trong 10 năm, số lượng người bị tạm giữ hình sự là 4659 người, quá trình bắt, tạm giữ người được Cơ quan điều tra tiến hành cẩn trọng, Viện kiểm sát kiểm sát chặt chẽ nên số người bị tạm giữ xử lý bằng biện pháp hành chính và các biện pháp khác ngày càng giảm, thể hiện trong số giải quyết 4602 người bị tạm giữ thì có 4457 người chuyển khỏi tố bị can. Từ tác động công tác kiểm sát chặt chẽ nên đã qua tình trạng bắt, tạm giữ hình sự không đúng sau đó trả tự do chuyển xử lý hành chính đã giảm đáng kể; số người bị bắt, tạm giữ đúng chuyển khỏi tố hình sự đạt tỷ lệ cao (chiếm tỉ lệ 96,85%).

VKSND các cấp tăng cường kiểm sát các hoạt động bắt khẩn cấp, bắt quả tang, bắt người trong trường hợp truy nã bảo đảm việc bắt, tạm giữ đúng

đôi tượng, đúng tội, đúng pháp luật. Để nâng cao trách nhiệm của viện kiểm sát, của cơ quan điều tra trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, Kiểm sát viên quan tâm thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của mình kiểm sát chặt chẽ hoạt động áp dụng các biện pháp ngăn chặn nhất là biện pháp tạm giam, gia hạn tạm giam về sự cần thiết và tính có căn cứ của việc áp dụng. Khi tiếp nhận hồ sơ và đề nghị phê chuẩn lệnh tạm giam, gia hạn tạm giam của Cơ quan điều tra, Kiểm sát viên nghiên cứu thật kỹ các căn cứ tạm giam theo quy định tại Điều 88 Bộ luật tố tụng hình sự, chỉ phê chuẩn khi có đầy đủ căn cứ. Nếu không bảo đảm căn cứ kiên quyết từ chối phê chuẩn. Viện kiểm sát đã không phê chuẩn hoặc hủy bỏ 23 lệnh bắt khẩn cấp, 75 quyết định tạm giữ, gia hạn tạm giữ không có căn cứ của CQĐT gồm (xem phụ lục 3.10). Qua công tác kiểm sát đã khắc phục được việc lạm dụng bắt khẩn cấp, áp dụng các biện pháp ngăn chặn mà không có lệnh, hoặc tạm giữ, gia hạn tạm giữ không cần thiết hoặc quá hạn, hình sự hoá các quan hệ kinh tế, dân sự.

Qua số liệu phê chuẩn lệnh bắt, tạm giữ, tạm giam, bắt tạm giam thể hiện các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra là cần thiết trong quá trình tố tụng và hoạt động kiểm sát đã bảo đảm cho việc tiến hành các hoạt động làm rõ các hành vi phạm tội, việc bắt giữ ngày càng chính xác, số người bị bắt, tạm giữ chuyển khởi tố hình sự đạt tỷ lệ cao, khắc phục việc lạm dụng bắt khẩn cấp, việc hình sự hoá các quan hệ kinh tế, dân sự bắt người tràn lan so trước đây.

3.3.3. Thực tiễn kiểm sát tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án, bị can

Nhiệm vụ của hoạt động điều tra là thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh tội phạm và người phạm tội để xử lý theo quy định của pháp luật. Trong giai đoạn từ 2006-2015 án tạm đình chỉ của các cơ quan CQĐT 916 vụ 402 bị can, do quá trình điều tra xác định được bị can nhưng vì lý do khách quan mà

không thể tiếp tục điều tra vụ án hoặc do bị can bỏ trốn thì vụ án phải được tạm đình chỉ điều tra theo đúng quy định tại Điều 160 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Trong đó, đa phần các vụ án cơ bản được VKS kiểm sát chặt chẽ; thực hiện đúng thẩm quyền tố tụng đã phân cấp, nếu vụ án có một trong những căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 105 và Điều 107 Bộ luật tố tụng hình sự hoặc tại Điều 19, Điều 25 và khoản 2 Điều 69 Bộ luật hình sự thì đơn vị thụ lý chủ động quyết định đình chỉ điều tra vụ án hoặc đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can.

Chú trọng và đề cao trách nhiệm của lãnh đạo, Kiểm sát viên các cấp trong việc kiểm sát, quản lý chặt chẽ quyết định giải quyết của Cơ quan điều tra; nếu thấy có một trong các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 169 BLTTHS năm 2003 thì vụ án phải bị đình chỉ, khép lại toàn bộ hoạt động điều tra vụ án.

Qua số liệu nghiên cứu cho thấy, việc điều tra, đình chỉ, tạm đình chỉ, nhìn chung đảm bảo có căn cứ, đúng pháp luật; những trường hợp phải đình chỉ vụ án, bị can do hành vi không cấu thành tội phạm có xu hướng giảm dần. Mặc dù số lượng vụ án, bị can hàng năm khởi tố điều tra tăng nhưng tỷ lệ đình chỉ chiếm số lượng ít, các vụ án tạm đình chỉ cơ bản đúng theo quy định của pháp luật. Các bị can bị tạm đình chỉ đều có lý do chính đáng như: chết, trốn, chờ kết quả giám định... Nếu do mắc bệnh hiểm nghèo hoặc tâm thần đều có quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc ngay sau đó. Các bị can trốn đều có quyết định truy nã và có thông báo kịp thời theo đúng quy định của pháp luật. Đình chỉ điều tra vụ án và bị can đều được CQĐT, VKS áp dụng đúng luật, thủ tục ra quyết định bảo đảm có căn cứ như bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, hành vi chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự...

Nói chung, công tác quản lý và giải quyết án đình chỉ điều tra, tạm đình chỉ điều tra thực hiện chặt chẽ, những trường hợp phải đình chỉ vụ án, bị can

do hành vi không cấu thành tội phạm, hết thời hạn điều tra không chứng minh được tội phạm có xu hướng giảm dần, không để xảy ra tình trạng tạm đình chỉ điều tra, đình chỉ điều tra trái pháp luật, hạn chế đến mức thấp nhất các trường hợp đình chỉ điều tra do không phạm tội.

3.4. Những hạn chế về thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự

3.4.1. Hạn chế chung của kiểm sát viên trong thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra

Theo pháp luật quy định, vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát, kiểm sát viên được thể hiện rõ nét trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, tại địa phương cũng còn một số biểu hiện hạn chế trong hoạt động thực tiễn, nhiều Kiểm sát viên thường chú ý kiểm sát hoạt động điều tra như: tham gia kiểm sát khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, kiểm sát hồ sơ tài liệu để phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, phê chuẩn tạm giam... sau đó gần như để mặc cho điều tra viên tiến hành điều tra, nhiều vụ án kiểm sát viên không đề ra yêu cầu điều tra, mọi diễn biến liên quan đến việc điều tra tiếp theo của điều tra viên thì KSV gần như không quan tâm hoặc không nắm được. Chỉ đến vụ án kết thúc điều tra, chuyển hồ sơ sang VKS để đề nghị truy tố thì khi đó KSV mới nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án, tiến hành xem xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ, mới phát hiện phát hiện các vi phạm, thiếu sót của CQĐT hoặc thiếu chứng cứ quan trọng.

Biểu hiện phổ biến như: chưa xác định rõ được hành vi, vai trò của người thực hiện tội phạm; căn cứ quy kết trách nhiệm hình sự, hậu quả, động cơ gây án; thu giữ vật chứng không đạt yêu cầu về trình tự, thủ tục, có căn cứ để khởi tố bị can về một tội phạm khác hoặc có người đồng phạm khác, để lọt tội phạm, lọt hành vi phạm tội... Do vậy, có khi không còn đủ thời gian và điều kiện để khắc phục những sai sót, những mâu thuẫn trong hồ sơ, vụ án phải kéo dài nhưng

không thể kết thúc được. Điển hình như: Vụ án Châu Thị Cẩm Nhiên phải gia hạn thời gian điều tra 02 lần nhưng từ khi gia hạn điều tra lần 1 đến gia hạn lần hai, CQĐT chỉ thực hiện được 02 biên bản hỏi cung bị can (biên bản hỏi cung bị can Nguyễn Hoàng Thu Trang ngày 20/7/2015, biên bản hỏi cung bị can Nguyễn Thị Phương Trang ngày 11/8/2015). Hoặc vụ án Nguyễn Đức Hoàng của huyện Phước Long, vụ án đã gia hạn thời hạn điều tra 02 lần nhưng CQĐT mới chỉ lấy lời khai được 04 người bị hại, 02 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và lập biên bản xác minh một số người khác vắng mặt tại địa phương. Hay vụ Cố ý làm trái các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng tại huyện Đông Hải, vụ án được cơ quan CSĐT công an tỉnh khởi tố từ ngày 28/5/2015, đến ngày 17/6/2015 mới chuyển vụ án cho CQĐT Công an huyện Đông Hải để điều tra theo thẩm quyền. Đến nay vụ án đã gia hạn điều tra 1 lần, thời hạn điều tra 04 tháng từ ngày 29/9/2015 đến ngày 29/01/2016 nhưng vụ án vẫn chưa làm rõ để kết thúc điều tra được.

Kết thúc việc ghi biên bản lấy lời khai, hỏi cung bị can không gạch bỏ phần để trống, người khai không xác nhận vào tất cả các trang đã ghi trong Biên bản như (vụ Lê Văn Năm, vụ Phan Quốc Hùng tại Thành phố Bạc Liêu). Cá biệt vụ Phan Quốc Hùng của Tp Bạc Liêu, Biên bản lấy lời khai Quách Thị Sợi do ĐTV Châu Minh Tuấn lập hồi 08 giờ ngày 29/5/2014 còn ghi thêm 05 dòng hỏi-đáp, không có xác nhận của người khai.

Hoặc trường hợp CQĐT ra Quyết định áp dụng, thay thế biện pháp ngăn chặn không đúng quy định như vụ án Huỳnh Thị Ngọc Hà của Thành phố Bạc Liêu, bị can Hà đang bị tạm giam, ngày 24/9/2014 CQĐT ra Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn, quyết định áp dụng biện pháp cho bảo lãnh và có Công văn đề nghị VKS ra Quyết định hủy bỏ biện pháp tạm giam đối với bị can.

Xảy ra oan sai điển hình như vụ trộm cắp tài sản hàng chục lượng vàng và nhiều tiền nước ngoài giá trị gần 2 tỉ đồng, xảy ra đêm 5/5/2008 tại Thị trấn Hộ phòng, hiện trường mất trộm thu được 11 dấu vân tay, cơ quan điều tra trung cầu giám định, kết quả xác định chính xác một trong những dấu vết vân tay thu trên khung cửa sổ tại hiện trường vụ án là của đối tượng Huỳnh Thanh Tín. Với chứng cứ có vậy, Viện kiểm sát đã thống nhất với Cơ quan điều tra nhận định rằng chính Huỳnh Thanh Tín là người thực hiện hành vi trộm cắp và khởi tố bị can, tạm giam 4 tháng. Vụ án được liên tục điều tra, bị can không nhận tội nhưng sau khi bị tạm giam 2 tháng, bị can Huỳnh Thanh Tín nhận tội, khai nhận chi tiết các hành vi từ chuẩn bị công cụ, phương tiện, quá trình tiếp cận hiện trường, dùng công cụ phá cửa sổ vào nhà lấy tài sản, đem cất dấu...thật ra lời khai này do bị can bịa ra. Hơn 2 năm sau xác định đối tượng thực hiện hành vi trộm cắp chính là Nguyễn Văn Nhã, là đối tượng đã nhiều lần thực hiện hành vi đột nhập vào các tiệm vàng trên địa bàn các tỉnh miền Tây để chiếm đoạt tài sản, bị Cơ quan CSĐT công an tỉnh An Giang khởi tố. Qua vụ án oan sai này rút ra mấy vấn đề hạn chế về thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra như sau:

Một là, không có sự tham gia của Kiểm sát viên trong khám nghiệm hiện trường, cơ quan điều tra không lập biên bản thu giữ dấu vết đường vân tay nên không biết dấu vết cụ thể thu tại vị trí nào tại hiện trường, có đúng là mẫu vân tay so sánh khi đem đi giám định hay không.

Hai là, kiểm sát viên chỉ căn cứ duy nhất vào một dấu vân tay thu tại hiện trường đã được giám định là của Huỳnh Thanh Tín. Trong khi đó, hồ sơ thể hiện trước khi vụ án xảy ra 1 tháng, Huỳnh Thanh Tín đã giúp ông Huỳnh Phú Hóa (cha ruột của Tín) sửa chữa cửa sổ, nhà cho gia đình ông Ông Xái Hua (bị hại) nhưng chứng cứ này chưa được điều tra làm rõ để xác định yếu tố ngoại phạm của Huỳnh Thanh Tín (lời khai của ông Hóa và những người

làm cho ông Hóa). Trong suốt quá trình điều tra, ngoài chứng cứ là dấu vân tay để lại hiện trường, cũng không có chứng cứ nào khác để buộc tội đối với Huỳnh Thanh Tín.

Ba là, đây là vụ án bắt không quả tang, nhưng sau khi phê chuẩn khởi tố bị can, Kiểm sát viên lại không bám sát hoạt động điều tra cũng như nghiên cứu cập nhật hồ sơ vụ án. Điều tra viên chỉ tập trung hỏi cung buộc tội đối với bị can, hướng bị can nhận tội theo mong muốn chủ quan của Điều tra viên. của Điều tra viên.

Bốn là, khi phát hiện không đủ căn cứ để gia hạn tạm giam đối với Huỳnh Thanh Tín, nhưng Kiểm sát viên không kịp thời phát hiện những thiếu sót của Cơ quan điều tra, không nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án để đề ra yêu cầu điều tra làm rõ những tình tiết còn mâu thuẫn của vụ án. Từ đó vụ án kéo dài, phải gia hạn thời hạn điều tra lần thứ hai. Trong suốt thời gian gia hạn điều tra, Điều tra viên không thực hiện việc điều tra thu thập chứng cứ nào khác ngoài việc hỏi cung bị can.

Năm là, khi Cơ quan điều tra kết luận điều tra ngày 6/7/2009 đề nghị truy tố Huỳnh Thanh Tín, Kiểm sát viên xác định không đủ căn cứ buộc tội nhưng không chủ động đề xuất việc đình chỉ điều tra đối với Huỳnh Thanh Tín mà lại đề nghị tạm đình chỉ vụ án, dẫn đến vụ án tiếp tục kéo dài, đồng nghĩa với kéo dài sự oan sai đó cho đến 31/3/2011 vụ án mới được chính thức đình chỉ điều tra vì không tội và tiến hành minh oan cho đương sự.

3.4.2. Hạn chế trong việc đề ra yêu cầu điều tra

Trong quá trình điều tra vụ án hình sự, pháp luật quy định Viện kiểm sát có quyền đề ra yêu cầu điều tra, yêu cầu của Viện kiểm sát có ý nghĩa bắt buộc Cơ quan điều tra phải có trách nhiệm chấp hành. Từ năm 2011 về trước, kiểm sát viên khi kiểm sát điều tra vụ án thường chỉ trao đổi với điều tra viên về các hoạt động điều tra vụ án bằng miệng, những năm gần đây số

lượng văn bản yêu cầu điều tra có tăng lên nhưng đến năm 2015 chỉ chiếm 57% số vụ án.

Số liệu thống kê cho thấy về phía VKS chưa nhận thức đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn pháp luật giao trong quá trình thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động điều tra vụ án, kiểm sát viên chưa thấy hết tính chất quan trọng của quyền hạn này. Kiểm sát viên dùng hình thức yêu cầu bằng miệng, nên tính bắt buộc đối với Điều tra viên không cao, các yêu cầu điều tra bằng văn bản còn tỉ lệ thấp so số án đang điều tra, vai trò thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra của Viện kiểm sát thấp, thể hiện chưa rõ nét; đây cũng là nguyên nhân nhiều vụ án phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Số liệu thống kê hàng năm của 2 cấp Kiểm sát tại Bạc Liêu cho thấy số vụ án có yêu cầu điều tra không nhiều. Kiểm sát viên chưa chủ động, tích cực kiểm sát hoạt động điều tra ngay từ đầu, chưa nắm chắc tiến độ, kết quả điều tra và việc lập hồ sơ vụ án trong quá trình điều tra nên không đề ra yêu cầu điều tra hoặc đề ra nhưng không sát, đúng với tình tiết vụ án, thường bản yêu cầu điều tra còn đề ra chung chung, chưa nêu rõ những vấn đề cần phải chứng minh của vụ án hình sự, những nội dung mâu thuẫn qua thu thập chứng cứ, thu giữ vật chứng, lời khai bị can, nhân chứng, người liên quan, bị hại...nên không có ý nghĩa gì cho hoạt động điều tra thu thập chứng cứ vụ án.

Một số trường hợp có yêu cầu điều tra xác đúng nhưng không theo dõi, giám sát chặt chẽ để bảo đảm việc thực hiện yêu cầu điều tra nghiêm túc, có chất lượng. Nhiều trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung là do sau khi vụ án kết thúc điều tra mới phát hiện ra những vấn đề cần yêu cầu điều tra bổ sung.

3.4.3. Hạn chế trong việc đình chỉ vụ án, bị can

Đình chỉ vụ án hay đình chỉ điều tra bị can là hoạt động được pháp luật cho phép trong quá trình điều tra, xử lý vụ án hình sự. Hàng năm số vụ án đình chỉ do bị hại rút đơn yêu cầu, không có sự việc phạm tội, không cấu

thành tội phạm hoặc tha miễn trách nhiệm hình sự khoảng 4,37% số vụ án thụ lý (Bảng 3.4 và Bảng 3.8 Phụ lục). Điều đáng quan tâm là đình chỉ vì lý do không có tội vẫn còn xảy ra cả trong giai đoạn điều tra lẫn giai đoạn truy tố. Trong 10 năm đình chỉ vì không phạm tội chiếm 0,07% (Bảng 3.5 và Bảng 3.9 Phụ lục). Đình chỉ điều tra thường rơi vào các trường hợp Cơ quan điều tra không điều tra làm rõ được các vấn đề liên quan đến chứng cứ buộc tội hay trường hợp điều tra viên không phát hiện hết các mâu thuẫn trong lời khai của các nhân chứng, bị can, người có liên quan để kịp thời loại trừ mâu thuẫn trong hồ sơ hoặc thoả mãn lời khai nhận tội của bị can trong quá trình điều tra, Điều tra viên lại chủ quan không tiến hành ngay việc xác minh, thu thập chứng cứ khác để bảo đảm buộc tội vững chắc, đến khi bị can phản cung thì hồ sơ không đủ chứng cứ buộc tội.

Về kiểm sát hoạt động điều tra có nhiều trường hợp kiểm sát viên không thực hiện hết trách nhiệm kiểm sát hoạt động điều tra ngay từ đầu vụ án, không theo dõi tiến độ điều tra cũng như thực hiện quyền yêu cầu điều tra nên đề xuất phê chuẩn các quyết định của Cơ quan điều tra khi chưa đảm bảo căn cứ vững chắc. Từ đó, không phát hiện được những thiếu sót của Cơ quan điều tra trong thu thập chứng cứ, dẫn đến việc thu thập chứng cứ không toàn diện, đầy đủ. Còn xảy ra một số trường hợp bị can phạm tội theo Khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự, nhưng trong giai đoạn điều tra, bị hại rút đơn yêu cầu, từ chối giám định tỷ lệ thương tật, buộc các Cơ quan tiến hành tố tụng phải đình chỉ điều tra vụ án, đình chỉ điều tra bị can theo Điều 105 Bộ luật tố tụng hình sự.

Điều đáng quan tâm là việc đình chỉ vụ án, đình chỉ bị can theo điều 25 Bộ luật hình sự cũng còn biểu hiện lạm dụng. Nhiều trường hợp do chứng cứ vụ án trong quá trình điều tra thu thập không đầy đủ, không thể điều tra thu thập được nữa lại áp dụng điều 25 BLHS để đình chỉ điều tra. Điển hình như Vụ án Nguyễn Văn Tỷ, Lê Minh Chiến bị khởi tố về tội *Cướp tài sản*, do Cơ

quan điều tra làm không chặt chẽ hồ sơ vụ án, thủ tục nhận dạng không khách quan dẫn đến không đủ căn cứ buộc tội nhưng Cơ quan điều tra lại ra Quyết định đình chỉ điều tra vụ án, bị can theo khoản 1 điều 25 để miễn trách nhiệm hình sự. Tương tự, bị can Trần Văn Bảy bị khởi tố và bỏ trốn ngày 25/02/2013, đến ngày 24/9/2013 ra đầu thú nhưng CQĐT lại ra quyết định tạm đình chỉ vụ án với lý do *“đã hết thời hạn điều tra mà chưa xác định được bị can trong vụ án”* như vậy là không chính xác. Vụ Nguyễn Văn Thành trong vụ án Cố ý gây thương tích, bị can Thành bị khởi tố về tội Cố ý gây thương tích theo khoản 3 điều 104 BLHS nhưng quá trình điều tra không chứng minh được Thành đưa kiếm cho Tòa hay Tòa tự giật kiếm từ tay Thành để gây thương tích cho các bị hại, CQĐT lại quyết định đình chỉ điều tra đối với bị can Thành theo khoản 1 điều 25 BLHS với lý do *“Trong quá trình điều tra do chuyển biến của tình hình mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa”*; hồ sơ không thể hiện việc chuyển biến của tình hình như thế nào mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa, đình chỉ điều tra bị can là không có căn cứ, không đúng pháp luật. Các vụ đình chỉ không đúng này luôn chứa đựng yếu tố oan sai hoặc lọt tội.

3.4.4. Hạn chế trong trả hồ sơ để điều tra bổ sung

Theo số liệu thống kê trong thời gian 10 năm, Ngành kiểm sát tỉnh Bạc Liêu đã có nhiều cố gắng đáng kể trong việc giảm số lượng án trả điều tra bổ sung, ở cả phần án do Tòa án trả Viện kiểm sát và án do Viện kiểm sát trả cơ quan điều tra. Nói chung từng năm số lượng trả điều tra bổ sung năm sau giảm hơn năm trước (Bảng 3.12 Phụ lục) nhưng số vụ án trả hồ sơ để điều tra bổ sung bình quân chung tại tỉnh Bạc Liêu trong 10 năm là 6,67% vẫn cao hơn chỉ tiêu chung của Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định (6%), hồ sơ trả điều tra bổ sung nhiều luôn thể hiện chất lượng kém trong hoạt động điều tra lập hồ sơ vụ án hình sự và cả hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động

điều tra đều chưa tốt. Điều đáng quan tâm là không chỉ số vụ án Viện kiểm sát trả cho Cơ quan điều tra để điều tra bổ sung nhiều (3,06%) mà số vụ Tòa án trả hồ sơ bổ sung cho Viện kiểm sát còn cao hơn (3,61%). Điều này cho thấy công tác kiểm sát trong giai đoạn điều tra của Viện kiểm sát còn nhiều hạn chế, thiếu hồ sơ chứng cứ trong quá trình điều tra nên hoạt động truy tố của Viện kiểm sát chưa có căn cứ vững chắc.

Trả hồ sơ điều tra bổ sung vụ án, dù do Viện kiểm sát hay Tòa án, song hạn chế đó luôn thuộc về trách nhiệm của các cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Trong giai đoạn điều tra thuộc trách nhiệm của Điều tra viên và Kiểm sát viên. Quan hệ phối hợp giữa Kiểm sát viên với Điều tra viên chưa chặt chẽ, có những vướng mắc, mâu thuẫn trong việc đánh giá chứng cứ, về tội danh, về đối tượng phạm tội nhưng chưa được giải quyết dứt điểm, đến khi kết thúc điều tra mới tổ chức họp bàn biện pháp giải quyết dẫn đến phải trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung, thậm chí nhiều vụ án đã truy tố chuyển tòa án rồi mới phát hiện chứng cứ không đầy đủ phải điều tra bổ sung.

Phần nhiều các vụ án trả điều tra bổ sung là do thiếu chứng cứ quan trọng đối với vụ án, bị can phạm một tội khác, người đồng phạm khác hoặc có trường hợp vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hình sự. Điều đó cho thấy trong thực tế các cơ quan tố tụng có thể hạn chế được việc trả điều tra bổ sung và nâng chất lượng hoạt động điều tra vụ án nếu như Kiểm sát viên tăng cường bám sát hoạt động điều tra, tích cực thực hiện quyền yêu cầu điều tra, kiểm sát việc lập hồ sơ vụ án của Cơ quan điều tra. Như vậy, trả hồ sơ bổ sung là việc làm cần thiết và là cơ hội để khắc phục thiếu sót trong quá trình điều tra vụ án, bảo đảm cơ sở cho việc xử lý vụ án được khách quan, toàn diện, chứng cứ đầy đủ có tính thuyết phục cao.

3.4.5. Hạn chế trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn

Pháp luật tố tụng hình sự quy định trình tự thủ tục chặt chẽ các biện pháp hạn chế quyền con người, quyền công dân. Tuy vậy, với nhận thức chưa đầy đủ cho rằng bị can là người có tội nên Cơ quan điều tra và đôi khi Viện kiểm sát cũng thường dễ dãi trong áp dụng các biện pháp này hoặc không kịp thời thay đổi biện pháp khác dù không còn bức thiết cho hoạt động điều tra. Trong thực tế các biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm hiêm khi được áp dụng; và các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam, gia hạn tạm giam thường được áp dụng và vẫn còn nhiều biểu hiện lạm dụng.

Đặc biệt việc phê chuẩn Lệnh bắt khẩn cấp, biện pháp tạm giữ, tạm giam. VKS không phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp 23 trường hợp, không phê chuẩn gia hạn tạm giữ, hủy bỏ quyết định tạm giữ 75 trường hợp (Bảng 3.10). VKS không phê chuẩn lệnh bắt tạm giam, không phê chuẩn lệnh tạm giam, hoặc hủy bỏ biện pháp tạm giam của Cơ quan điều tra có 47 trường hợp (Bảng 3.11).

Lệnh bắt khẩn cấp có trường hợp chưa đảm bảo căn cứ, sau đó phải trả tự do, xử lý hành chính. Có trường hợp Cơ quan điều tra ra Lệnh bắt khẩn cấp không ghi rõ căn cứ bắt khẩn cấp; việc tính thời hạn tạm giữ chưa đúng quy định. Việc phê chuẩn Lệnh bắt tạm giam, Lệnh tạm giam đối với những bị can có nhiều trường hợp chưa đảm bảo căn cứ nên sau đó phải hủy bỏ biện pháp tạm giam, áp dụng biện pháp ngăn chặn khác.

Việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam đang có nhiều điều bất cập, đặc biệt là việc áp dụng các biện pháp này đôi khi bị lạm dụng theo chủ quan của Cơ quan điều tra theo kiểu luật cho phép giam vào để dễ cho hoạt động điều tra. Có trường hợp trong suốt thời gian điều tra, Điều tra viên không làm thêm nội dung gì hoặc chỉ lấy qua loa một vài bản cung, vẫn quyết định gia hạn điều tra, gia hạn tạm giam.

3.4.6. Hạn chế trong lập hồ sơ điều tra vụ án hình sự

Hồ sơ điều tra vụ án hình sự là toàn bộ những tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra vụ án theo qui định của Bộ luật tố tụng hình sự nhằm chứng minh hành vi xảy ra là phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội và những tình tiết khác có liên quan đến vụ án. Hồ sơ điều tra do Điều tra viên lập và có giá trị rất quan trọng nhằm làm căn cứ cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát ra các quyết định xử lý theo thẩm quyền, căn cứ ra cáo trạng truy tố và Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Qua nghiên cứu các hồ sơ vụ án hình sự tại địa phương thấy đa số các hồ sơ vụ án đã được lập khách quan đầy đủ. Các tài liệu, chứng cứ này được thiết lập, thu thập theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, nhằm chứng minh tội phạm, người phạm tội và các tình tiết khác của vụ án. Tuy nhiên, có số ít vụ án lập hồ sơ không đầy đủ, không khách quan nên vụ án không đưa ra xử lý được.

Diễn hình vụ Nguyễn Chí Thanh và nhiều người khác đánh nhau lúc 20 giờ 30 phút, ngày 04/12/2011 làm chết Tạ Văn Lâm tại khu vực Chợ Đêm thuộc ấp 3 thị trấn Gành Hào, hiện trường ban đêm nhưng không được khám kịp thời, không thu được tang vật và những chứng cứ về hành vi phạm tội, lời khai mâu thuẫn nên không thể truy tố được; Vụ Phạm Hoàng Hải ở Thành phố Bạc Liêu, bắt quả tang có thu ma túy nhưng hiện trường không mô tả rõ vị trí, đặc điểm nên không có cơ sở xác định ai là người có hành vi ném gói ma túy đó nên không xử lý được.

Chứng cứ không đúng trình tự thủ tục, lập không khách quan. Ví dụ vụ án Nguyễn Văn Mạnh ở Phước Long, Cơ quan điều tra bổ sung chứng cứ đánh bạc bằng cách yêu cầu bị can ra chợ mua mới bộ bài nộp cho Điều tra viên làm chứng cứ; hoặc trong hồ sơ có nhiều biên bản ghi lời khai các nhân chứng khác nhau, cùng một thời gian ở hai nơi cách xa nhau nhưng trong biên

bản do một Điều tra lập và ký tên. vụ Nguyễn Văn Tỷ, Lê Minh Chiến, Cơ quan điều tra lập hồ sơ biên bản nhận dạng vụ án không khách quan, đúng người nhưng do điều tra viên tự lập và yêu cầu ký chữ thực ra không có hoạt động điều tra nhận dạng thực tế, vụ án phải đình chỉ.

Nguyên nhân, đa phần do kiểm sát viên thực hiện nhiệm vụ trong quá trình kiểm sát hoạt động điều tra, Kiểm sát viên đã không theo sát tiến độ điều tra của Điều tra viên, không kiểm tra chặt chẽ, không phát hiện kịp thời trong lập hồ sơ của Điều tra viên từ đó thiếu các chứng cứ nên hồ sơ không đủ căn cứ buộc tội.

3.4.7. Nguyên nhân của những hạn chế

Những tồn tại, hạn chế trong thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự của VKSND tỉnh Bạc do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau. Qua nghiên cứu, chúng tôi thấy có những nguyên nhân cơ bản sau:

3.4.7.1. Hạn chế về trình độ, nhận thức và ý thức trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, Kiểm sát viên.

Thứ nhất, trình độ, năng lực một bộ phận cán bộ, KSV còn hạn chế

Phần lớn cán bộ, KSV VKSND trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu là đảm bảo về năng lực chuyên môn công tác, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận cán bộ, KSV thiếu kinh nghiệm thực tiễn, lúng túng trong công tác, một số KSV do còn thiếu kinh nghiệm, kiến thức về quản lý kinh tế, xã hội và chủ quan không thực hiện đầy đủ quy trình nghiệp vụ nên không hoàn thành nhiệm vụ được giao. Vẫn còn một bộ phận cán bộ, KSV còn yếu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Một số KSV còn yếu về kiến thức pháp luật, không cập nhật thường xuyên các văn bản hướng dẫn thi hành, khả năng nghiên cứu tổng hợp, việc

dẫn nhiều va chạm bản quy phạm khác nhau còn hạn chế, chưa nắm vững các quy định pháp luật hình sự và tố tụng hình sự.

Có thể nói, chính tình trạng trình độ, kiến thức và kỹ năng của một số cán bộ, KSV còn yếu; không nắm vững các căn cứ pháp lý và nội dung, phương pháp khi tiến hành thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra vụ án chính là nguyên nhân trước tiên và rất quan trọng dẫn đến hạn chế hoạt động thực hiện chức năng của Viện kiểm sát nhân dân trong lĩnh vực hình sự.

Thứ hai, một số cán bộ, KSV ý thức trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ chưa được đề cao, chưa bám sát kiểm sát ngay từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và trong suốt quá trình điều tra; không đề ra được yêu cầu điều tra có chất lượng để bảo đảm cho việc điều tra thu thập chứng cứ được đầy đủ, đúng pháp luật, tạo điều kiện cho việc quyết định các biện pháp tố tụng của Viện kiểm sát được chính xác, kịp thời.

Thứ ba, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra của lãnh đạo VKS đối với các hoạt động của KSV đôi khi chưa sâu sát, thiếu thận trọng, thậm chí khoán trắng cho KSV dẫn đến vụ án không đủ chứng cứ để truy tố và phải đình chỉ vì lý do không phạm tội. Bố trí cán bộ, KSV thụ lý án có phần dàn đều chưa phân công KSV ngang tầm với số lượng, tính chất phức tạp và nghiêm trọng của từng vụ án.

3.4.7.2. Hạn chế trong công tác tổ chức của VKSND 2 cấp trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

Qua nghiên cứu cho thấy, vẫn còn nhiều hạn chế cả cấp tỉnh và huyện về tổ chức và cán bộ; một số đơn vị chưa đủ cán bộ, kiểm sát viên nên KSV được giao kiểm sát một số lượng vụ án quá nhiều dẫn đến quá tải về công việc xảy ra phổ biến tại phòng 1 VKSND tỉnh, các VKSND cấp huyện có nhiều án như thị xã Giá Rai, thành phố Bạc Liêu, phần nào làm giảm hiệu quả

và tính kịp thời của việc giải quyết vụ án nên kiểm sát viên khó có thể đáp ứng yêu cầu về chất lượng nhất là hoạt động của kiểm sát việc lập hồ sơ vụ án từ đầu, đề ra yêu cầu điều tra, tham gia kiểm sát khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, kiểm sát hoạt động khám xét và hỏi cung bị can để xác định tính có căn cứ cho việc phê chuẩn lệnh, quyết định của Cơ quan điều tra.

3.4.7.3. Chưa giải quyết tốt mối quan hệ phối hợp giữa VKS và cơ quan điều tra

Quan hệ phối hợp giữa VKS và Cơ quan điều tra ở một số đơn vị chưa tốt nên có kiểm sát viên biểu hiện thiếu kiên quyết, nể nang, ngại va chạm để “giữ mối quan hệ” với Cơ quan điều tra nên chưa tạo ra được mối quan hệ phối hợp thực sự hiệu quả trong giải quyết vụ án trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của mỗi ngành; một số KSV chưa nhận thức đầy đủ giữa yêu cầu không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội với việc bảo đảm sự tuân thủ pháp luật trong hoạt động điều tra vụ án.

3.4.7.4. Bất cập về chế độ đãi ngộ và đầu tư cơ sở vật chất đối với ngành Kiểm sát

Thực tế, chế độ tiền lương, phụ cấp, đãi ngộ đối với kiểm sát viên là không tương xứng với trách nhiệm KSV trong hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự. Mức lương của Nhà nước chưa có sự khác biệt cao bản với các đơn vị hành chính khác khác, không tính đến đặc thù nghề nghiệp cũng như trách nhiệm mà đội ngũ cán bộ, KSV đang gánh vác. Thực tiễn đó dẫn đến việc một bộ phận cán bộ KSV có năng lực không yên tâm gắn bó lâu dài với Ngành, nhiều KSV chưa thực sự chuyên tâm học hỏi, nâng cao năng lực nghiệp vụ và kỹ năng nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ hoạt động tố tụng hình sự còn thiếu và chưa hiện đại nên không đáp ứng yêu cầu thực

hiện nhiệm vụ được giao. Kinh phí hoạt động nghiệp vụ, chính sách tiền lương, phụ cấp, nhà ở và điều kiện làm việc phục vụ cho các cán bộ, KSV còn nhiều khó khăn, bất hợp lý và chưa tạo sự toàn tâm, toàn ý để thực hiện nhiệm vụ được giao.

3.4.7.5. Vướng mắc về quy định của pháp luật hình sự và tố tụng hình sự.

Một số quy định của pháp luật hình sự và tố tụng hình sự có nhiều nội dung bất cập, quy định còn chung chung dễ gây vướng mắc như trường hợp về số lượng và giá trị thuốc lá là đối tượng hàng cấm; khối lượng, hàm lượng chất ma túy; khái niệm dấu hiệu tội phạm, cấu thành tội phạm chưa phân biệt rõ ràng; phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, về gây thiệt hại lớn, rất lớn, đặc biệt lớn... là những vấn đề chưa rõ và chưa phù hợp thực tiễn. Cho nên dẫn đến cách hiểu và vận dụng khác nhau giữa Viện kiểm sát và CQĐT, giữa Viện kiểm sát và Tòa án, giữa tỉnh và cấp huyện đã gây ra những khó khăn cho công tác khởi tố, điều tra hoặc truy tố. Hệ thống các cơ quan giám định tư pháp như giám định pháp y, giám định dấu vết, giám định khoa học – kỹ thuật còn thiếu, hạn chế, bất cập gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố, xét xử.

Kết luận chương 3

Nghiên cứu khảo sát thực tiễn, chương 3 của luận án đã phân tích, làm rõ về tổ chức và hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân trên phạm vi địa bàn tỉnh Tỉnh Bạc Liêu trong giai đoạn từ năm 2006 đến 2015.

Trên cơ sở thực tiễn, luận án đã tập trung phân tích, đánh giá các hoạt động nói lên thực trạng cụ thể về: Thực tiễn tổ chức bộ máy thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các VAHS tại tỉnh Bạc Liêu; Thực tiễn thực hành quyền công tố trong điều tra VAHS tại tỉnh Bạc Liêu (gồm thực

tiền khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can; thực tiễn áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn; thực tiễn đề ra yêu cầu điều tra; thực tiễn kết thúc điều tra; thực tiễn tạm đình chỉ điều tra, đình chỉ điều tra); Thực tiễn kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự tại Tỉnh Bạc Liêu (gồm: thực tiễn kiểm sát khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can; Thực tiễn kiểm sát áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong quá trình điều tra; Thực tiễn kiểm sát tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án, bị can).

Từ nghiên cứu, đánh giá kết quả và những hạn chế còn tồn tại của công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra vụ án hình sự tại địa phương; chỉ ra những nguyên nhân khách quan và chủ quan của hạn chế, yếu kém chủ yếu là do tinh thần trách nhiệm của các KSV chưa cao, không thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, quyền hạn do pháp luật quy định nhất là BLTTHS, LTCVKSND và quy chế của ngành. Đây chính là cơ sở thực tiễn quan trọng để đưa ra những giải pháp có hiệu quả, giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bạc Liêu nhằm đạt kết quả tốt hơn trong thời gian tới theo yêu cầu cải cách tư pháp, sẽ được trình bày trong chương 4.

CHƯƠNG 4

GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ VÀ KIỂM SÁT HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ

4.1. Hoàn thiện pháp luật về thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự

Vì là luật cơ bản ở Việt nam, Hiến pháp 2013 phải được thực hiện bằng cơ chế riêng. Đối với quy định tại Điều 107 Hiến pháp 2013 cũng vậy, “*Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp*”, phải được thực hiện thông qua các luật chuyên ngành, trong đó có quy định về *thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự*.

Như vậy, trong bối cảnh hiện nay, khi mà Hiến pháp mới, Hiến pháp 2013 có hiệu lực pháp luật và việc triển khai thực hiện từ đó đến nay đã có những sản phẩm cụ thể là các Luật chuyên ngành như Luật Tổ chức viện Kiểm sát 2014, Luật tổ chức tòa án 2014, Bộ luật TTHS 2015, Luật tổ chức điều tra hình sự 2015... được ban hành, thì quy định của pháp luật hay gọi tắt là pháp luật (mới) về thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự đã hiện hữu và có hiệu lực pháp luật. Vì thế, pháp luật (mới) này phải được thực hiện và thực hiện đúng. Cái nghĩa “đúng” ở đây không chỉ là hiểu đúng và làm đúng, mà còn bao hàm cả việc tiếp tục hoàn thiện.

4.1.1. Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về thực hành quyền công tố

Vấn đề đặt ra là cải cách tư pháp theo Nghị Quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 06 năm 2005 “Coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tố tụng tư pháp” “hoàn thiện về pháp luật tố tụng hình sự” “nâng cao tính độc lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi và quyết định tố tụng”...[9].

Giai đoạn điều tra vụ án hình sự là giai đoạn thứ hai của quá trình tố tụng hình sự được Bộ luật tố tụng hình sự BLTTHS năm 2015 [14, tr 17]. Giai đoạn điều tra được xác định bắt đầu từ khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự cho đến khi Cơ quan điều tra kết luận điều tra đề nghị truy tố. Giai đoạn điều tra có nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, bởi kết quả của hoạt động điều tra nhằm phục vụ cho việc quyết định truy tố và xét xử của Tòa án.

Nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND trong giai đoạn này là thực hành quyền công tố và kiểm sát chặt chẽ các hoạt động điều tra. Trong đó, Nhà nước thông qua chức năng của VKSND để bảo đảm hoạt động chứng minh tội phạm và người phạm tội, truy cứu trách nhiệm hình sự đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 165 BLTTHS năm 2015, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự như sau:

1. Yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố hoặc thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can.
2. Phê chuẩn hoặc hủy bỏ quyết định khởi tố, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can không có căn cứ và trái pháp luật.
3. Khởi tố, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can trong các trường hợp do Bộ luật này quy định.
4. Phê chuẩn, không phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ, việc tạm giam, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, khám xét, thu giữ, tạm giữ đồ vật, thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt; phê chuẩn, không phê chuẩn các quyết định tố tụng khác không có căn cứ và trái pháp luật của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của Bộ

luật này; hủy bỏ các quyết định tố tụng không có căn cứ và trái pháp luật của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Trường hợp không phê chuẩn hoặc hủy bỏ thì trong quyết định không phê chuẩn hoặc hủy bỏ phải nêu rõ lý do.

5. Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế theo quy định của Bộ luật này.

6. Đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra tiến hành điều tra để làm rõ tội phạm, người phạm tội; yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị can, áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

7. Trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra trong trường hợp để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi xét phê chuẩn lệnh, quyết định của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc trường hợp phát hiện có dấu hiệu oan, sai, bỏ lọt tội phạm, vi phạm pháp luật mà Viện kiểm sát đã yêu cầu bằng văn bản nhưng không được khắc phục hoặc trường hợp để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi quyết định việc truy tố.

8. Khởi tố vụ án hình sự khi phát hiện hành vi của người có thẩm quyền trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong việc khởi tố, điều tra có dấu hiệu tội phạm; yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố vụ án hình sự khi phát hiện hành vi của người có thẩm quyền trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong việc khởi tố, điều tra có dấu hiệu tội phạm.

9. Quyết định việc gia hạn thời hạn điều tra, thời hạn tạm giam; quyết định chuyển vụ án, áp dụng thủ tục rút gọn, áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh; hủy bỏ quyết định tách, nhập vụ án.

10. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong việc thực hành quyền công tố theo quy định của Bộ luật này.

Pháp luật tổ tụng hình sự giao CQĐT có thẩm quyền điều tra đồng thời ra các quyết định khởi tố vụ án khi xác định có dấu hiệu tội phạm xảy ra và quyết định khởi tố bị can khi xác định một người cụ thể thực hiện hành vi phạm tội theo BLHS quy định. Cơ quan điều tra phải gửi quyết định khởi tố vụ án kèm theo các tài liệu có liên quan cho Viện kiểm sát cùng cấp nếu thấy đủ căn cứ thì Viện kiểm sát phải thông báo chấp thuận bằng văn bản cho Cơ quan điều tra biết (Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT-VKSTC-BCA-BQP ngày 7/9/2005); Tương tự như thế quyết định khởi tố bị can phải có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát (Điều 165 BLTTHS năm 2015).

Vấn đề cần hoàn thiện pháp luật ở góc độ tác giả nhìn nhận nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát thực hành quyền công tố xuyên suốt trong quá trình điều tra vụ án nhưng CQĐT vẫn thực hiện hoạt động điều tra một cách chủ động và độc lập theo pháp luật quy định khi ra các quyết định khởi tố vụ án và khởi tố bị can.

Trong thực tiễn, hầu hết các quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can do CQĐT thực hiện và khi có căn cứ thì Viện kiểm sát phải ra văn bản thông báo chấp nhận (quyết định khởi tố vụ án) và quyết định phê chuẩn (quyết định khởi tố bị can); nếu ngược lại thì quyết định đó sẽ bị huỷ bỏ hoặc đe dọa bị huỷ ngay lập tức. Điều này có thể hiểu, xét đến cùng, việc khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can là do VKS quyết định.

Vậy điều gì sẽ xảy ra nếu pháp luật không đòi hỏi phải có văn bản của VKS chấp thuận hay phê chuẩn?

Tác giả nghĩ rằng sẽ rất thuận tiện và đơn giản khi quyết định khởi tố của CQĐT có căn cứ và đúng pháp luật; không cần văn bản chấp thuận hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát có nghĩa là CQĐT ra quyết định một cách độc

lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thực hiện hành vi của mình. Điều này quan trọng ở chỗ không chỉ giảm bớt thủ tục, công cán mà quan trọng hơn là tính chủ động của Cơ quan điều tra, một khi hoạt động của CQĐT có thẩm quyền quyết định có căn cứ và đúng pháp luật thì cứ thực hiện. Có chi phải mong Viện kiểm sát có văn bản chấp thuận hoặc phê chuẩn một việc đã đúng pháp luật rồi. Tác giả nghĩ, Viện kiểm sát không cần can thiệp hành vi ra quyết định đúng này (có căn cứ theo pháp luật quy định), ví như người lái xe đang tham gia giao thông không cần phải báo với Cảnh sát rằng tôi đang lái xe an toàn. VKS chỉ can thiệp và tác động khi phát hiện CQĐT quyết định không có căn cứ ví như quyền huỷ bỏ quyết định khởi tố của CQĐT chẳng hạn.

Vậy có làm cho Viện kiểm sát mất quyền tố tụng và theo đó từ bỏ thực hành quyền công tố hay không? Trả lời ngay là không, bởi các lý do sau:

Một là, VKS sẽ thực hiện quyền huỷ bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự của CQĐT khi quyết định đó không có căn cứ, không đúng pháp luật (khoản 4 Điều 165 BLTTHS năm 2015), thực chất là Viện kiểm sát vẫn quyết định và chỉ phối việc ra quyết định khởi tố của CQĐT.

Về hình thức, văn bản thông báo thể hiện sự có mặt của Viện kiểm sát và về nội dung là đồng ý việc khởi tố của CQĐT, nhưng chính việc đó đã tác động đến mức không cần thiết khi hoạt động ra quyết định của CQĐT đúng pháp luật; hay nói cách khác ý nghĩa của việc đó không đáng kể, bởi vì, khi VKS ra văn bản thông báo chấp nhận quyết định của CQĐT thực ra VKS đã xem xét và biết được quyết định đó của CQĐT đã đúng rồi (nếu không đã bị huỷ bỏ theo Điều 165 BLTTHS năm 2015).

Ba là, VKS thực hiện cùng lúc 2 chức năng trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, tại khoản 1 Điều 166 BLTTHS năm 2015, về nhiệm vụ quyền hạn của Viện kiểm sát khi kiểm sát hoạt động điều tra vụ án hình sự cũng quy định kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc khởi tố của Cơ quan điều tra.

Theo tác giả đây là trường hợp pháp luật quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát có sự trùng lặp trong thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra và làm hạn chế đi tính chủ động, độc lập của CQĐT nữa.

- BLTTHS giai đoạn đầu của TTHS nên bổ sung thành giai đoạn khởi tố.

-Chấm dứt các hướng dẫn ví dụ TT05; TT06...

4.1.2. Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự

BLTTHS năm 2015 đã tăng quyền, tăng trách nhiệm cho các chức danh tư pháp trong đó tăng quyền và trách nhiệm cho kiểm sát viên nhất là quyền quyết định áp giải người bị bắt, bị can; dẫn giải người làm chứng, người bị tố giác, bị kiến nghị khởi tố, bị hại... mục tiêu để kiểm sát viên có sự chủ động trong thực thi nhiệm vụ, nâng cao tính độc lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi và quyết định tố tụng của mình.

BLTTHS năm 2015 đã phân định thẩm quyền cho người trực tiếp tiến hành tố tụng. Tuy nhiên, mục tiêu lớn hơn của hoạt động nghiệp vụ giải quyết vụ án là bảo đảm thành công vụ án đó vẫn chưa gắn kết trách nhiệm cho người trực tiếp thực hiện mà vẫn còn phụ thuộc vào Viện trưởng, Phó Viện trưởng nhưng không rõ về trách nhiệm nên tính độc lập và tính chịu trách nhiệm cá nhân kiểm sát viên chưa cao

4.2. Tăng cường thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự

4.2.1. Tiếp tục thực hiện chủ trương tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra

Viện kiểm sát hai cấp tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 37/2012/QH13 ngày 23/11/2012, Nghị quyết số 63/2013/QH13 ngày 27/11/2013, Nghị quyết số 96/2015/QH13 ngày 26/6/2015, Nghị quyết số

111/2015/QH13 ngày 27/11/2015, Chỉ thị số 06/CT-VKSTC ngày 06/12/2013, Chỉ thị số 04/CT-VKSTC ngày 10/7/2015 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về *“Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra”*, *“Tăng cường các biện pháp phòng chống oan, sai,...”*, tổ chức kiểm sát chặt chẽ, đầy đủ, toàn diện hoạt động điều tra, các lệnh, quyết định của Cơ quan điều tra, kịp thời phát hiện vi phạm, kiên quyết hủy bỏ, kiến nghị hoặc yêu cầu khắc phục, bảo đảm hoạt động điều tra tuân thủ đúng quy định pháp luật; tăng cường công tác kiểm sát hoạt động điều tra và đề ra các yêu cầu điều tra, nâng cao chất lượng, số lượng các yêu cầu điều tra; thực thi đầy đủ, hiệu quả nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định để chống oan, sai, chống bỏ lọt tội phạm ngay từ giai đoạn đầu của tố tụng hình sự và bảo đảm hoạt động điều tra có căn cứ, đúng pháp luật. Kiên quyết không để xảy ra quá hạn tạm giữ, tạm giam; đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án do không phạm tội; đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự trái pháp luật dẫn đến bỏ lọt tội phạm hoặc để né tránh việc bồi thường; thực hiện các giải pháp để giảm tỷ lệ trả hồ sơ để điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng. Nâng cao chất lượng kiểm sát việc lập hồ sơ vụ án; bảo đảm truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan tiến hành tố tụng đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng giải quyết các vụ án hình sự; quán triệt thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về *“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng”*, kiểm sát chặt chẽ việc giải quyết các vụ án tham nhũng ở địa phương, nhất là các vụ án tham nhũng thuộc diện Ban Nội chính tỉnh ủy theo dõi, chỉ đạo; kiểm sát chặt chẽ các vụ việc có dấu hiệu tội phạm về tham nhũng do cơ quan Thanh tra, Kiểm toán Nhà nước kiến nghị khởi tố; nâng cao chất lượng công tác phát hiện, xử lý án tham nhũng thuộc trách nhiệm của Ngành.

Kiểm sát chặt chẽ việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can; kiên quyết, không chấp nhận việc khởi tố vụ án hoặc không khởi tố vụ án không có căn cứ và trái pháp luật; yêu cầu khởi tố bị can khi đã đủ căn cứ phạm tội nhưng kiên quyết từ chối phê chuẩn các quyết định khởi tố bị can không có căn cứ và trái pháp luật. Bám sát các hoạt động điều tra, kịp thời đề ra yêu cầu điều tra, nhất là khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, khám xét và hỏi cung bị can. Kiểm sát chặt chẽ việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn, nhất là các biện pháp tạm thời hạn chế quyền tự do, dân chủ công dân của người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam và các biện pháp cưỡng chế. Trước khi kết thúc điều tra phải nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, chủ động phối hợp chặt chẽ với Điều tra viên rà soát, đánh giá chứng cứ và các thủ tục, biện pháp tố tụng đã áp dụng.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các biện pháp quản lý, chỉ đạo, điều hành, nâng cao chất lượng ban hành Kế hoạch, Chỉ thị công tác; thực hiện nhiều hoạt động thiết thực hướng về cơ sở, nhất là Viện kiểm sát cấp huyện. Tập trung nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, xây dựng, hướng dẫn áp dụng pháp luật; chỉ đạo tổ chức nhiều phiên tòa rút kinh nghiệm, tăng cường thông báo rút kinh nghiệm. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra của cấp trên và công tác tự kiểm tra của Viện kiểm sát các cấp. Phát huy bước đầu hiệu quả hệ thống Thanh tra: tổ chức, hoạt động, xây dựng hệ thống thanh tra ngành; thành lập các đơn vị, bộ phận làm công tác thanh tra tại Viện kiểm sát cấp tỉnh. Kết hợp thanh tra, kiểm tra toàn diện các lĩnh vực và thanh tra, kiểm tra theo chuyên đề; tập trung kiểm tra hai nội dung liên quan đến trách nhiệm của VKSND trong thực hiện Nghị quyết số 63/2013/QH13, Nghị quyết số 111/2015/QH13 của Quốc hội; Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra góp phần quan trọng nâng cao kỷ cương, kỷ luật nội vụ, nghiệp vụ, chấn chỉnh công tác quản lý, điều hành trong toàn Ngành, tiến hành xử lý nghiêm minh, kịp thời

những cá nhân, tập thể vi phạm, đặc biệt là để xảy ra oan, sai. Những khiếu nại, tố cáo về cán bộ trong Ngành đều được thụ lý, xác minh kịp thời và xử lý đúng pháp luật.

Kiểm sát viên được phân công cần xây dựng kế hoạch đảm bảo bám sát tiến độ giải quyết án của Cơ quan điều tra ngay từ đầu và trong suốt quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ. Thông qua việc xây dựng Kế hoạch giúp Kiểm sát viên bám sát hồ sơ vụ án ngay từ khi có quyết định khởi tố vụ án, quyết định phân công Điều tra viên điều tra vụ án, chủ động trong việc đề ra yêu cầu điều tra, chủ động về thời gian giải quyết vụ án, kịp thời báo cáo lãnh đạo đơn vị những vấn đề mới phát sinh xin ý kiến chỉ đạo; đồng thời trên cơ sở nội dung của bản Kế hoạch lãnh đạo đơn vị nắm chắc được nội dung vụ án, những khó khăn, vướng mắc và tiến độ giải quyết vụ án, kịp thời kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở Kiểm sát viên bám sát tiến độ điều tra, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm; bảo đảm việc truy cứu trách nhiệm hình sự đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, hạn chế đến mức thấp nhất việc bỏ lọt tội phạm, kiên quyết không để xảy ra oan sai.

Thực hiện tốt công tác kiểm sát việc chấp hành pháp luật trong hoạt động điều tra, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Theo đó bảo đảm các quyền tự do, dân chủ và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, quyền con người, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, góp phần duy trì ổn định và phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục triển khai nhiều biện pháp nhằm thực hiện tốt chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra để kịp thời phát hiện vi phạm, yêu cầu khắc phục, chấn chỉnh, phòng ngừa, bảo đảm pháp chế trong hoạt động điều tra theo yêu cầu Nghị quyết số 37/2012/QH13, tập trung kiểm tra hai nội dung liên quan đến trách nhiệm của VKSND trong thực hiện Nghị quyết số 63/2013/QH13, Nghị quyết số 111/2015/QH13 của Quốc hội. Cần chủ

động trao đổi với Cơ quan điều tra xây dựng Quy chế phối hợp trong giải quyết các vụ án hình sự, xây dựng mối quan hệ thực chất, hiệu quả trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mỗi ngành nhằm tạo điều kiện để ĐTV, KSV làm tốt chức trách, nhiệm vụ của mình; nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, ngay từ giai đoạn đầu của vụ án hình sự, nhằm đẩy nhanh tiến độ giải quyết án.

Tích cực xây dựng các chuyên đề nghiệp vụ, tổng kết kinh nghiệm, trong đó chú trọng các chuyên đề nghiệp vụ như: kinh nghiệm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; kinh nghiệm THQCT trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự; kinh nghiệm phối hợp với Điều tra viên trong giai đoạn chuẩn bị kết thúc điều tra; kinh nghiệm xây dựng bản cáo trạng... để tổ chức tập huấn nhằm nâng cao kỹ năng thực hành quyền công tố cho cán bộ, KSV làm công tác này. Nghiên cứu sửa đổi Quy chế thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong điều tra các vụ án hình sự (ban hành kèm theo Quyết định số 07/QĐ-VKSTC ngày 2/1/2008 của Viện trưởng VKSNDTC) theo hướng bổ sung những quy định nhằm thực hiện tốt những yêu cầu mới theo Luật tổ chức VKSND 2014.

4.2.2. Nâng cao chất lượng đề ra yêu cầu điều tra

Trong những năm qua, hoạt động đề ra yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát nhân dân đã có chuyển biến tích cực, Viện kiểm sát đề ra nhiều yêu cầu điều tra hơn trong quá trình thực hành quyền công tố. Tuy nhiên, bên cạnh đó một số Kiểm sát viên không nắm chắc tiến độ, nội dung hồ sơ vụ án nên yêu cầu còn chung chung, thậm chí có những yêu cầu điều tra đề ra nhưng không thể thực hiện được. Mặt khác, một số Điều tra viên chưa coi trọng vị trí và tầm quan trọng của bản yêu cầu điều tra nên làm không đầy đủ, từ đó số lượng trả hồ sơ để điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng vẫn còn

xảy ra. Do đó, việc nâng cao chất lượng đề ra yêu cầu điều tra là nhu cầu rất cần thiết hiện nay nhằm góp phần hạn chế việc trả hồ sơ điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng.

Trước hết, Kiểm sát viên phải nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của bản yêu cầu điều tra; đề ra yêu cầu điều tra vừa là trách nhiệm vừa là quyền hạn thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát. Bản yêu cầu điều tra không chỉ thể hiện sâu sắc vai trò, địa vị của Viện kiểm sát trong thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra theo Nghị quyết 49 của Bộ Chính trị mà luôn có ý nghĩa góp phần cho Điều tra viên thu thập, củng cố chứng cứ và thủ tục tố tụng, thúc đẩy tiến độ điều tra được nhanh chóng, đúng pháp luật, khách quan, toàn diện và đầy đủ.

Viện trưởng Viện kiểm sát các cấp phải quan tâm hoạt động đề ra yêu cầu của Kiểm sát viên, thường xuyên theo dõi, quản lý, đôn đốc, kiểm tra chất lượng và hiệu quả của Văn bản yêu cầu điều tra; theo dõi sự đồng thuận của Cơ quan điều tra và Điều tra viên trong việc chấp nhận, tổ chức thực hiện yêu cầu điều tra của Kiểm sát viên. Qua đó, có thể đánh giá được năng lực, trình độ và uy tín của từng Kiểm sát viên trong hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra.

Bản yêu cầu điều tra phải tập trung nêu lên được những vấn đề chưa được Cơ quan điều tra chứng minh, làm rõ trong vụ án. Kiểm sát viên hết sức tránh không nêu những yêu cầu có nội dung mà Điều tra viên đã thực hiện hoặc không thể thực hiện, làm như thế dễ dẫn đến sự phản ứng của Điều tra viên và Cơ quan điều tra, làm cho bản yêu cầu điều tra không phát huy được hiệu quả.

Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra phải phối hợp chặt chẽ ngay từ khi tiếp nhận, phân loại tố giác, tin báo về tội phạm và trong suốt quá trình điều tra, xác minh tin báo. Kiểm sát viên phải kịp thời trao đổi với Điều tra viên

được phân công điều tra vụ án về những vấn đề cần điều tra ngay từ khi khám nghiệm hiện trường, kiểm sát việc khởi tố vụ án, và trong quá trình điều tra, bảo đảm Cơ quan điều tra nhanh chóng thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ của vụ án.

Kiểm sát viên phải thường xuyên theo dõi, nắm chắc tiến độ điều tra tố giác, tin báo, nghiên cứu kỹ các tài liệu, chứng cứ do Điều tra viên đã thu thập, kịp thời đề ra yêu cầu điều tra, chủ động phối hợp với Điều tra viên để điều tra làm rõ những vấn đề cần chứng minh, kiểm sát chặt chẽ các hoạt động điều tra, xác minh, tố giác, tin báo của Cơ quan điều tra, bảo đảm việc điều tra, xác minh, tố giác, tin báo về tội phạm khách quan, toàn diện, đúng pháp luật.

Kiểm sát viên có thể trực tiếp đề ra yêu cầu điều tra bằng lời trong quá trình kiểm sát khám nghiệm hiện trường, khám xét, hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng, người bị hại, đối chất, thực nghiệm điều tra. Đối với các trường hợp khác khi đề ra yêu cầu điều tra, Kiểm sát viên phải có văn bản nêu rõ những vấn đề cần điều tra để củng cố chứng cứ hoặc để làm rõ những tình tiết liên quan đến những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự được quy định tại Điều 63 của BLTTHS. Đối với những vụ án trọng điểm, phức tạp thì Kiểm sát viên phải xin ý kiến chỉ đạo của Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát trước khi ký văn bản yêu cầu điều tra.

Điều tra viên được phân công điều tra vụ án phải nghiên cứu để tiến hành điều tra những vấn đề mà Kiểm sát viên yêu cầu; nếu thấy cần thì trao đổi với Kiểm sát viên để làm rõ nội dung những yêu cầu đó. Trường hợp không nhất trí thì Điều tra viên báo cáo Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra; Kiểm sát viên báo cáo Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát để thống nhất chỉ đạo việc điều tra. Trường hợp Cơ quan điều tra không thực hiện những yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát thì nêu rõ lý do trong Bản kết

luận điều tra, khắc phục việc Viện kiểm sát trả hồ sơ để điều tra bổ sung dẫn đến việc giải quyết vụ án bị kéo dài.

4.2.3. Hạn chế việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung

Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy nếu Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra thực hiện đầy đủ quyền hạn, nhiệm vụ theo quy định của BLTTHS, bám sát tiến độ điều tra nhằm khắc phục kịp thời những thiếu sót về chứng cứ hoặc vi phạm tố tụng, sẽ hạn chế việc trả hồ sơ điều tra bổ sung.

Ngành kiểm sát Bạc Liêu tuy các năm qua có nhiều cố gắng trong việc hạn chế số lượng vụ án trả điều tra bổ sung, số lượng điều tra bổ sung ngày càng giảm hơn trong tổng số các vụ án thụ lý nhưng qua thực tiễn thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra giải quyết các vụ án hình sự cho thấy luôn luôn tiềm ẩn số lượng vụ án trả điều tra bổ sung sẽ tăng cao nếu kiểm sát viên lơ đãng không quan tâm thực hiện trách nhiệm quyền hạn tố tụng trong quá trình điều tra vụ án.

Thật ra trả hồ sơ để điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung và trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung không phải là nguyên nhân làm cho chất lượng hoạt động của VKS, CQĐT kém đi mà nó là cái thể hiện rõ nét nhất chất lượng hoạt động kém của VKS và CQĐT trong từng vụ án hình sự cụ thể. Trả hồ sơ điều tra bổ sung chính là nhằm khắc phục thiếu sót, hạn chế (nhu cầu cần thiết) trong quá trình điều tra vụ án hình sự mà trách nhiệm khắc phục không ai khác ngoài CQĐT và VKS. Do vậy, BLTTHS đòi hỏi KSV, ĐTV phải nâng cao ý thức trách nhiệm của mình ngay từ khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và khởi tố vụ án. Kiểm sát viên phải nghiên cứu kỹ hồ sơ, tài liệu xác minh ban đầu, kiểm sát chặt chẽ việc phê chuẩn các quyết định tố tụng. Bám sát tiến độ điều tra, chủ động đề ra yêu cầu điều tra nhằm khắc phục kịp thời những thiếu sót về chứng cứ, về trình tự, thủ tục tố tụng, về thẩm quyền tố tụng. Trước khi kết thúc điều tra vụ án, Kiểm sát viên

phải phối hợp chặt chẽ với Điều tra viên rà soát lại toàn bộ chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các thủ tục tố tụng đối với vụ án, bị can. Khi cần thiết, Kiểm sát viên có thể trực tiếp cùng Điều tra viên hỏi bản cung tổng hợp để đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ phạm tội của từng bị can trong vụ án. Sau khi kết thúc điều tra, Kiểm sát viên tiếp tục nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, phát hiện kịp thời những mâu thuẫn trong vụ án, thực hiện phúc cung tổng hợp đối với từng bị can, nhất là đối với những bị can phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, chối tội, phản cung hoặc có những mâu thuẫn giữa các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án, đề xuất đường lối xử lý vụ án, bị can có căn cứ và đúng pháp luật.

4.2.4. Tăng cường các biện pháp phòng chống oan, sai

Trước tình hình tội phạm diễn biến phức tạp, có xu hướng gia tăng, mặc dù các cơ quan tư pháp đã có nhiều cố gắng trong giải quyết các vụ án hình sự nhưng nhiều lý do chủ quan và khách quan vẫn còn để xảy ra oan, sai. Để tạo bước chuyển biến tích cực, hạn chế thấp nhất các trường hợp oan sai, ngành Kiểm sát Bạc Liêu hướng tới cần thực hiện các biện pháp cụ thể sau:

Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của Viện Kiểm sát nhân dân theo quy định của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 và Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, nâng cao vai trò của Viện kiểm sát trong tất cả các giai đoạn tố tụng trong đó tích cực quan tâm công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát ngay từ khi giải quyết tin báo, tố giác tội phạm; đây là khâu đầu tiên nhằm thực hiện có hiệu quả chủ trương tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra nhưng đồng thời cũng là biện pháp để chống oan sai trong hoạt động điều tra vụ án.

Nâng cao trách nhiệm của Kiểm sát viên, lãnh đạo đơn vị trong Kiểm sát khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can, phê chuẩn khởi tố bị can, phê chuẩn các biện pháp ngăn chặn, các biện pháp hạn chế quyền con người, quyền công

dân; kiểm sát chặt chẽ việc tạm giữ, tạm giam, bảo đảm kịp thời phát hiện sớm các trường hợp có dấu hiệu bị bức cung, nhục hình, xử lý nghiêm minh các đơn vị, cá nhân có liên quan đến bức cung, nhục hình.

Nhằm tránh trường hợp kết thúc điều tra vụ án mới đề xuất trả hồ sơ điều tra bổ sung. Trước khi kết thúc điều tra vụ án hình sự, Kiểm sát viên cần nghiên cứu thật kỹ hồ sơ, xem xét, đánh giá khách quan, toàn diện các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được. Cụ thể, kiểm sát viên thụ lý vụ án phải trực tiếp làm việc với bị can về những nội dung đã khai nhận tại Cơ quan điều tra để đánh giá lại tính đúng đắn của lời khai như có trung thực và khách quan hay không; có bị bức cung, nhục hình hoặc kêu oan hay không để có hướng giải quyết kịp thời.

Kiểm sát chặt chẽ các trường hợp đình chỉ điều tra, miễn trách nhiệm hình sự, hạn chế đến mức thấp nhất việc đình chỉ điều tra do hành vi không cấu thành tội phạm, bảo đảm chính xác thận trọng khi ra quyết định đình chỉ vụ án, đình chỉ bị can. Người đứng đầu Viện kiểm sát cấp tỉnh và cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra chặt chẽ đối với quyết định đình chỉ bị can theo Khoản 1 và 2, Điều 25 Bộ luật hình sự, Khoản 2 Điều 107 Bộ luật tố tụng hình sự tránh oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

Đặt biệt, cần tạo điều kiện thuận lợi để luật sư nghiên cứu hồ sơ, có mặt sớm trong giai đoạn điều tra vụ án, tôn trọng và xem xét đầy đủ, kịp thời ý kiến của người bào chữa, người tham gia tố tụng khác nhằm bảo đảm việc điều tra, thu thập chứng cứ khách quan, toàn diện và đúng pháp luật. Coi đây là giải pháp để hạn chế sai lầm trong quá trình điều tra và nâng cao chất lượng tranh tụng trong quá trình điều tra.

Tăng cường công tác tổng kết thực tiễn, hướng dẫn chỉ đạo nghiệp vụ, thông báo rút kinh nghiệm kịp thời đối với các vụ án trả hồ sơ điều tra bổ sung, vụ án bị Tòa án hủy án, án đình chỉ điều tra do không phạm tội, vụ án

Tòa tuyên không phạm tội và các vi phạm khác trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với những vụ án phức tạp, nghiêm trọng, vụ án có quan điểm khác nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng cấp huyện phải thực hiện báo cáo thỉnh thị cấp tỉnh. Viện kiểm sát tỉnh khi nhận được báo cáo thỉnh thị phải kiểm tra lại hồ sơ tài liệu và sớm có chỉ đạo kịp thời.

Đề cao trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm tập thể đối với các vụ việc oan, sai. Xử lý nghiêm minh, các cán bộ, Kiểm sát viên vi phạm pháp luật và quy chế của Ngành trong quá trình giải quyết vụ án, nhất là đối với trường hợp xảy ra oan, sai nghiêm trọng. Đơn vị để xảy ra oan, sai thì thủ trưởng đơn vị đó chịu trách nhiệm trước Viện trưởng VKSNDTC; kiên quyết không xét các danh hiệu thi đua đối với đơn vị có án oan.

Chú trọng giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức và bản lĩnh nghề nghiệp và trách nhiệm công vụ cho đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên; điều chuyển bố trí sử dụng phù hợp với năng lực, sở trường, kỷ luật nghiêm minh đối với cán bộ có vi phạm phẩm chất đạo đức hoặc kỷ luật nghiệp vụ. Có biện pháp nhằm điều chuyển biên chế phù hợp cho các Viện kiểm sát địa phương và trong mỗi VKS địa phương nhằm đảm bảo đủ cán bộ có chức năng pháp lý để thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra, giảm bớt áp lực công việc vì lý do thiếu cán bộ.

Nâng cao trách nhiệm của Viện kiểm sát trong giải quyết bồi thường thiệt hại cho người bị oan, nhất là các trường hợp đã có đơn yêu cầu bồi thường để kịp thời giải quyết; Thực hiện cơ chế quy trách nhiệm cá nhân một cách nghiêm túc, xem xét trách nhiệm hoàn trả đối với người thi hành công vụ đã gây thiệt hại theo luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

4.3. Tăng cường tổ chức và nguồn lực thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự

4.3.1. Hoàn thiện tổ chức

Theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị xác định việc đổi mới tổ chức của Viện kiểm sát nhân dân phải tiến hành đồng bộ, phải được đặt trong tổng thể đổi mới và kiện toàn các cơ quan tư pháp, đảm bảo tính độc lập và nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động tư pháp, bảo đảm tính liên tục hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật.

Tổ chức thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra là bộ phận cấu thành quan trọng của tổ chức Viện kiểm sát nhân dân. Viện kiểm sát nhân dân phải tiếp tục có sự đổi mới mạnh mẽ về tổ chức để đáp ứng yêu cầu tăng cường công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra, tăng cường trách nhiệm của Viện kiểm sát theo những quy định mới của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 và BLTTHS năm 2015, cần có các giải pháp sau về tổ chức như sau:

Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân (sửa đổi) được Quốc hội Khoá 13 thông qua ngày 24/11/2014, đã xác định tổ chức hệ thống Viện kiểm sát nhân dân có 04 cấp kiểm sát là: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Viện kiểm sát nhân dân huyện, quận, thành phố, thị xã thuộc tỉnh. Trong đó ở cấp tỉnh có thể có nhiều phòng làm công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra và cấp huyện có thể có phòng hoặc có bộ phận trực thuộc đảm nhiệm công tác này.

Trước yêu cầu công tác thời gian tới, tổ chức bộ máy và đội ngũ công chức của Phòng, Bộ phận thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều

tra ngành Kiểm sát nhân dân tại Tỉnh Bạc Liêu cần phải tiếp tục được hoàn thiện và tăng cường hơn.

Viện kiểm sát tỉnh cần thiết thành lập đơn vị cấp phòng làm nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Viện kiểm sát cấp huyện có Bộ phận chuyên trách tương tự để thực hiện nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố tại Viện kiểm sát cấp huyện. Ở Viện kiểm sát cấp tỉnh, trước đến nay việc này thuộc Phòng 1 đảm nhiệm, tuy nhiên với khối lượng công việc của Phòng thường tập trung thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra vụ án và không tập trung quan tâm kiểm sát giải quyết tố giác, tin báo tội phạm nên thường để mặc Cơ quan điều tra thực hiện thụ lý và giải quyết tin báo tội phạm. Mặt khác, cần có đơn vị cấp phòng để đáp ứng yêu cầu trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố khi Viện kiểm sát phát hiện Cơ quan điều tra có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong hoạt động kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố hoặc có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm mà Viện kiểm sát đã yêu cầu nhưng không được khắc phục.

Để tăng cường hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra tại Viện kiểm sát cấp tỉnh cần tách phòng thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm án hình sự đã có từ nhiều năm nay. Thành lập thêm Phòng thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm án hình sự về trật tự xã hội và Phòng thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm án hình sự về kinh tế, chức vụ trên cơ sở tách Phòng 1 Viện kiểm sát Tỉnh.

Do đó, về tổ chức bộ máy của thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra trong Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bạc Liêu trong thời gian tới cần tổ chức thành 2 phòng: Phòng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra,

kiểm sát xét xử án trật tự xã hội (làm cả các vụ án an ninh, ma túy) và Phòng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm án kinh tế (làm cả các vụ án tham nhũng, chức vụ); Còn thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra tại Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện được tổ chức như hiện nay là phù hợp.

Với chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức bộ máy của Phòng biên chế cán bộ đòi hỏi phải đảm bảo như sau:

Phòng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử án trật tự xã hội. Với khối lượng công việc và tính chất đặc thù của các nhiệm vụ về công tác đòi hỏi phòng phải có từ 05 đến 06 biên chế mới có thể đảm đương các nhiệm vụ được giao. Cơ cấu cán bộ gồm có: 01 Trưởng phòng và 01 Phó Trưởng phòng; 01 Kiểm sát viên trung cấp, 01 kiểm tra viên và 02 Chuyên viên.

Phòng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm án kinh tế. Với chức năng, nhiệm vụ của phòng là tổ chức thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm án kinh tế, chức vụ, tham nhũng; mỗi năm số lượng án tuy không nhiều hơn án trật tự xã hội nhưng thường là án phức tạp, kéo dài, cần nhiều kiến thức tài chính, kế toán... nên cũng phải có số lượng và cơ cấu cán bộ tương đương. Tuy nhiên, trong từng thời điểm, có thể điều động cho nhau số cán bộ, kiểm sát viên thực hiện nhiệm vụ của 2 phòng tùy theo nhu cầu số lượng án của từng phòng. Với cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế của các phòng nêu trên, đòi hỏi trong thời gian tới cần có 12 biên chế; trong đó, có 02 kiểm sát viên trung cấp lãnh đạo cấp trưởng phòng và 02 Phó phòng.

Tuy nhiên, Phòng 1 Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh hiện tại chỉ có 8 biên chế được giao; trong đó, có 02 lãnh đạo đơn vị (01 Trưởng phòng và 01 Phó trưởng phòng). Do đó, cần phải củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ, Kiểm sát

viên Phòng 1 của Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh theo hướng kiện toàn lãnh đạo, quản lý của đơn vị thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra thành 2 phòng, bảo đảm mỗi phòng có Trưởng phòng và có 01 Phó Trưởng phòng. Hướng tới, cần bổ sung cho 2 Phòng có ít nhất 12 biên chế, mỗi phòng có 06 biên chế mới có thể đáp ứng yêu cầu tăng cường hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra tại Viện kiểm sát nhân dân tỉnh.

Về kiện toàn tổ chức bộ máy VKSND cấp huyện, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân và theo đó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Tối cao quy định đối với đơn vị Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện từ 30 biên chế trở lên và 550 vụ án/năm mới được lập Văn phòng và các Phòng trực thuộc. Qua khảo sát khối lượng công việc, thực trạng tổ chức bộ máy và chỉ tiêu biên chế hiện có của Viện kiểm sát nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Bạc Liêu thì không có đơn vị nào đạt yêu cầu để thành lập Văn phòng và các Phòng như quy định của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao. Do đó, trên cơ sở bộ máy hiện có, VKSND cấp huyện cần củng cố các bộ phận công tác theo hướng phân công, bố trí hợp lý cán bộ lãnh đạo quản lý, kiểm sát viên và công chức, viên chức linh hoạt theo yêu cầu thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp.

4.3.2. *Đổi mới công tác cán bộ*

Nguồn lực con người có vai trò rất quan trọng quyết định sự phát triển của mỗi đơn vị, Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị đã nêu rõ việc đổi mới công tác cán bộ là một trong những biện pháp đặc biệt quan trọng để VKSND có thể làm tốt chức năng công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp; Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị đã đề ra chủ trương “*Nghiên cứu thực hiện thi tuyển để chọn người bổ nhiệm vào các chức danh tư pháp*”.

Mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm sát nói chung và cán bộ được giao thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động

tư pháp nói riêng, cả về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực công tác đáp ứng yêu cầu công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự.

Trước yêu cầu đó cần tăng cường hơn nữa công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức Viện kiểm sát vừa có trình độ chuyên môn, vừa có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức tốt và tinh thần trách nhiệm cao. Do vậy, cần phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn nữa công tác cán bộ với các nội dung sau:

Công tác tuyển dụng cán bộ, KSV vào Ngành cần thực hiện hết chỉ tiêu biên chế do Viện kiểm sát nhân dân Tối cao giao nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện chức năng nhiệm vụ của địa phương, tạo cơ sở chủ động trong sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển nhân lực một cách hợp lý, cân đối về nhân lực giữa Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện, giữa chức danh pháp lý và các ngạch công chức khác, bảo đảm sự phát triển bền vững của ngành. Mục tiêu tuyển dụng cán bộ nhằm chọn được người có phẩm chất đạo đức tốt, liêm khiết, trung thực, bản lĩnh chính trị vững vàng, có tinh thần kiên quyết bảo vệ pháp chế là khâu quan trọng hiện nay nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của ngành. Trước mắt, tiếp nhận hồ sơ, chuẩn bị sơ tuyển để báo cáo Viện kiểm sát nhân dân tối cao phê duyệt các thí sinh đăng ký dự tuyển và thực hiện đúng quy trình xét tuyển 06 biên chế công chức còn thiếu (cấp tỉnh 02, cấp huyện 05). Đồng thời, chọn từ nguồn kiểm sát viên sơ cấp đi thi nâng ngạch đủ chỉ tiêu kiểm sát viên trung cấp và chỉ tiêu kiểm sát viên sơ cấp còn thiếu.

Để nâng cao hiệu quả và chất lượng nghiệp vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra vụ án hình sự. Cần có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức của Viện kiểm sát nhân dân cả 2 cấp Tỉnh và huyện. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, kiểm sát viên phải bám sát yêu cầu của công tác giải quyết các vụ án hình sự. Kết hợp chặt chẽ giữa đào

tạo, bồi dưỡng theo trường lớp với rèn luyện, thử thách trong thực tiễn công tác; cần chú trọng hình thức bồi dưỡng, tập huấn ngắn ngày tại Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh theo chuyên đề. Đồng thời, chú ý công tác tự đào tạo tại chỗ thông qua tổ chức rút kinh nghiệm các vụ án cụ thể, tổ chức phiên toà rút kinh nghiệm hoặc tổng kết công tác thực tiễn, các cuộc hội thảo để bổ túc kiến thức nghiệp vụ.

Rà soát lại đội ngũ cán bộ, KSV làm công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động điều tra vụ án để đánh giá năng lực chuyên môn thông qua các vụ án được phân công. Trường hợp cán bộ, kiểm sát viên để xảy ra nhiều vụ án bị hủy, trả điều tra bổ sung vì thiếu chứng cứ, đình chỉ điều tra không tội, vụ án bị Tòa án tuyên không phạm tội do thực hiện không đầy đủ trách nhiệm trong công tác kiểm sát hoạt động điều tra cần mạnh dạn chuyển đổi công tác khác phù hợp.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 30/11/2004, kết luận số 24-KL/TW ngày 5/6/2012 của Bộ Chính trị và các hướng dẫn của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao về công tác quy hoạch cán bộ. Tiếp tục quy hoạch cán bộ giai đoạn 2020, đưa đi đào tạo các cán bộ lãnh đạo, quản lý trẻ, tạo nguồn cán bộ 2 cấp đủ điều kiện để các Viện trưởng đều tham gia cấp uỷ cùng cấp. Quy hoạch cán bộ phải thực sự gắn kết với công tác nhận xét, đánh giá cán bộ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; luân chuyển, sắp xếp, bố trí, sử dụng cán bộ.

Đánh giá đúng cán bộ là khâu quan trọng làm tiền đề cho việc bố trí cán bộ và cho quy hoạch cán bộ; đồng thời quy hoạch cán bộ là cơ sở để thực hiện luân chuyển, đào tạo cán bộ cho nhu cầu trước mắt và lâu dài.

Đổi mới công tác điều động, luân chuyển cán bộ, thực hiện ở mỗi cấp kiểm sát có nhiều ngạch Kiểm sát viên, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng cán bộ, đào tạo cán bộ. Điều động Kiểm sát viên cấp tỉnh, cấp huyện từ

địa phương này sang địa phương khác, từ cấp huyện lên tỉnh và từ tỉnh xuống huyện cần có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ và thống nhất cao giữa cấp uỷ, tập thể lãnh đạo và bản thân cán bộ ở nơi điều động cán bộ đi, cũng như nơi cán bộ được luân chuyển đến, tạo môi trường thuận lợi cho cán bộ đến nhận công tác ở đơn vị mới thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Thực hiện tốt chế độ, chính sách cán bộ, xuất phát từ nhu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ trong thời kỳ mới, tuy đa số kiểm sát viên đã có trình độ chuyên môn Kiểm sát, Đại học Luật và lý luận chính trị, nhưng kiến thức về quản lý kinh tế, quản lý nhà nước về đất đai, xây dựng, tài chính, ngân hàng còn nhiều hạn chế. Do đó, cần khuyến khích cán bộ song song với đi học nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học; ưu tiên đào tạo cán bộ trẻ, trong diện quy hoạch, cần quan tâm những điều kiện vật chất và tinh thần, hỗ trợ tiền ăn, ở, học phí, tiền mua giáo trình, tài liệu... đồng thời, có quy định rõ ràng về định mức chi, theo từng đối tượng phù hợp, đảm bảo để cán bộ đủ các điều kiện hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

Cùng với lực lượng Kiểm sát viên thì đội ngũ lãnh đạo Viện kiểm sát 2 cấp của địa phương có vai trò rất quan trọng. Cần có sự lựa chọn những người có khả năng chuyên môn, có bản lĩnh nghề nghiệp và có đạo đức trong sáng để đưa vào quy hoạch cán bộ lãnh đạo. Công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo phải gắn với việc thử thách cán bộ, có sự chọn lọc và cương quyết đưa ra khỏi quy hoạch những cán bộ không đáp ứng được yêu cầu. Đồng thời cần tuân thủ nguyên tắc bổ nhiệm chức danh quản lý phải dựa trên quy hoạch, lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân huyện phải kinh qua nhiều năm là kiểm sát viên cấp huyện, lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh phải kinh qua lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện. Hiện tại VKSND 2 cấp ở địa phương đã tổ chức làm quy hoạch đủ số lượng lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện và tỉnh đến năm 2020. Vấn đề còn lại là có kế hoạch đào tạo hợp lý, vừa tạo điều

kiện cho cán bộ nâng cao trình độ, mặt khác vừa bảo đảm hoạt động ổn định của đơn vị. Có như vậy ngành kiểm sát Bạc Liêu mới có thể chủ động được vấn đề cán bộ lãnh đạo, yếu tố hết sức quan trọng trong khâu tổ chức cán bộ.

4.3.3. Tăng cường phương tiện

Cùng với việc hoàn thiện tổ chức và cán bộ thì cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị làm việc bao giờ cũng là một nguồn lực quan trọng của mọi cơ quan tổ chức. Trong những năm gần đây Viện kiểm sát tỉnh Bạc Liêu và các Viện kiểm sát cấp huyện tại địa phương được Viện kiểm sát nhân dân tối cao quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất, phương tiện làm việc, phương tiện đi lại, thiết bị công nghệ thông tin... Tuy nhiên, có thể nói những chế độ các trang thiết bị phương tiện làm việc hiện nay còn ở mức tối thiểu; cơ sở vật chất, trụ sở làm việc của đơn vị Viện kiểm sát tỉnh và một số Viện kiểm sát cấp huyện một số nơi chưa được đầu tư, nâng cấp để đáp ứng nhu cầu công việc; áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của ngành chưa nhiều.

Do vậy, cùng với việc đầu tư cơ sở vật chất cho trụ sở làm việc, trong những năm trước mắt chúng ta cần phải dần dần từng bước trang bị đủ phòng hỏi cung và ghi lời khai riêng, những phương tiện như máy ghi âm, ghi hình, tủ hồ sơ, máy tính, máy photocopy, phần mềm quản lý án hình sự và các phương tiện văn phòng khác cho công việc; tối thiểu cho mỗi kiểm sát viên phải có máy vi tính xách tay, máy ghi âm, ghi hình cho việc hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng, bị hại, đương sự tại trụ sở Viện kiểm sát hoặc nơi khác.

Trên cơ sở thực trạng trang thiết bị công nghệ thông tin của toàn ngành Kiểm sát Bạc Liêu, Viện kiểm sát tỉnh cần chủ động rà soát, đánh giá chỉ số ứng dụng công nghệ thông tin chưa được triển khai theo tiêu chí chung của Viện kiểm sát Tối cao để có giải pháp cụ thể tập trung thực hiện. Điều đáng quan tâm là áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động nhằm phục vụ có hiệu quả thực hiện chức năng nhiệm vụ của ngành trong thực hành quyền công tố

và kiểm sát hoạt động điều tra giải quyết án hình sự. Trước mắt, trang bị các phương tiện phục vụ yêu cầu cho việc thực hiện BLTTHS mới như ghi âm, ghi hình khi hỏi cung bị can, các phương tiện cho việc thực hiện quyền của bị can được đọc ghi chép các bản sao tài liệu phục vụ cho việc bào chữa theo pháp luật.

Viện Kiểm sát tỉnh triển khai, thực hiện có hiệu quả việc chuyển giao, sử dụng mô hình quản lý và thống kê án hình thông suốt từ tỉnh đến các Viện kiểm sát cấp huyện. Đưa vào sử dụng có hiệu quả hệ thống phần mềm thống kê tội phạm, hệ thống thông tin quản lý án hình sự, khắc phục cho được lỗi ứng dụng phần mềm quản lý án hình sự để phục vụ có hiệu quả cho công tác quản lý điều hành của đơn vị. Quản lý, cập nhật 100% các vụ án hình sự các giai đoạn nhất là giai đoạn Kiểm sát hoạt động điều tra và truy tố nhằm khai thác được những thông tin về vụ án, về thời hạn tố tụng, thời hạn tạm giữ, tạm giam... để giảm tải được công việc quản lý và có thời gian tập trung thực hiện tốt công tác nghiệp vụ.

Cấp huyện là nơi giải quyết hơn 90% lượng án hình sự nên việc tăng cường chất lượng, hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành bức thiết hơn lúc nào hết. Do đó, cần khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị hệ thống truyền hình trực tuyến phục vụ các cuộc họp định kỳ giữa điểm cầu VKSND tỉnh với tất cả các điểm cầu VKS cấp huyện trực thuộc. Phát huy tối đa hiệu quả hạ tầng công nghệ thông tin, bảo đảm vận hành tốt về mặt kỹ thuật cho các hội nghị truyền hình trực tuyến đáp ứng yêu cầu chỉ đạo điều hành kịp thời, tiết kiệm; đồng thời phục vụ có hiệu quả việc kiểm tra nghiệp vụ, trao đổi vụ án, tăng cường tự đào tạo thông qua rút kinh nghiệm giải quyết án.

4.3.4. Tổ chức tốt công tác thanh tra hoạt động của Viện kiểm sát trong lĩnh vực hình sự

Thanh tra là một khâu quan trọng trong công tác quản lý, điều hành

theo yêu cầu của Ngành, nhất là trong điều kiện Viện kiểm sát vừa thực hành quyền công tố vừa kiểm sát hoạt động điều tra. Do đó, hoạt động thanh tra phải được tăng cường nhằm đề cao trách nhiệm quản lý và kiểm soát nội bộ, bảo đảm hoạt động của Viện kiểm sát được khách quan, có căn cứ và đúng pháp luật.

Trước hết, cần quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị công tác hàng năm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, kịp thời xây dựng chương trình, kế hoạch công tác của đơn vị nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Tăng cường công tác Thanh tra theo chuyên đề nghiệp vụ, công vụ, xử lý nghiêm những vi phạm, thiếu sót; đặc biệt quan tâm thanh tra những trường hợp có nhiều khả năng dẫn đến oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm; từ đó, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và hoạt động chuyên môn nghiệp vụ.

Tập trung vào thanh tra việc chấp hành quy chế hoạt động nghiệp vụ của Ngành về việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; về hoạt động phê chuẩn bắt, tạm giữ, tạm giam và các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế khác trong vụ án hình sự.

Trong đó đặc biệt chú trọng phát hiện và xử lý nghiêm minh những cán bộ, Kiểm sát viên vi phạm kỷ luật và pháp luật, nhất là vi phạm pháp luật trong việc giải quyết các vụ án gây ra oan sai, gây thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

Kết luận chương 4

Để đảm bảo thực hiện đúng pháp luật về thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra chương 4 đã phân tích các vấn đề sau:

Tăng cường nhận thức thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra được đưa ra nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế thực hiện pháp luật trong hoạt động thực hiện chức năng nhiệm vụ của ngành kiểm sát.

Tác giả mạnh dạn đưa ra nhóm giải pháp hoạt động cụ thể nhằm hướng đến tránh những hạn chế, yếu kém trong hoạt động thực tiễn; thực hiện có hiệu quả chức năng của ngành, bảo đảm không để xảy ra oan sai trong giải quyết các vụ án hình sự tại địa phương, tăng cường công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với điều tra theo Nghị quyết 49 của Bộ Chính trị.

Đồng thời, đưa ra giải pháp hoàn thiện tổ chức, cán bộ và phương tiện làm việc, phương tiện công nghệ thông tin đáp ứng đủ nhu cầu công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trong thời gian tới.

Những giải pháp tác giả đưa ra tuy chưa toàn diện nhưng có ý nghĩa quan trọng ở mức độ nhất định cả về lý luận và thực tiễn nhất là yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp ở nước ta giai đoạn hiện nay là Việc kiểm sát phải tập trung làm tốt chức năng này hơn nữa.

KẾT LUẬN

Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích, đánh giá những vấn đề lý luận về tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân nói chung và tổ chức thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra vụ án hình sự nói riêng, Luận án đã:

- Nghiên cứu công tố, quyền công tố trên các góc độ khác nhau để hiểu rõ thực hành quyền công tố là chức năng riêng có Hiến pháp giao cho Viện kiểm sát nhân dân. Nội dung và phương thức thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động điều tra vụ án hình sự.

- Nghiên cứu, đánh giá, phân tích, so sánh số liệu thực tiễn thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự xảy ra trên phạm vi tỉnh Bạc Liêu trong 10 năm (2006 – 2015), tổng kết, đánh giá những ưu điểm đạt được, những hạn chế và rút ra nguyên nhân khách quan, chủ quan công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra vụ án hình sự.

- Đưa ra nội dung liên quan tăng cường hoàn thiện Luật Tổ chức VKSND và BLTTHS. Tăng cường hướng dẫn về nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân trong tổ chức thực hiện thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra vụ án hình sự.

- Đề xuất các nhóm giải pháp mang tính chiến lược đồng bộ, toàn diện, cụ thể và khả thi. Trong đó, có giải pháp mang tính đột phá, quan trọng là bổ sung, kiện toàn công tác tổ chức, cán bộ làm công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra vụ án hình sự; đổi mới nội dung, phương thức thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra vụ án hình sự nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thực hiện chức năng, nhiệm vụ của VKSND, góp phần đảm bảo hoạt động điều tra nhanh chóng, kịp thời, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật của VKSND trong tổ chức và hoạt động điều tra vụ án, thông qua đó kiến nghị xây dựng, hoàn thiện pháp TTHS về hoạt động của VKSND; bổ sung lý luận khoa học pháp lý chuyên ngành kiểm sát, một chuyên ngành mới trong hệ thống khoa học pháp lý ở nước ta. Những nội dung nghiên cứu của luận án có thể làm tài liệu tham khảo cho hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy, đào tạo KSV, phục vụ công tác nghiên cứu hoàn thiện pháp luật nhất là pháp luật TTHS, Luật Tổ chức VKSND, góp phần nâng cao vị trí, vai trò VKSND trong hoạt động điều tra tội phạm hình sự trong tiến trình cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ

[1]. Trần Minh Tạo, *Thực trạng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp ở một tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long*, Hội thảo khoa học “Những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản về công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong Nhà nước pháp quyền- kinh nghiệm của Cộng hoà Liên bang Đức”, Hà Nội, ngày 27, 28/4/2011.

[2]. Trần Minh Tạo, *Nâng cao hiệu quả hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong kiểm sát việc tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bạc Liêu*, Tạp chí khoa học Cảnh sát nhân dân, số 9, tháng 5/2015, trang 26-29.

[3]. Trần Minh Tạo, *Quyền công tố- vấn đề đặt ra từ nhận thức thực tế và một số kiến nghị*, Tạp chí Pháp lý của Trung ương Hội Luật gia Việt Nam, số đầu tháng 11/2015, trang 17-19.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Danh mục tài liệu tiếng Việt

1. John Locke (2006), *Khảo luận thứ hai về chính quyền*, Nxb Tri thức, Hà Nội;
2. Mongtesquieu (2010), *Tinh thần pháp luật*, (Hoàng Thanh Đạm dịch), Nxb Đà Nẵng;
3. Rousseau (1992) *Bàn về khế ước xã hội*, (Hoàng Thanh Đạm dịch), Nxb Tp. Hồ Chí Minh;
4. V.I. Lênin (1982), *Bàn về kiểm tra và kiểm soát*, Nxb. Sự thật, Hà Nội;
5. Fukuzawa Yukichi (2014), *Khuyến học*, Nxb Thế giới, Hà Nội;
6. Ban Cán sự đảng - Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2010), *Kế hoạch thực hiện Kết luận số 79-KL/TW ngày 28-7-2010 của Bộ Chính trị về “Đề án đổi mới tổ chức và hoạt động của toà án, viện kiểm sát và cơ quan điều tra theo Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”*, Hà Nội;
7. Ban chấp hành Trung ương (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của về “Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”*;
8. Ban chấp hành Trung ương (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về “Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020”*;
9. Ban chấp hành Trung ương (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”*;

10. Ban Chấp hành Trung ương (2014), *Kết luận của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết 49-NQ/TW, ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị khoá IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội;
11. Ban chấp hành đảng bộ tỉnh Bạc Liêu (2015), *Văn kiện đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh Bạc Liêu lần thứ XV*, tr 54;
12. Nguyễn Hoà Bình (2012), *Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp*, Tạp chí Kiểm sát (số 10);
13. Nguyễn Hoà Bình (2016), *Xây dựng ngành kiểm sát nhân dân trong sạch, vững mạnh nơi gửi trọn niềm tin công lý*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội;
14. Nguyễn Hoà Bình (chủ biên) (2016), *Những nội dung mới trong Bộ Luật Tổ tụng hình sự năm 2015 (sách chuyên khảo)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
15. Bộ luật tố tụng hình sự nước Cộng hoà XHCN Việt Nam năm 1998, năm 2003;
16. Bộ luật tố tụng hình sự nước Cộng hoà XHCN Việt Nam năm 2015;
17. Lê Văn Cẩm (2009) *Hệ thống tư pháp hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội;
18. Lê Văn Cẩm (2012), *Kiểm soát quyền lực nhà nước bằng hệ thống Viện kiểm sát ở Việt Nam trong bối cảnh sửa đổi Hiến pháp hiện nay*, Tạp chí Kiểm sát, số 7/2012;
19. Ngô Huy Cương (2006), *Góp phần bàn về cải cách pháp luật ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Tư pháp, Hà Nội;
20. Nguyễn Đăng Dung (chủ biên) (2012), *Những vấn đề về Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp*, Nxb Dân Trí, Hà Nội;
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà nội;

22. Nguyễn Minh Đức (2011), *Quyền công tố và tổ chức thực hiện quyền công tố trong nhà nước pháp quyền*. Viện Nhà nước và Pháp luật. Kỷ yếu hội thảo quốc tế, ngày 27-28 tháng 4 năm 2011, Hà Nội;

23. Đỗ Văn Đương (1999), "Khái niệm, đối tượng, phạm vi, nội dung quyền công tố", Kỷ yếu đề tài khoa học cấp bộ: *Những vấn đề lý luận về quyền công tố và việc tổ chức thực hiện quyền công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay*, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội;

24. Đỗ Văn Đương (2006), *Cơ quan thực hành quyền công tố trong cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay* (Tập chí chuyên ngành), Hà Nội;

25. Đỗ Văn Đương (2012), *Bảo đảm tính độc lập của Viện kiểm sát và vai trò của Viện kiểm sát trong kiểm sát các hoạt động tư pháp kinh nghiệm từ thực tiễn Việt Nam*, Tạp chí Kiểm sát, số 7/ 2012;

26. Trần Ngọc Đường (chủ biên), *Một số vấn đề về phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực trong xây dựng Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2011;

27. Phạm Hồng Hải (2007), *Đổi mới tổ chức và hoạt động của cơ quan thực hiện chức năng thực hành quyền công tố, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Tạp chí Kiểm sát số 14/2007;

28. Phạm Hồng Hải: *Đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống các cơ quan thực hiện chức năng thực hành quyền công tố đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp* (Tập chí chuyên ngành), Hà Nội, 2006;

29. Phạm Hồng Hải (2011), *Bàn về chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân*. Viện Nhà nước và Pháp luật. Kỷ yếu hội thảo quốc tế, ngày 27-28 tháng 4 năm 2011, Hà Nội;

30. Hiến pháp nước Cộng hoà XHCN Việt Nam năm 1992, sửa đổi, bổ sung năm 2001;

31. Hiến pháp nước Cộng hoà XHCN Việt Nam năm 2013;

32. Lê Thị Tuyết Hoa (2002), *Quyền công tố ở Việt Nam*, (Luận án tiến sỹ luật học), Hà Nội;
33. Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự 2015;
34. Luật tổ chức Tòa án nhân dân các năm 1960, 1981, 1992, 2002;
35. Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân các năm 1960, 1981, 1992, 2002;
36. Khuất Văn Nga (2005), *Những chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về cải cách tư pháp và tổ chức hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong thời kỳ đổi mới*, Tạp chí Kiểm sát, Hà Nội;
37. Nguyễn Hải Ninh (2011), *Đổi mới tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát theo Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*. Viện Nhà nước và Pháp luật. Kỷ yếu hội thảo quốc tế, ngày 27-28 tháng 4 năm 2011, Hà Nội;
38. Nghị quyết 37/2012/QH13 về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và công tác thi hành án năm 2013, do Quốc hội ban hành;
39. Nghị quyết 63/2013/QH13 tăng cường biện pháp đấu tranh phòng chống tội phạm, do Quốc hội ban hành;
40. Nghị quyết 96/2015/QH13 tăng cường biện pháp phòng, chống oan, sai và bảo đảm bồi thường cho người bị thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự, do Quốc hội ban hành;
41. Nghị quyết 111/2015/QH13 về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và công tác thi hành án năm 2016 và các năm tiếp theo do Quốc hội ban hành;
42. Nguyễn Thái Phúc (2007) *Viện kiểm sát hay Viện công tố*, Tạp chí Khoa học Pháp lý, Đại học Luật TP. HCM số 2/2007;

43. Nguyễn Thái Phúc (2012), *Chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân và những vấn đề đặt ra đối với việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992*, Tạp chí Kiểm sát, số 7/ 2012;

44. Nguyễn Văn Quảng (2011), *Chức năng nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự*. Kỷ yếu hội thảo quốc tế, ngày 27-28 tháng 4 năm 2011, Hà Nội;

45. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*;

46. Quốc hội (2014), *Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân*;

47. Quốc hội (2015), *Bộ luật Tố tụng hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

48. Nguyễn Tôn Nhan, Phú Văn Hãn, (2013), *Từ điển tiếng Việt*, Viện khoa học xã hội vùng Nam Bộ thuộc Viện Hàn Lâm khoa học xã hội Việt Nam, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội, trang 208.

49. Bùi Ngọc Sơn (2005), *Góp phần nghiên cứu Hiến pháp và Nhà nước pháp quyền*, Nxb Tư pháp, Hà Nội;

50. Phạm Văn Tỉnh (2010), *Quyền con người- bản chất và cách tiếp cận khoa học pháp lý*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 12/2010;

51. Phạm Văn Tỉnh (2011), *Khoa học pháp lý Việt nam và yêu cầu nâng cao trình độ lý luận theo tinh thần Nghị quyết XI của Đảng*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 8/2011;

52. Phạm Văn Tỉnh (2011), *Quyền công tố trong pháp luật tố tụng hình sự của CHLB Đức và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*. Viện Nhà nước và Pháp luật “Những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản về công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong Nhà nước pháp quyền – Kinh nghiệm của CHLB Đức”. Kỷ yếu hội thảo quốc tế, ngày 27-28 tháng 4 năm 2011, Hà Nội;

53. Phạm Văn Tỉnh (2012), *Nhân quyền học-Nhận diện và cách tiếp cận*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 1/2012;

54.Lê Hữu Thê (2000) *Bàn về khái niệm quyền công tố*, (Tập chí chuyên ngành), Hà Nội,

55.Lê Hữu Thê (Chủ biên) (2005), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra* (Sách tham khảo), Nxb Tư pháp, Hà Nội;

56.Lê Hữu Thê (Chủ biên) (2008), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra* (Sách tham khảo), Nxb Tư pháp, Hà Nội;

57.Lê Hữu Thê (2008), *Tranh tụng trong tố tụng hình sự Việt nam theo tinh thần cải cách tư pháp*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

58.Lê Hữu Thê (2013), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của việc đổi mới thủ tục tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Nxb Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội;

59.Lê Minh Thông (Chủ biên) (2001), *Một số vấn đề về hoàn thiện tổ chức và hoạt động của Bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, (Nxb Khoa học xã hội), Hà Nội;

60.Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 07/9/2005, *về quan hệ phối hợp giữa cơ quan điều tra và VKS trong việc thực hiện một số quy định của BLTTHS*, của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng;

61.Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-VKSNDTC-BCA-TANDTC ngày 27/8/2010, *hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung*, của Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ Công an- Tòa án nhân dân tối cao;

62. Thông tư Liên tịch 06/2013/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 02 tháng 08 năm 2013 về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố;

63. Tòa án nhân dân Tối cao (1976), Tập hệ thống hoá “*Luật lệ về Tố tụng hình sự*”;

64. Tòa án nhân dân tối cao (1975-1978), *Hệ thống hoá Luật lệ về Tố tụng hình sự (tập II)*;

65. Tòa án nhân dân tối cao (1992), *Các văn bản về hình sự, dân sự, kinh tế và tố tụng*, Hà Nội;

66. Tòa án nhân dân tối cao (1995), *Các văn bản về hình sự, dân sự, kinh tế và tố tụng*, Hà Nội;

67. Tòa án nhân dân tối cao (1996), *Các văn bản về hình sự, dân sự, kinh tế, hành chính và tố tụng*, Hà Nội;

68. Tòa án nhân dân tối cao (1998), *Các văn bản về hình sự, dân sự, kinh tế và tố tụng*, Hà Nội;

69. Tòa án nhân dân tối cao (2000), *Các văn bản về hình sự, dân sự, kinh tế, hành chính và tố tụng*, Hà Nội;

70. Tòa án nhân dân tối cao (2003), *Các văn bản về hình sự, dân sự, kinh tế, hành chính và tố tụng*;

71. Trung tâm thông tin, thư viện và nghiên cứu khoa học Văn phòng Quốc hội (2009), *Tuyển tập Hiến pháp một số nước trên thế giới*, Nxb Thống kê, Hà Nội;

72. Trung tâm Hợp tác Trí tuệ Việt Nam (2013), *Các bản Hiến pháp làm nên lịch sử*, Nxb Chính trị Quốc gia- Sự thật, Hà Nội;

73. Trường Đại học Luật Hà Nội (2009), *Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự nhằm nâng cao hiệu quả xét xử theo tinh thần của cải cách tư pháp*, Hà Nội;

- 74.Thủ tướng Chính phủ (1959), *Nghị định số 256-TTg ngày 1 tháng 7 năm 1959 về nhiệm vụ của Viện Công tố*;
- 75.Đào Trí Úc (2011), *Về Viện kiểm sát ở Việt Nam*. Viện Nhà nước và Pháp luật. Kỷ yếu hội thảo quốc tế, ngày 27-28 tháng 4 năm 2011, Hà Nội;
- 76.Đào Trí Úc (2011), *Chế định Viện kiểm sát nhân dân trong Hiến pháp Việt Nam*, (Tạp chí Kiểm sát), số tháng 7/ 2012;
- 77.Đào Trí Úc (2013), *Đề xuất đổi mới Viện kiểm sát ở Việt Nam từ kinh nghiệm của một số nước trên thế giới*. Tạp chí Kiểm sát số tháng 12/2013;
- 78.Đào Trí Úc: *Bàn về nguyên tắc cơ bản trong Dự thảo Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi)*, Tạp chí Kiểm sát tháng 5/2015;
- 79.Nguyễn Tất Viễn (2007), *Một số suy nghĩ về cơ quan công tố ở Việt Nam trong thời kỳ cải cách tư pháp*, Tạp chí Kiểm sát, số 14/2007;
- 80.Viện khoa học Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2000), “*Chuyên đề về cơ quan công tố một số nước*”, Thông tin khoa học pháp lý, (4);
- 81.Viện khoa học Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2000), “*Giới thiệu hệ thống tư pháp hình sự của Nhật Bản*”, Thông tin khoa học pháp lý, (5);
- 82.Viện khoa học Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2005), “*Chuyên đề cơ quan công tố một số nước*”, Thông tin khoa học pháp lý, (3+4);
- 83.Viện khoa học Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2006), “*Chuyên đề về cơ quan công tố một số nước*”, Thông tin khoa học pháp lý, (5+6);
- 84.Viện khoa học Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2008), “*Chuyên đề về Viện kiểm sát/Viện Công tố của một số nước trên thế giới*”, Thông tin khoa học pháp lý, (1+2);
- 85.Viện khoa học Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2008) *chuyên đề về So sánh pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và một số nước trên thế giới*, Thông tin khoa học pháp lý số 5 và 6/2008;

86.Viện khoa học Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2008), *Chuyên đề về so sánh pháp luật Tổ tụng hình sự Việt Nam và một số nước trên thế giới*”, Thông tin khoa học pháp lý, (3+4);

87.Viện khoa học Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2015), *Sổ chuyên đề về Triển khai thi hành Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014*, Thông tin khoa học pháp lý số 1 và 2/2015;

88.Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (2010), *Lịch sử Viện kiểm sát nhân dân Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc Gia, Hà Nội;

89.Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2015), *Tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác của Viện kiểm sát nhân dân qua 55 năm tổ chức và hoạt động (26/7/1960 – 26/7/2015)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;

90.Võ Khánh Vinh (1993), *Nguyên tắc công bằng trong luật hình sự Việt Nam, luận án tiến sỹ luật học*, Hà Nội;

91.Võ Khánh Vinh (2010), *Giáo dục quyền con người – những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 2010;

92.Võ Khánh Vinh (2012), *Bình luận khoa học Bộ luật Tổ tụng hình sự của nước Cộng hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội;

93.Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2000), *Chỉ dẫn về công tác công tố-Hiệp hội công tố viên quốc tế*, Hà Nội;

94.Viện Thông tin khoa học xã hội (1982), *Những vấn đề lý luận về luật TTHS và tội phạm học*, Hà Nội;

95.Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2000), *Một số khuyến nghị về xây dựng Bộ luật TTHS (sửa đổi) Sổ tay công tác kiểm sát hình sự tại Việt Nam*, Hà Nội;

96.Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2015), *Tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2015*;

97. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2008), *Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự*;

98. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2013), *tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm*;

99. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (1996), (2004), (2007), *Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự*, Hà Nội;

100. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2005), *Quy chế về chức trách, nhiệm vụ và chế độ làm việc của các Viện thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm*;

101. Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bạc Liêu (2006), *Báo cáo công tác kiểm sát năm 2006*;

102. Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bạc Liêu (2007), *Báo cáo công tác kiểm sát năm 2007*;

103. Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bạc Liêu (2008), *Báo cáo công tác kiểm sát năm 2008*;

104. Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bạc Liêu (2009), *Báo cáo công tác kiểm sát năm 2009*;

105. Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bạc Liêu (2010), *Báo cáo công tác kiểm sát năm 2010*;

106. Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bạc Liêu (2011), *Báo cáo công tác kiểm sát năm 2011*;

107. Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bạc Liêu (2012), *Báo cáo công tác kiểm sát năm 2012*;

108. Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bạc Liêu (2013), *Báo cáo công tác kiểm sát năm 2013*;

109. Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bạc Liêu (2014), *Báo cáo công tác kiểm sát năm 2014*;

110. Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bạc Liêu (2015), *Báo cáo công tác kiểm sát năm 2015*;

111. Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bạc Liêu, *Báo cáo sơ kết 01 năm thực hiện Thông tư Liên tịch 06/2013/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 02/8/2013*.

B. Danh mục tài liệu tiếng Anh

112. Shawn Boyne (2014), *The German prosecution service : guardians of the law*, Publisher: Heidelberg.

113. Angela J. Davis (2009), *Arbitrary Justice: The Power of the American Prosecutor*, Publisher: Oxford University Press, USA.

114. Dean Doran and John Jackson (2000) *The judicial role in criminal proceedings*, Publisher: Oxford-Portland Oregon.

115. Council of Europe (Author) (1998), *The Role of the Public Prosecution Office in a Democratic Society*, Publisher: Council of Europe

116. Peter J. Henning and Lee Radek (2013), *The Prosecution and Defense of Public Corruption: The Law and Legal Strategies* authored, Publisher: LexisNexis.

117. Julia Fionda (1995), *Public Prosecutors and Discretion: A Comparative Study* Oxford monographs on criminal law and criminal justice, Publisher: Clarendon Press.

118. Adrew Sanders (1996) *Prosecutions in common law jurisdictions*, Publisher: Dartmouth company.

119. Martijn Zwiers (2011), *The European Public Prosecutor's Office Analysis of a Multilevel Criminal Justice System*, Publisher: Intersentia.
120. Tony Paul Marguery (2011), *The Unity and Diversity of the Public Prosecution Service in Europe*”
121. William E Buttler (2010), “Research studies on the organization and functioning of the justice system in five selected countries (China, Indonesia, Japan, Republic of Korea and Russian Federation)

PHỤ LỤC

Bảng 3.1

TỐ GIÁC, TIN BÁO TỘI PHẠM VÀ KIẾN NGHỊ KHỎI TỐ

Năm	Thụ lý (tin)	Giải quyết (tin)	Tỷ lệ % giải quyết/ thụ lý	Còn lại	Quá hạn	Tỷ lệ % quá hạn/ Số còn lại
2006	300	257	85.67	43	0	0.00
2007	664	635	95.63	29	0	0.00
2008	666	647	97.15	19	0	0.00
2009	596	535	89.77	61	0	0.00
2010	504	430	85.32	74	0	0.00
2011	509	492	96.66	17	0	0.00
2012	548	522	95.26	26	1	3.85
2013	704	663	94.18	41	5	12.20
2014	1292	1197	92.65	95	23	24.21
2015	1390	1256	90.36	134	27	20.15

Nguồn: Văn phòng tổng hợp và thống kê tội phạm Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bạc Liêu.

Bảng 3.2**THỤ LÝ, GIẢI QUYẾT TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA**

Năm	Thụ lý		Giải quyết		Tỉ lệ % giải quyết/ thụ lý	
	Vụ án	Bị can	Vụ án	Bị can	Vụ án	Bị can
2006	775	1253	627	1032	80.90	82.36
2007	822	1273	671	1071	81.63	84.13
2008	801	1203	643	956	80.27	79.47
2009	680	956	587	825	86.32	86.30
2010	548	794	440	663	80.29	83.50
2011	627	1119	508	886	81.02	79.18
2012	630	1160	541	980	85.87	84.48
2013	609	1064	515	890	84.56	83.65
2014	917	1181	763	951	83.21	80.52
2015	1022	1121	880	963	86.11	85.91

Nguồn: Văn phòng tổng hợp và thống kê tội phạm Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bạc Liêu.

Bảng 3.3
CƠ QUAN ĐIỀU TRA ĐỀ NGHỊ TRUY TỐ

Năm	Giải quyết		Đề nghị truy tố		Tỉ lệ % đề nghị truy tố/ giải quyết	
	Vụ án	Bị can	Vụ án	Bị can	Vụ án	Bị can
2006	627	1032	576	946	91.87	91.67
2007	671	1071	621	977	92.55	91.22
2008	643	956	597	889	92.85	92.99
2009	587	825	527	760	89.78	92.12
2010	440	663	393	557	89.32	84.01
2011	508	886	409	809	80.51	91.31
2012	541	980	464	925	85.77	94.39
2013	515	890	452	843	87.77	94.72
2014	763	951	504	890	66.06	93.59
2015	880	963	495	903	56.25	93.77

Nguồn: Văn phòng tổng hợp và thống kê tội phạm Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bạc Liêu.

Bảng 3.4**CƠ QUAN ĐIỀU TRA ĐÌNH CHỈ ĐIỀU TRA**

Năm	Thụ lý		Đình chỉ		Tỉ lệ % đình chỉ/ thụ lý	
	Vụ án	Bị can	Vụ án	Bị can	Vụ án	Bị can
2006	775	1253	14	22	1.81	1.76
2007	822	1273	16	17	1.95	1.34
2008	801	1203	24	32	3.00	2.66
2009	680	956	28	36	4.12	3.77
2010	548	794	16	24	2.92	3.02
2011	627	1119	27	29	4.31	2.59
2012	630	1160	14	17	2.22	1.47
2013	609	1064	18	22	2.96	2.07
2014	917	1181	17	20	1.85	1.69
2015	1022	1121	27	23	2.64	2.05

Nguồn: Văn phòng tổng hợp và thống kê tội phạm Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bạc Liêu.

Bảng 3.5

**CƠ QUAN ĐIỀU TRA ĐÌNH CHỈ ĐIỀU TRA VÌ KHÔNG CÓ TỘI,
ĐÌNH CHỈ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ**

Năm	Thụ lý	Đình chỉ điều tra vì không có tội	Tỉ lệ % đình chỉ điều tra vì không có tội/	Đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự	Tỉ lệ % đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự/ Thụ lý
2006	1253	1	0.08	1	0.08
2007	1273	0	0.00	2	0.16
2008	1203	0	0.00	1	0.08
2009	956	0	0.00	8	0.84
2010	794	1	0.13	7	0.88
2011	1119	2	0.18	13	1.16
2012	1160	0	0.00	2	0.17
2013	1064	0	0.00	3	0.28
2014	1181	0	0.00	6	0.51
2015	1121	0	0.00	9	0.80

Nguồn: Văn phòng tổng hợp và thống kê tội phạm Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bạc Liêu.

Bảng 3.6
VIỆN KIỂM SÁT THỤ LÝ, GIẢI QUYẾT

Năm	Thụ lý		Giải quyết		Tỉ lệ % giải quyết/ thụ lý	
	Vụ án	Bị can	Vụ án	Bị can	Vụ án	Bị can
2006	585	963	581	959	99.32	99.58
2007	626	985	621	976	99.20	99.09
2008	607	902	600	881	98.85	97.67
2009	534	773	533	772	99.81	99.87
2010	401	572	389	558	97.01	97.55
2011	448	844	432	774	96.43	91.71
2012	471	947	471	947	100.00	100.00
2013	455	846	455	846	100.00	100.00
2014	506	897	504	893	99.60	99.55
2015	502	910	500	883	99.60	97.03

Nguồn: Văn phòng tổng hợp và thống kê tội phạm Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bạc Liêu.

Bảng 3.7
VIỆN KIỂM SÁT TRUY TỐ

Năm	Giải quyết		Truy tố		Tỉ lệ % truy tố/giải quyết	
	Vụ án	Bị can	Vụ án	Bị can	Vụ án	Bị can
2006	581	959	572	938	98.45	97.81
2007	621	976	612	946	98.55	96.93
2008	600	881	592	870	98.67	98.75
2009	533	772	511	747	95.87	96.76
2010	389	558	382	544	98.20	97.49
2011	432	774	415	750	96.06	96.90
2012	471	947	464	933	98.51	98.52
2013	455	846	447	822	98.24	97.16
2014	504	893	497	886	98.61	99.22
2015	500	883	497	878	99.40	99.43

Nguồn: Văn phòng tổng hợp và thống kê tội phạm Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bạc Liêu.

Bảng 3.8
VIỆN KIỂM SÁT ĐÌNH CHỈ

Năm	Thụ lý		Đình chỉ		Tỉ lệ % đình chỉ/ thụ lý	
	Vụ án	Bị can	Vụ án	Bị can	Vụ án	Bị can
2006	585	963	8	19	1.37	1.97
2007	626	985	7	27	1.12	2.74
2008	607	902	4	6	0.66	0.67
2009	534	773	21	24	3.93	3.10
2010	401	572	7	14	1.75	2.45
2011	448	844	16	22	3.57	2.61
2012	471	947	7	13	1.49	1.37
2013	455	846	7	21	1.54	2.48
2014	506	897	7	7	1.38	0.78
2015	502	910	2	4	0.40	0.44

Nguồn: Văn phòng tổng hợp và thống kê tội phạm Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bạc Liêu.

Bảng 3.9

**VIỆN KIỂM SÁT ĐÌNH CHỈ VÌ KHÔNG CÓ TỘI, ĐÌNH CHỈ MIỄN
TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ**

Năm	Thụ lý	Đình chỉ vì không có tội	Tỉ lệ % đình chỉ vì không có tội/ thụ lý	Đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự	Tỉ lệ % đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự/ thụ lý
2006	963	0	0.00	4	0.42
2007	985	1	0.10	19	1.93
2008	902	2	0.22	3	0.33
2009	773	0	0.00	8	1.03
2010	572	0	0.00	8	1.40
2011	844	0	0.00	11	1.30
2012	947	0	0.00	2	0.21
2013	846	0	0.00	14	1.65
2014	897	0	0.00	3	0.33
2015	910	0	0.00	3	0.33

*Nguồn: Văn phòng tổng hợp và thống kê tội phạm Viện kiểm sát nhân dân
Tỉnh Bạc Liêu.*

Bảng 3.10
KIỂM SÁT TẠM GIỮ

Năm	Số người bị tạm giữ	Giải quyết	Khởi tố bị can	Tỉ lệ % khởi tố bị can/ giải quyết	Số người VKS không phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp	Số người VKS hủy bỏ quyết định tạm giữ, không phê chuẩn gia hạn tạm giữ
2006	468	464	449	96.77	5	7
2007	562	556	542	97.48	1	1
2008	556	551	527	95.64	2	17
2009	472	470	456	97.02	3	2
2010	418	411	387	94.16	2	6
2011	499	486	467	96.09	4	15
2012	459	454	440	96.92	2	11
2013	426	418	412	98.56	0	5
2014	427	425	417	98.12	1	7
2015	372	367	360	98.09	3	4

Nguồn: Văn phòng tổng hợp và thống kê tội phạm Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bạc Liêu.

Bảng 3.11
KIỂM SÁT TẠM GIAM

Năm	Số người bị tạm giam	Giải quyết	Tỷ lệ % giải quyết/ Số người bị tạm giam	Số bị can VKS không phê chuẩn lệnh bắt tạm giam, không phê chuẩn lệnh tạm giam	Số bị can VKS hủy bỏ biện pháp tạm giam
2006	1104	817	74.00	2	0
2007	1092	811	74.27	5	0
2008	983	737	74.97	3	0
2009	967	705	72.91	3	0
2010	1090	840	77.06	0	0
2011	1286	980	76.21	3	0
2012	1505	1221	81.13	3	8
2013	986	656	66.53	1	5
2014	1192	818	68.62	5	4
2015	1474	1184	80.33	0	5

Nguồn: Văn phòng tổng hợp và thống kê tội phạm Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bạc Liêu.

Bảng 3.12
YÊU CẦU ĐIỀU TRA

Năm	Số vụ án VKS yêu cầu điều tra	Tổng số trả hồ sơ bổ sung giữa các cơ quan THTT	Tỉ lệ trả điều tra bổ sung giữa các cơ quan THTT
2006	0	63	9,97%
2007	0	75	11,23%
2008	0	49	7,55%
2009	0	52	9,34%
2010	0	30	7,10%
2011	16	31	6,45%
2012	81	17	3,36%
2013	203	13	2,58%
2014	413	15	2,76%
2015	588	24	3,55%

*Nguồn: Văn phòng tổng hợp và thống kê tội phạm Viện kiểm sát nhân dân
Tỉnh Bạc Liêu.*

Bảng 3.13
TRẢ ĐIỀU TRA BỔ SUNG

Năm	Số vụ án VKS thụ lý	Số vụ VKS trả hồ sơ điều tra bổ sung	Tỉ lệ % VKS trả hồ sơ	Số vụ án Tòa án thụ lý	Số vụ Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung	Tỉ lệ % Tòa án trả hồ sơ	Số vụ án trả hồ sơ điều tra bổ sung	Tỉ lệ % trả hồ sơ điều tra bổ sung
2006	585	25	4.27	666	38	5.71	63	9.98
2007	626	31	4.95	701	44	6.28	75	11.23
2008	607	22	3.62	687	27	3.93	49	7.55
2009	534	30	5.62	558	22	3.94	52	9.56
2010	401	18	4.49	456	12	2.63	30	7.12
2011	448	11	2.46	495	20	4.04	31	6.50
2012	471	5	1.06	521	12	2.30	17	3.36
2013	455	4	0.88	528	9	1.70	13	2.58
2014	506	6	1.19	568	9	1.58	15	2.77
2015	502	5	1.00	584	15	2.57	24	3.56

Nguồn: Văn phòng tổng hợp và thống kê tội phạm Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bạc Liêu.